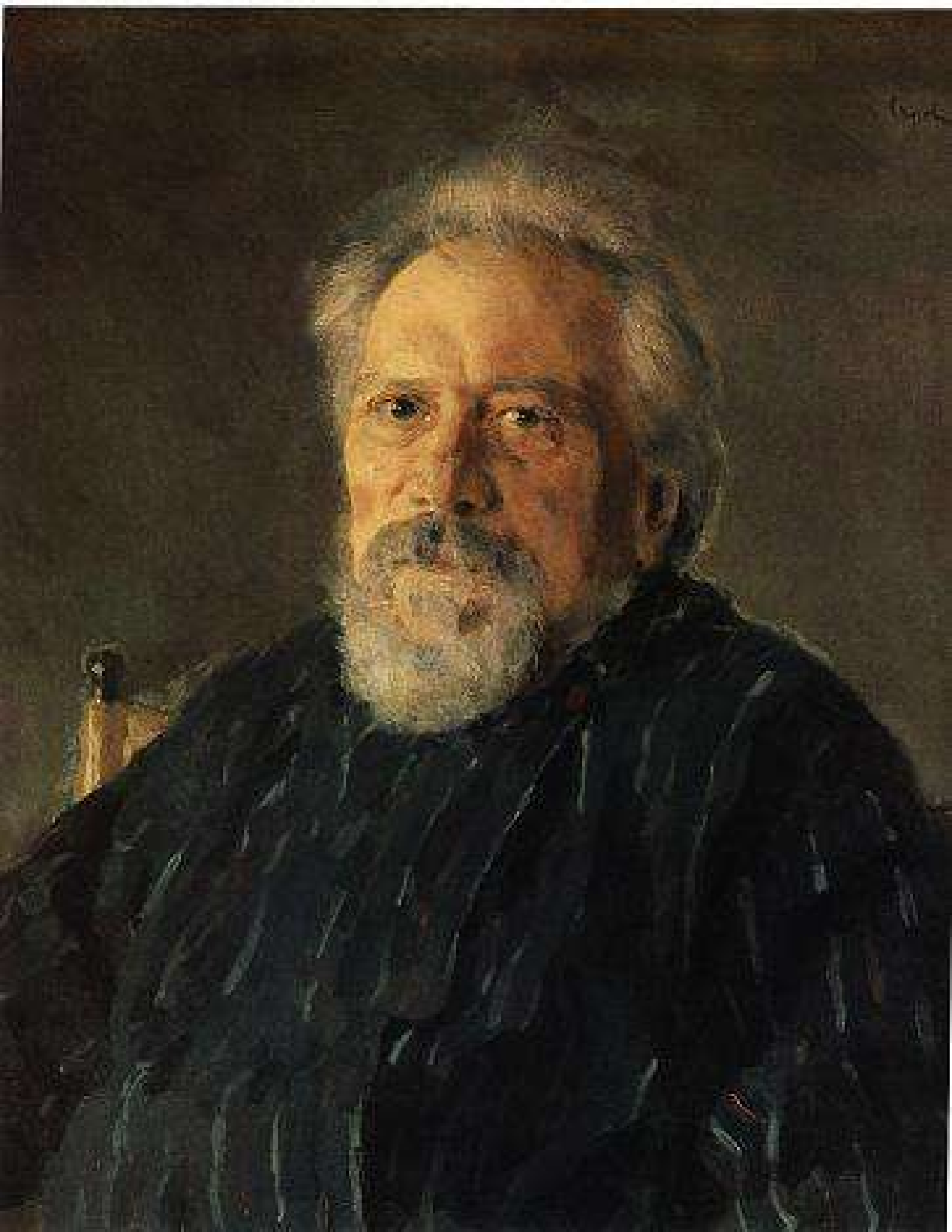




Người hành hương mê đắm

Nikolai Leskov

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

[Chương 1](#)

[Chương 2](#)

[Chương 3](#)

[Chương 4](#)

[Chương 5](#)

[Chương 6](#)

[Chương 7](#)

[Chương 8](#)

[Chương 9](#)

[Chương 10](#)

[Chương 11](#)

[Chương 12](#)

[Chương 13](#)

[Chương 14](#)

[Chương 15](#)

[Chương 16](#)

[Chương 17](#)

[Chương 18](#)

[Chương 19](#)

[Chương 20](#)

Nikolai Leskov

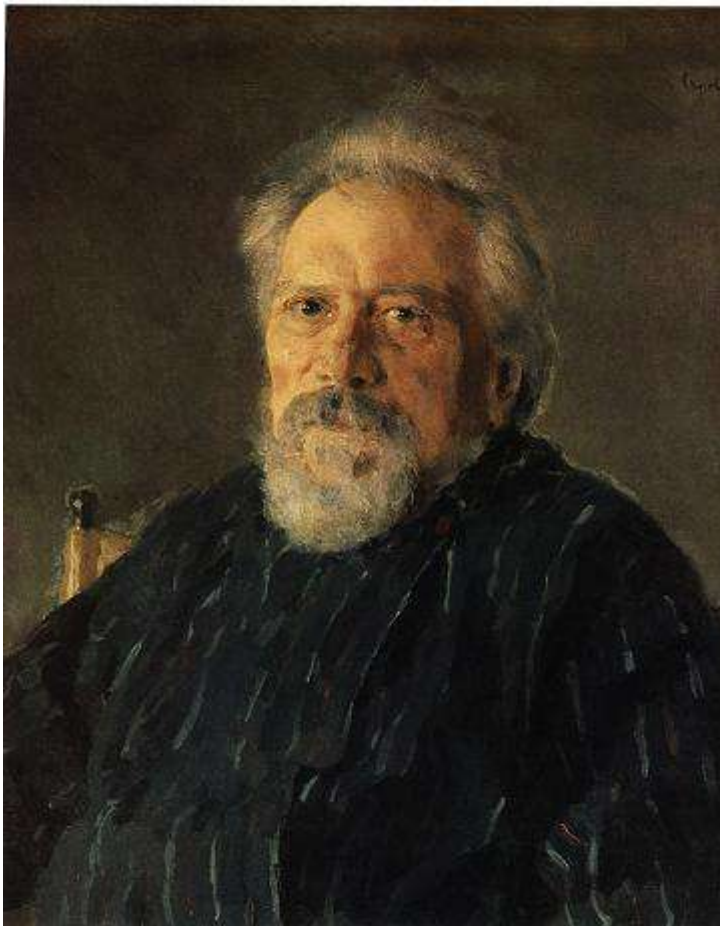
Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 1

Dịch từ tuyển tập tiếng Nga:

LÊĐY MACBET MU'XENXKOGO UEZDA



Nikolai Leskov

CHÚNG tôi đáp tàu thủy trên hồ La-đô-ga từ đảo Cô-nê-xep đến đảo Va-lam. Dọc đường, tàu ghé vào bến Cô-rê-li. Nhiều hành khách tò mò muốn lên bờ xem phong cảnh và họ thuê những con ngựa Phần Lan to lớn để đi vào thị trấn hoang vắng này. Khi viên thuyền trưởng đã giải quyết

xong công việc, hành khách chúng tôi lại xuống tàu đi tiếp.

Sau khi quan sát thị trấn Cô-rê-li, tất nhiên câu chuyện giữa chúng tôi chuyển sang việc bình phẩm về cái thị trấn nghèo nàn, mặc dù rất Nga và rất cổ kính này. Khó tìm được nơi nào buồn tẻ như ở đây. Tất cả hành khách trên tàu đều tán thành nhận xét ấy, và một vị thuộc loại người thích khái quát triết học và giấu cợt chính trị đã thốt lên rằng, có một điều ông ta không hiểu được: tại sao ở kinh đô Pê-téc-xbua người ta lại phải đẩy những kẻ mà họ không ưa đi tận những nơi xa lắc, gây tốn phí bao nhiêu cho kho bạc nhà nước, trong khi ngay gần kinh đô có sẵn một nơi tuyệt vời là Cô-rê-li trên bờ hồ La-đô-ga. Kẻ nào phải giam hãm ở nơi này thì dù đầu óc tự do và chống đối đến mấy, cuối cùng cũng tiêu tan những tư tưởng ấy giữa khung cảnh lãnh đạm của dân chúng và sự căn cỗi hoang vu của thiên nhiên vùng này.

- Tôi tin rằng, - người khách kia nói. - Căn nguyên của cách đẩy ải tốn phí kia dứt khoát chỉ là do họ lười suy nghĩ, hoặc ít nhất cũng do họ thiếu những thông tin thích hợp.

Một người hay qua lại vùng này đối đáp rằng, thỉnh thoảng cũng có những phạm nhân bị đẩy ra đây nhưng hình như họ đều không chịu đựng nổi nơi này.

- Một thầy dòng trẻ tuổi phạm tội hỗn xược với cấp trên (loại tội này không sao hiểu nổi). Lúc mới ra đây, y hăng hái lắm, tin tưởng rằng sẽ thích ứng được với khung cảnh này. Nhưng chỉ ít ngày sau, y bắt đầu uống rượu, uống nhiều đến phát điên rồi gửi đơn thỉnh cầu lên cấp chính quyền, xin được "xử bản hay đăng vào lính, bởi vì y không đủ gan tự treo cổ".

- Thế cấp trên trả lời ra sao?

- Hừm... quả thật tôi cũng không rõ. Chỉ có điều anh chàng thấy buồn quá, không đủ sức chờ quyết định của cấp trên, đã tự nguyện treo cổ trước.

- Mà y làm như thế là đúng, - vị triết gia phát biểu.

- Đúng ấy à? - Người thuật chuyện hỏi lại. Ông ta có vẻ một thương gia, tính nết xem chừng đứng đắn, ngoan đạo.

- Chứ còn gì nữa? Y đã chết và thế là xong.

- Xong thế nào được? Sang đến thế giới bên kia y sẽ ra sao? Những kẻ tự tử

sẽ vĩnh viễn phải chịu đau đớn. Không ai cầu nguyện cho linh hồn họ hết. Vị triết gia mỉm cười mỉa mai, nhưng không cãi thêm câu nào. Tuy thế một hành khách tham gia vào cuộc tranh luận, bác bỏ ý kiến vị triết gia và cả ý kiến vị thương gia, đột ngột lên tiếng bênh vực anh chàng thầy dòng kia đã xử tử bản thân trước khi được cấp trên cho phép.

Đây là vị khách xuống tàu từ bến Cô-nê-vét mà chúng tôi không ai chú ý đến. Từ lúc xuống, bác ta không nói năng gì và chúng tôi cũng không ai ngó ngang đến bác. Nhưng bây giờ thì mọi cặp mắt đều hướng vào bác ta, hình như ai cũng ngạc nhiên sao không để ý đến con người này từ trước nhỉ. Bác có dáng người cao lớn, bộ mặt rám nắng, cười mở và một mái tóc dày, lượn sóng màu tro với những ánh lấp lánh màu chì rất lạ. Bác mặc áo chùng dài kiểu thầy dòng tập sự, thắt lưng da to bản kiểu của tu viện và mũ vải cao màu đen nhọn hoắt. Không rõ bác ta là tập sự hay đã là thầy dòng chính thức, bởi vì những thầy tu vùng hồ La-đô-ga này, quen xuề xòa kiểu thôn dã, thường đội mũ vải tập sự, không chỉ lúc đi đường mà cả trong khi làm việc ở tu viện trên các đảo. Bác hành khách mới mẻ này, sau đây sẽ tỏ ra là một con người rất lý thú. Bác chừng ngoài năm chục tuổi, nhưng thân hình vạm vỡ, hết như một hiệp sĩ trong các truyện cổ tích Nga, chất phác và phúc hậu, trông rất giống già I-li-a Mu-rô-mét trong bức hoạ nổi tiếng của Vê-rê-sa-ghin và trong tập trường ca của A-léc-xây Côn-xtan-ti-nô-vích Tôn-xtôi. Mặc áo thầy tu chẳng hợp với dáng người bác chút nào. Đúng ra bác phải xỏ đôi dép bện to tướng, cưỡi lên lưng con ngựa bạch, phi trên những cánh rừng, thở hít "mùi nhựa thông và mùi quả dâu rừng phảng phất trong rặng thông âm u".

Tuy vẻ mặt hiền hậu chất phác, bác vẫn lộ rõ là một con người cực kỳ từng trải, đã nhìn thấy mọi thứ". Thái độ bác bạo dạn tự tin, mà lại không hề có vẻ khinh đời chút nào. Giọng bác nói trầm, hơi du dương và chậm rãi.

- Không phải như thế đâu, - bác buông ra từng chữ một cách uể oải, dưới hàng ria mép rậm rì và hoa râu, quần tít lên theo kiểu ria lính đầu rồng. - Điều ông vừa bảo, là những người tự tử sẽ vĩnh viễn không bao giờ được tha thứ, tôi không tán thành. Và nói không ai cầu nguyện cho họ tôi cũng không chịu, bởi vì có một người thu xếp được một cách cực kỳ đơn giản

hoàn cảnh của họ.

Mọi người bèn hỏi bác, ai là người quan tâm đến những kẻ tự sát và tìm cách an ủi linh hồn của họ ở thế giới bên kia.

- Tôi sẽ nói ai, - vị hiệp sĩ dũng mãnh trong bộ áo tu sĩ kia đáp. - Trong một làng thuộc giáo phận Mát-xcơ-va, có một linh mục nhỏ bé uống rượu đến mức suýt bị tổng cổ ra khỏi nhà thờ, chính vị ấy thường xuyên chăm lo đến linh hồn của những người tự sát.

- Sao bác biết?

- Khắp giáo phận Mát-xcơ-va ai cũng biết chuyện này vì sự việc đã lên tới đức Tổng giám mục Phi-la-ret.

Lát sau, một hành khách ngó ý không tin. Bác thầy dòng kia không hề tự ái, nói tiếp:

- Mới nghe thì đúng là khó thật. Chẳng có gì lạ, bởi vì ngay đến đức Tổng giám mục lúc đầu cũng có tin đâu, mãi tới khi ngài thấy những chứng cứ hiển nhiên ngài mới tin.

Mọi người giục bác thầy dòng kể câu chuyện kỳ lạ ấy và bác vui vẻ nhận lời:

- Tôi nghe kể thế này. Một hôm đức Giám mục địa phận trình lên ngài Tổng giám mục về một linh mục suốt ngày say rượu và làm mang tiếng cho cả xứ đạo. Mà sự thật đúng là như thế. Ngài Tổng giám mục bèn cho đòi ông linh mục kia lên Mát-xcơ-va để ngài hỏi. Ngài thấy rõ đúng ông ta nghiện ngập thật và quyết định sẽ đuổi ông linh mục kia ra khỏi nhà thờ. Ông này buồn quá, bỏ cả rượu, suốt ngày chỉ rên rỉ, than vãn: "Nông nổi này thì ta chỉ còn mỗi một cách là chết đi thôi. Khi đó ngài Tổng giám mục sẽ thương vợ con ta nghèo khổ, sẽ kiếm một thằng chồng cho con gái của ta để nó thay ta nuôi nấng cả gia đình!". Ông ta quyết định như thế, thậm chí còn ấn định cả ngày nào sẽ thực hiện. Thế nhưng rồi ông ta lại băn khoăn: "Ta chết thì được thôi. Nhưng ta đâu phải súc vật, ta có linh hồn, vậy cái linh hồn ấy sẽ đi đâu?" Và ông ta lại càng sầu não hơn. Mặc, ông ta sầu não đến mấy là việc của ông ta, còn ngài Tổng giám mục đã quyết định rồi, không cho ông linh mục kia được thờ Chúa nữa. Một hôm ngài ăn xong, nằm xuống đi-văng, cầm cuốn sách đọc rồi ngủ thiếp đi. Cũng không rõ

ngài ngủ thật hay chỉ mơ màng, nhưng đột nhiên ngài nhìn thấy cửa phòng mở ra. Ngài bèn hỏi: "Ai thế?". Bởi ngài nghĩ, chắc chị người làm hay ai vào trình gì với ngài. Nhưng không phải chị người làm mà là một ông già cực kỳ phúc hậu bước vào. Ngài Tổng giám mục nhận ra đấy chính là đức thánh Xéc-ghi.

Ngài Tổng giám mục bèn hỏi:

- Thưa, đức Thánh tối thiêng Xéc-ghi phải không ạ?

Đức Thánh đáp:

- Chính là ta, hồi tên nô lệ của Chúa là Phi-la-ret.

Ngài Tổng giám mục lại hỏi.

- Đức Thánh tối thiêng cần gì ở đứa con tội lỗi này ạ?

Thánh Xéc-ghi đáp.

- Ta muốn xin con một điều.

- Đức Thánh tối thiêng cần xin cho kẻ nào vậy?

Đức Thánh nói tên ông linh mục vì nghiện rượu mà bị đuổi, rồi biến mất. Ngài Tổng giám mục sức tỉnh giấc và ngài suy nghĩ: "Vừa rồi là sự thật hay chiêm bao? Là mơ tưởng hay thánh linh báo mộng thật?" Ngài suy nghĩ mãi và cuối cùng kết luận rằng đấy chỉ là giấc chiêm bao bình thường, bởi vì đức Thánh Xéc-ghi vốn là người đạo đức cao siêu, đời nào lại xin tha thứ cho một kẻ thờ Chúa mà rượu chè đến mức làm ô danh Giáo hội. Nghĩ thế xong ngài Tổng giám mục quyết định không thay đổi gì hết, vẫn để bản án tiếp tục được thi hành. Sau đó Ngài nằm xuống và ngủ giấc buổi trưa như thường lệ. Nhưng vừa chợp mắt ngài lại chiêm bao, và lần này ngài vô cùng bối rối, bởi vì cảnh tượng ngài nhìn thấy rất kỳ quái... Tiếng vó ngựa vang ầm... không biết bao nhiêu hiệp sĩ mặc toàn màu xanh lục, từ chân đến đầu, trên lưng những con ngựa ô vạm vỡ và hung hãn như đàn sư tử, dẫn đầu một vị tướng lẫm liệt, cũng mặc đồ xanh, tay拄 đường, tay vung một lá cờ màu sẫm có hình một con rắn. Ngài Tổng giám mục chưa hiểu đoàn người kia là gì, bỗng nghe thấy vị tướng ra lệnh: "Các người hãy hành hạ chúng bởi vì bây giờ chúng không còn ai cầu nguyện cho nữa". Nói xong vị tướng phi lên trước và cả đoàn hiệp sĩ phi ngựa theo. Phía sau họ là một đám lũ lượt những bóng người mờ ảo, còm cõi giống như những con ngỗng

về mùa xuân. Đám hình bóng mờ ảo này rên rỉ, khóc lóc, nước mắt đầm đìa van xin ngài Tổng giám mục. Họ chìa những cánh tay thảm hại: "Ngài hãy tha cho ông linh mục, chỉ có mỗi ông ấy còn cầu nguyện cho chúng tôi." Vừa thức dậy, ngài Tổng giám mục cho người gọi ông linh mục khốn khổ kia đến và hỏi ông thường ngày vẫn cầu nguyện cho những ai. Ông linh mục chưa hiểu chuyện gì, rất hoảng sợ: "Thưa đức cha Tổng giám mục, theo đúng mọi nghi thức của Nhà thờ". Phải vất vả lắm ngài Tổng giám mục mới buộc được ông ta thú nhận: "Thưa cha Tổng giám mục, con chỉ phạm một khuyết điểm duy nhất, là vốn hèn yếu, mỗi khi gặp chuyện quá đau khổ con lại nghĩ đến chuyện tự sát, cho nên con thường thông cảm với những kẻ tự sát và vẫn cầu nguyện cho linh hồn của họ...". Thế là ngài Tổng giám mục hiểu ngay, những bóng ma như những con ngỗng gây còm kia là ai và ngài không muốn để mặc cho những tên quỷ tha hồ hành hạ họ. Ngài bèn ban phước cho ông linh mục nhỏ bé và phán truyền: "Người chữa rượu đi và hãy tiếp tục cầu nguyện cho họ." Rồi ngài phục hồi chức vị cho ông linh mục. Cho nên hiện vẫn có một người quan tâm đến những kẻ do không chịu đựng nổi kiếp sống đã trốn khỏi cõi đời. Ông linh mục kia đến nay vẫn không chịu từ bỏ thiên chức của mình và vẫn không ngừng làm theo đúng lời dạy của chúa. Bởi vì Chúa buộc phải tha thứ cho những kẻ thiếu nghị lực sống ấy.

- Tại sao Chúa lại "buộc phải" tha thứ?
- Bởi vì chính miệng Chúa đã phán bảo: "Người hãy gõ thì khắc người ta sẽ phải mở cửa". Chúa bao giờ cũng xử sự như vậy.
- Thế ngoài cái ông linh mục ở giáo phận Mát-xơ-va bác biết có ai cầu nguyện cho những kẻ tự sát nữa không?
- Không. Với lại cũng khó có thể bênh vực những kẻ tự sát bởi vì họ dám cưỡng lại ý Chúa. Nhưng tôi biết một số người vẫn cầu nguyện cho họ mà không biết. Vào dịp lễ Ba ngôi chẳng hạn, mọi người đều cầu nguyện cho họ, tôi tin là như thế. Vào dịp ấy mọi người đều đọc những bài kinh rất xúc động, khiến tôi nghe không chán tai.
- Những bài kinh ấy không đọc vào những ngày khác được ư?
- Tôi không rõ. Việc ấy phải hỏi ai thông hiểu. Còn tôi thì việc không liên

quan đến tôi, tôi không tìm hỏi làm gì.

- Bác có thấy trong lúc làm lễ, những bài cầu nguyện ấy được lặp lại vài lần chứ?

- Không, tôi không nhận thấy, bởi vì tôi cũng rất ít khi ngồi dự lễ.

- Tại sao vậy?

- Vì công việc của tôi không cho phép.

- Bác là linh mục hay là thầy dòng?

- Không, tôi chỉ mới tập sự.

- Nhưng dù sao bác cũng là thầy dòng rồi chứ?

- Vâng... cũng đại loại là như thế.

- Ấy nhưng nếu tập sự thì vẫn có thể bị gọi vào lính được, - vị khách thương gia nói chêm vào.

Bác có đáng người cao lực lưỡng không hề méch lòng. Suy nghĩ một lát, bác nói:

- Đúng thế. Cũng đã có nhiều trường hợp như thế. Nhưng tuổi tôi cao quá rồi. Năm nay tôi năm mươi ba. Với lại làm lính đối với tôi cũng chẳng là chuyện gì mới mẻ.

- Bác đã từng phục vụ trong quân ngũ.

- Đúng thế.

- Bác là hạ sĩ hay là gì? - Vị khách thương gia lại nói.

- Không đâu.

- Bác là binh sĩ, là hậu cần hay là thầy dòng trong quân đội?

- Cả mấy thứ đó đều không phải. Tuy vậy tôi là người thực sự của quân đội, tôi liên quan đến trung đoàn từ khi tôi còn bé.

- Bác là thiếu sinh quân chứ gì? - Người thương gia bức bối hỏi.

- Cũng không phải.

- Bác là cái gì vậy?

- Là chuyên dụng.

- Nghĩa là cái gì?

- Hay gọi là thợ ngựa, tức là thông thạo về ngựa, để giúp đỡ các sĩ quan hậu cần trong các đơn vị kỵ binh, góp ý kiến với các vị ấy.

- Ra thế.

- Tôi đã từng lựa chọn và huấn luyện hàng ngàn con. Tôi cũng đã trị được những con ngựa dữ, chuyên hất ngã người cưỡi, thậm chí làm thủng bụng họ bằng cái mấu sắt ở bàn đạp của chúng. Nhưng với tôi thì chúng không dở được trò gì hết.

- Bác làm cách nào?

- Đơn giản lắm. Chẳng là tôi có được một cái tài trời phú cho. Vừa nhảy lên lưng ngựa, tôi đã lập tức trấn áp ngay, không có nó kịp định thần để đối phó. Tay trái tôi nắm tai nó kéo lên thật nhanh. Tay phải, tôi đập liên hồi lên giữa đỉnh đầu nó. Tôi lại nghiêng răng tạo thành một tiếng ken két rùng rợn. Con vật tưởng như đến phọt óc ra hai lỗ mũi cùng với máu của nó. Và thế là nó trở nên hiền như bụt ngay.

- Rồi sau đấy?

- Sau đấy tôi nhảy xuống đất, vuốt ve an ủi nó, tôi đứng ngay trước mắt nó, bắt nó phải nhìn kỹ vào mặt tôi để nhớ đời. Rồi tôi lại nhảy lên lưng nó và bắt nó chạy.

- Mỗi lần làm như thế thì ngựa hết dữ à?

- Đã đành. Vì ngựa là giống thông minh. Nó hiểu được người cưỡi nó là ai và coi khinh nó đến mức nào. Do dùng cách đó bất cứ con ngựa nào cũng yêu tôi và rất hiểu tôi. Ở Mát-xơ-va tại sân quần ngựa có một con quái quỷ. Nó cưỡng lại bất cứ ai cưỡi lên lưng nó. Cái con ngựa khốn kiếp ấy lại thêm một trò tai quái là cắn vào đầu gối người ta. Nó chỉ ngoạm vào một cái là xương tròn ở đầu gối của anh bay đầu mất. Nó đã làm tàn tật không biết bao nhiêu người. Lão người Anh tên là Ra-rây, nổi tiếng là tay trị ngựa giỏi, lúc ấy có mặt ở Mát-xơ-va cũng suýt bị nó ngoạm mất xương đầu gối. Lão ta thoát được nhưng cũng bị con ngựa làm cho mất hân uy thế. Chẳng là lão có một cái đầu gối cứng như thép. Con ngựa ngoạm không được đành hất lão ngã chổng gọng xuống đất. May là lão không chết. Đến lượt tôi thì tôi đưa nó vào khuôn phép được ngay.

- Bằng cách nào?

- Tôi đã nói với các ông rồi, tôi may mắn có một cái tài do Trời phú cho. Lão người Anh Ra-rây và những người khác chỉ dùng có dây cương để buộc ngựa phải quay sang trái hay sang phải, nhưng tôi dùng biện pháp

khác hẳn. Khi thấy lão người Anh chịu thua con ngựa rồi, tôi bèn bảo: "Con ngựa này bị ma ám đấy mà. Ông người Anh không hiểu được điều đó, nhưng tôi hiểu. Và tôi có cách chữa". Ông giám đốc bằng lòng. Tôi bèn bảo: "Các ông hãy dắt con ngựa ra ngoài cổng Đrô-gô-mi-lôp-xca!". Thế là người ta dắt nó ra chỗ thung lũng gần làng Phi-li, nơi giới thượng lưu xây rất nhiều biệt thự để nghỉ mùa hè. Thấy nơi này thoáng đãng, thuận lợi thế là tôi bắt tay vào hành động. Tôi nhảy lên lưng con khốn nạn, chỉ mặc mỗi chiếc quần ngắn, hai chân không giày dép và đội chiếc mũ lưỡi trai cùng dải kim tuyến của vương công Vơ-xê-vô-lôt Ga-vrin nổi tiếng xứ Nôp-gô-rôt, người mà tôi rất kính phục về lòng dũng cảm và rất tin cậy, trên dải có thêu dòng chữ "Ta không cho kẻ nào được phép đụng đến danh dự của ta". Tôi không mang gì ngoài một cái roi kiểu của dân Tác-ta đầu gắn một quả gang nặng chừng hai phút trên tay phải, và tay trái cầm một cái niêu đựng đầy một thứ hồ lỏng. Khi tôi ngồi lên lưng nó, bốn người khác kéo căng dây cương về các phía để nó không thể cản ai được. Khi thấy chúng tôi bắt đầu trị nó, con ngựa khốn kiếp hét inh lên, giậm chân, thở phì phì tức giận, như muốn xé xác tôi ra. Thấy vậy, tôi bèn ra lệnh cho mấy cậu giám mã thả cương ra rất nhanh. Mấy cậu sửng sốt, mở to mắt. Tôi bèn quát: "Các anh điếc cả ư? Còn chờ gì mà không làm theo lệnh tôi?". Bọn chúng trả lời: "Thưa ông Phli-a-ghin, không thể làm theo lệnh ông được ạ!" Thấy vậy tôi bèn quặp chặt hai đùi vào bụng con ngựa, tôi thấy rõ nó đang rầy rụa. Rồi tôi hét "thả cương ra!". Trong lúc bọn chúng chưa biết trả lời ra sao thì tôi liền nghiêng răng trợn mắt lên khủng khiếp. Chúng kinh hãi vội thi hành ngay, thả cương rồi chạy tán loạn. Đúng lúc ấy tôi đập cái niêu lên giữa đỉnh đầu con ngựa. Thế là bột lỏng chảy xuống chui vào cả mắt, bịt kín cả hai lỗ mũi con vật khiến nó hoảng hốt: "Thế nghĩa là sao nhỉ?" Tôi lấy mũ lưỡi trai đẩy thêm bột lỏng cho chui vào mắt nó nữa, đồng thời quất một roi vào sườn nó... Hôp! Nó chồm lên, nhưng tôi vẫn tiếp tục nhét thêm bột lỏng vào mắt nó cho nó mù hoàn toàn, đồng thời vẫn không ngừng quất roi vào sườn. Không để nó kịp nghỉ, tôi lại đổ thêm bột lỏng lên đầu khiến nó hoàn toàn không nhìn thấy gì nữa. Tôi dọa dẫm bằng cách nghiêng răng ken két và quất roi lên hai bên sườn, để nó hiểu rằng đây không phải trò đùa.

Bây giờ thì nó hiểu ra, thôi không giậm chân nữa, bắt đầu lao chạy về phía trước. Nó chạy nước kiệu như một kẻ trọng tội. Nó càng chạy tôi càng quất, cho đến khi cả nó lẫn tôi đều mệt nhoài. Hai vai tôi nhức nhối. Hai cánh tay tê cứng lại. Còn nó thì không động đậy, chỉ lè lưỡi. Khi tôi thấy nó đã chịu, tôi bèn nhảy xuống đất, lau mắt cho nó rồi nắm lấy bờm: "Đứng yên, đồ chết giẫm!" Tôi kéo cho nó quỳ xuống. Từ ngày ấy nó trở nên ngoan ngoãn như chú cừu, bảo gì cũng nghe. Nó chịu để cho người ta cưỡi. Nhưng chỉ ít lâu sau nó chết.

- Thật à?

- Đúng thế. Con ngựa ấy quá nhiều kiêu ngạo. Nó tuy chịu nhưng không thay đổi được bản tính. Còn lão Ra-rây thì sau khi nghe chuyện của tôi, đã mời tôi vào làm cho lão ta.

- Thế bác có làm cho ông ta chứ?

- Không.

- Tại sao?

- Biết nói thế nào được nhỉ? Thứ nhất tôi là thợ ngựa, nghĩa là giỏi chọn ngựa hơn là dạy ngựa, trong khi lão ta lại cần người dạy thú dữ. Hai nữa, tôi ngờ lão ta mời tôi vào làm cho lão để xỏ tôi.

- Xỏ thế nào?

- Lão muốn dò ra bí quyết của tôi.

- Bán cái bí quyết ấy đi lấy tiền cũng được chứ sao?

- Đúng thế.

- Vậy tại sao bác lại từ chối ông ta?

- Chà... cũng có thể lão sợ tôi.

- Nghĩa là lại còn câu chuyện gì nữa à? Bác kể cho nghe được không?

- Đây không phải một câu chuyện mà chỉ đơn giản là lão bảo tôi: "Anh hãy lộ bí quyết của anh ra với tôi, tôi sẽ trả tiền anh thật hậu và mời anh vào làm công cho tôi". Tính không lừa dối ai bao giờ, tôi bèn bảo lão: "Bí quyết gì đâu kia chứ!". Nhưng lão người Anh là tay trí thức, lão không tin. "Nếu anh không muốn nói bí quyết ra cho tôi biết thì thôi. Cũng được! Ra ngoài kia uống với tôi một ly rượu rom". Thế là sau đấy cả tôi với lão đều say khướt. Lão ta mặt đỏ gay, hỏi tôi bằng thứ tiếng lóng, rằng tôi đã xử trí với

con ngựa cách nào. Tôi bèn bảo: "Thế này thôi...". Và tôi trợn mắt nhìn lão, miệng nghiêng răng khùng khiếp. Trong tay không có niêu bột lỏng, tôi ra hiệu bằng cách giơ cái cốc làm như định đánh lên đầu lão. Nhìn thấy tôi như thế, lão hoảng quá, chui tọt xuống gầm bàn, tuồn ra cửa rồi chạy mất. Từ hôm ấy tôi không gặp lại lão lần nào nữa.

- Ra vì thế mà bác không vào làm cho ông ta?

- Đúng. Với lại vào làm cái gì khi lão không còn dám gặp lại tôi nữa. Thật ra lúc uống rượu tay đôi với lão tôi đã bắt đầu thấy quý lão và cũng định nhận lời làm công cho lão. Nhưng đúng là con người ta ai cũng có một số phận khiến ta không thể thoát được. Mà số phận tôi cứ có một thiên chức khiến tôi đeo đuổi.

- Thiên chức gì?

- Cũng khó nói ra cụ thể được... Tôi đã trải qua rất nhiều thử thách. Đã từng ngồi trên lưng ngựa và cũng đã từng chui dưới bụng chúng. Tôi đã bị bắt cóc, đã tham gia chiến trận, đã từng giết người và bản thân cũng đã nhận những vết thương mà như kẻ khác thì đã chết rồi.

- Thế bác vào tu viện từ bao giờ?

- Mới cách đây vài năm thôi sau cả một quãng đời dài.

- Đây cũng là một thiên chức?

- Hừm... Tôi không biết giải thích với các ông thế nào... Tôi nghĩ rằng đây thì đúng là thiên chức thật...

- Tại sao bác lại hồ nghi như vậy?

- Sao không hồ nghi cho được, khi bản thân tôi đã trải qua bao nhiêu gian nan mà vẫn chưa hiểu được nguyên do của những bước đường ấy.

- Theo bác thì tại sao?

- Có thể là tôi luôn luôn làm trái với ý muốn của bản thân tôi chăng.

- Nghĩa là sao?

- Nguyên do từ một điều trời trăng của mẹ tôi.

- Điều trời trăng ấy đã khiến bác ra sao?

- Khiến tôi luôn gặp đủ thứ gian truân nhưng chưa thể gục xuống được.

- Thật ư?

- Thì tôi đã nói với các ông rồi đấy thôi.

- Bác kể cho bọn tôi nghe cuộc đời của bác đi.
- Nếu các ông đòi nghe thì tôi sẽ kể lại những gì mà tôi còn nhớ được.
Nhưng phải kể từ đâu.
- Hay lắm! Câu chuyện sẽ càng hấp dẫn lý thú.
- Chưa biết được. Các ông cứ thử nghe xem.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 2

Bác Phli-a-ghin, nguyên làm nghề thợ ngựa, bắt đầu câu chuyện cuộc đời bác như sau:

Tôi xuất thân trong gia đình nông nô. Bố tôi làm đầy tớ cho công tước C. ở tỉnh Ô-ren. Đất đai của công tước, bây giờ bị chia vụn ra và thuộc quyền sở hữu của những người thừa kế, ngày trước rất rộng. Dinh của ngài công tước nằm tại làng G. gồm một tòa nhà rất lớn, rộng thênh thang, có nhiều phòng cho khách, một rạp hát, một phòng lớn để chơi đánh ki, một chuồng nuôi các loại chó, những con gấu nhốt, những vườn cây ăn quả, một dàn đồng ca để biểu diễn những cuộc hòa nhạc, một đội diễn viên diễn đủ thứ kịch cợt. Ngoài ra còn cả xưởng dệt và nhiều xưởng công nghệ khác để các nông nô làm. Nhưng chuồng ngựa là nơi công tước để tâm nhiều hơn cả. Mỗi xưởng đều có những người chuyên môn, nhưng chuồng ngựa là nơi được trọng vọng hơn hết. Cũng như trong quân ngũ, người ta thường truyền nghề từ cha đến con thay nhau cầm vũ khí chiến đấu, ở đây cũng thế. Từ người đánh xe chặn ngựa, tất cả đều cha truyền con nối thay nhau làm công việc đánh xe, chăm sóc ngựa và cắt cỏ cho ngựa. Cha tôi làm chân đánh xe, tuy không phải đánh xe chính (số người đánh xe của công tước khá đông) nhưng cũng điều khiển một cỗ xe sáu ngựa. Thậm chí một lần theo hầu đức Vua, cha tôi đánh cỗ xe thứ bảy trong đoàn hầu cận Hoàng thượng và được ban thưởng một tờ giấy bạc cổ màu xanh. Tôi mồ côi mẹ từ nhỏ và không còn nhớ mặt Người nữa. Nhưng bởi vì tôi là con cầu tự, chẳng là mẹ tôi hiếm hoi, phải cầu Chúa mãi mới có thai được tôi, cho nên sinh tôi rất khó khăn và để xong mẹ tôi qua đời. Phải chăng vì lúc lọt lòng đầu tôi quá to. Cũng do đấy thuở nhỏ tôi không được gọi là I-van Phli-a-ghin mà bị gọi là thằng Đầu to. Tôi ở với cha tôi dưới dãy nhà ngang dành cho những người đánh xe. Suốt tuổi trẻ tôi chỉ quanh quẩn ở chuồng ngựa nên tôi nắm được đặc tính của chúng. Tôi đam rất yêu ngựa. Ngay khi nhỏ tôi đã luôn bò lê

dưới sàn mà không hề bị chúng xéo phải. Lớn lên tôi quen với chúng khá thân thiết. Chuồng ngựa và nơi để ngựa để hoàn toàn tách khỏi nhau. Chúng tôi chỉ nhận những con ngựa đã lớn để dạy dỗ. Mỗi người đánh xe và phụ xe quản sáu con và chúng đều thuộc đủ loại giống: ngựa tỉnh Vi-at-ca, ngựa tỉnh Ca-dan, ngựa vùng Can-mu-ki, vùng Bi-túc, ngựa vùng sông Đông. Chúng đều là ngựa tậu được tại các chợ phiên. Còn những ngựa ở chuồng của chúng tôi thì chán ốm, con nào con nấy hiền lành, nhọt nhạt, trái với những con ngựa kể trên, rất táo tợn, đúng là những dã thú thật sự. Ngài công tước tậu từng đàn ngựa một lúc, với giá hạ, chỉ tám đến mười rúp một con, rồi cho dắt đến chỗ chúng tôi để dạy. Những con ngựa này mới bướng bỉnh làm sao! Lắm con chịu đánh cho đến chết chứ nhất định không chịu khuất phục người dạy. Chúng thường đứng rải rác trong sân, hoảng sợ không dám nhìn vào các bức tường mà chỉ ngược mắt lên nhìn trời như giống chim. Nhiều khi nhìn chúng cũng thương, không ngờ bị bắt về mà chúng đau khổ héo hon dần rồi chết. Nhiều khi chúng tôi để chết đến một nửa số ngựa ông chủ đem về, đặc biệt là giống ngựa Kiếc-ghi-dơ. Ra chúng đã quá yêu những bãi rộng bát ngát ở miền thảo nguyên. Ngay những con sống sót chúng tôi cũng buộc phải đánh chúng rất dữ dội chúng mới chịu từ bỏ tính hoang dại. Được cái con nào qua tay chúng tôi mà trụ được, đều trở thành những con ngựa hay nhất của cả chuồng.

Cha tôi cầm cương những con ngựa giống Kiếc-ghi-dơ. Đến khi tôi lớn, tôi được giao làm phụ đánh xe cho Người. Những con ngựa ấy còn bất kham hơn cả những con mà ngày nay người ta lựa cho các sĩ quan. Những con này chúng tôi gọi là thái giám bởi vì không ai muốn cưỡi chúng mà phải những sĩ quan kỵ binh. Còn những con ngựa kia chúng tôi gọi là ác long! Chỉ cần hai lỗ mũi của chúng hếch lên, bốn cái vó và cái bờm là đủ thấy khủng khiếp. Nhưng cưỡi chúng thì không thấy mệt mỏi gì hết. Chúng có thể chạy trăm, trăm rưỡi dặm không cần nghỉ, một mạch từ làng ra đến thành phố tỉnh lỵ Ô-ren rồi quay lại, vẫn thung dung như thế. Cưỡi chúng đi đâu, chỉ cần coi xem chúng có chạy quá địa điểm hay không mà thôi. Khi tôi bắt đầu làm chân phụ đánh xe, tôi mới mười một tuổi và tôi có cái giọng vang như chuông rất thích hợp với một anh phụ đánh xe có cờ. Tôi

có thể quát: "Đứng yên!" và tiếng của tôi rền vang đến nửa giờ đồng hồ. Nhưng tôi chưa đủ sức chịu được những chuyến đi dài, cho nên người ta lấy dây buộc chặt tôi vào yên để tôi khỏi ngã vì mệt quá. Nhiều lúc người tôi ê ẩm đến mức tôi ngất đi nhưng tôi vẫn giữ nguyên tư thế và lát sau tôi lại tỉnh. Đây là một cái nghề cực nhọc vô cùng. Lắm khi trong một chặng đường, tôi ngất đi tỉnh lại như thế đến vài lần. Và khi đến nơi, người ta phải bế tôi xuống và cho tôi ngủ nước củ cay cho tỉnh lại. Nhưng rồi tôi quen dần và mọi việc suôn sẻ. Tôi lại còn có cái thú được quất một ngọn roi vào giữa lưng một bác nông dân đi ngang bên cạnh. Lối nghịch ngợm ấy của thằng phu đánh xe ai cũng quen nhìn thấy. Một hôm tôi theo hầu ngài công tước đi chơi thăm bạn bè. Trời mùa hè rất đẹp. Ngài công tước ngồi với con chó bông xinh xắn trên nệm cổ xe mui trần. Cha tôi điều khiển bốn con ngựa, còn tôi thì cưỡi con dẫn đường. Xe rời khỏi đường cái rẽ vào đường hẹp dẫn đến một tu viện ở cách đây mười lăm dặm. Các thầy dòng của tu viện đắp con đường nhỏ này để thu hút khách đến thăm. Đường quốc lộ thì đầy cát, hai bên đường là những cây liễu gầy còm vươn những cành lá khẳng khiu. Nhưng con đường nhỏ chạy vào tu viện thì sạch sẽ, nhẵn nhụi, hai bên là những hàng bạch dương xanh rờn tỏa một mùi hương dễ chịu, rồi đến cánh đồng bát ngát... Tóm lại, phong cảnh cũng như thời tiết tuyệt đẹp này tạo nên một niềm yêu đời khiến người ta có thể hét lên, nhưng không có lý do mà hét lên lại là điều cấm kỵ. Cách tu viện chừng ba bốn dặm, lúc con đường hơi dốc xuống thoải, tôi bỗng nhìn thấy trước mặt một cái chấm đen... trông như một con nhím đang bò. Gặp dịp may, tôi bèn hét lên: "Tránh ra!" bằng cái giọng lệnh võ của tôi trước khi cái vật kia còn cách khoảng một dặm. Tôi đứng thẳng hai chân lên bàn đạp và nhìn thấy một người đàn ông nằm dài trên đỉnh cổ xe chở cỏ khô. Khoan khoái dưới ánh nắng và giữa không khí trong lành, ông ta nằm ngủ say sưa, úp người xuống, hai tay ôm vào đồng cỏ. Biết ông ta không nghe thấy lời hét của tôi và không chịu tránh, tôi bèn cho ngựa đi vòng bên cạnh và lấy hết sức quất một roi vào giữa lưng ông ta. Mấy con ngựa của ông ta chồm lên, ông ta vùng dậy, hoảng hốt rồi quẩn quại trên đồng cỏ. Tôi thấy rõ là một ông già người nhỏ bé, có bộ mặt nhăn nhúm như mặt bà lão. Ông già cong người

như con cá trên chảo nóng. Chắc vì quá hoảng hốt, không biết đầu đuôi thế nào, ông ta vội tụt xuống đất, chui vào dưới gầm cổ xe, vướng vào những sợi dây cương và bị kéo lê đi một quãng. . . Lúc đầu cha tôi và tôi, cả ngài công tước nữa cũng thích thú nhìn ông ta quẩn quại nhưng rồi chiếc xe chở cả chạy xuống đến chân dốc, đâm vào thành chiếc cầu và ông già nằm im không động đậy... Tôi bước đến, thấy người ông ta phủ đầy bụi đường, trên mặt không còn mũi nữa và thay vào đấy là một vết nứt, rỉ máu... Ngài công tước ra lệnh đỗ xe lại, bước xuống nhìn rồi nói: "ông già chết rồi". Ngài hứa sẽ trừng phạt tôi thật nặng lúc về nhà, rồi ra lệnh cho xe chạy nhanh đến tu viện. Trong lúc các thầy dòng lao ra chỗ tai nạn, ngài công tước thỏa thuận với tu viện trưởng là mùa thu ngài sẽ cử một đoàn xe chở thực phẩm đến đây: lúa, miến, bột mì, cá khô. Còn tôi thì bị cha tôi đánh cho một trận đòn khá đau ở bãi sau tu viện, nhưng chỉ quất bên ngoài quần, bởi vì Người nghĩ tôi sẽ còn phải ngồi trên lưng ngựa nữa. Sự việc chỉ đến thế. Nhưng đêm hôm ấy vị thầy tu bị tôi giết hiện về và khóc thảm thương trước mặt tôi như một bà lão.

Tôi hỏi ông ta:

"Ông định làm gì tôi nào? Ông đi đi!"

Ông ta đáp:

"Cậu đã làm cho tôi chết mà không kịp xám hối".

"Thì đã sao, tôi nói. Vậy ông đòi tôi phải làm gì nào? Tôi có cố tình giết ông đâu. Với lại bây giờ thì ông còn cần thứ gì nữa. Ông đã chết rồi và thế là hết".

"Đúng thế, ông ta nói. Và tôi rất biết ơn cậu, nhưng tôi đến gặp cậu là do mẹ cậu nhờ, để hỏi xem cậu có biết cậu là con cầu tự không?"

"Đến khổ, tôi nói. Bà cụ Phê-đô-xi-a kể tôi nghe mấy lần rồi". (Chỗ này chắc thiếu dòng)

"Nghĩa là sao".

"Cậu đã được hứa dâng hiến cho Chúa".

"Ai dâng hiến tôi chứ?"

"Mẹ cậu".

"Nếu vậy, - tôi nói. - Thì mẹ tôi phải tự đến mà bảo tôi chứ. Nhờ đâu ông

nói dối thì sao?"

"Không, tôi không nói dối. Còn mẹ cậu thì bà không thể đến đây được".

"Tại sao?"

"Bởi vì trên Thiên đàng không phải như dưới Trần gian. Linh hồn những người đã chết không thể nói năng cử động được. Nhưng cậu bằng lòng, tôi sẽ đánh cuộc với cậu để cậu tin".

"Được thôi, tôi nói. Nhưng đánh cuộc thế nào?"

"Cậu sẽ gặp tình huống nguy hiểm hàng chục lần, nhưng cậu đều thoát nạn hết. Nhưng đến khi cậu thấy không thể thoát khỏi cái chết, cậu sẽ nhớ lại lời nguyện ước của mẹ cậu và sẽ đi tu."

"Tốt lắm, tôi đáp. Tôi cũng không mong gì hơn thế và tôi xin chờ đợi điều ấy".

Ông thầy tu biến mất. Lúc tôi thức dậy, tôi không còn nhớ gì hết và cũng không nghĩ rằng các thử thách nay mai sẽ liên tiếp giáng xuống đầu tôi. Sau đấy ít lâu tôi theo ngài công tước và phu nhân đi đến thành phố Vô-rô-ne-giơ, vì hai người hy vọng rằng những thành tích mới phát hiện được sẽ giúp họ chữa khỏi bệnh cho cô con gái tàn tật. Trong lúc nghỉ lại ở làng Cru-tôi thuộc huyện Ê-lét để cho ngựa ăn tôi nằm ngủ trong chuồng ngựa và lại chiêm bao thấy ông thầy tu đạo nọ. Ông ta bảo tôi:

"Đầu to! Cậu hãy nghe ta nói đây. Ta thấy thương hại cậu cho nên ta hiện về để khuyên cậu hãy xin với chủ cho cậu vào tu viện. Chủ của cậu sẽ bằng lòng đấy".

Tôi vặn lại:

"Sao lại phải vào tu viện?"

Ông thầy tu đe:

"Nếu không làm thế cậu sẽ phải chịu nhiều nỗi đau đớn lắm!". Tôi nghĩ bụng:

"Chỉ vì tôi giết chết ông cho nên ông dọa tôi đủ điều".

Sau đấy tôi dậy, giúp cha tôi đóng yên cương cho ngựa rồi lên đường. Đến một quãng, con đường chạy bên cạnh một cái vực rất sâu, đã có nhiều người chết ở quãng ấy. Ngài công tước bảo tôi:

"Cẩn thận đấy, Đầu to!"

Tôi rất thạo nghề, và mặc dù dây cương mấy con ngựa phải gần như quỳ xuống để khỏi trượt chân nằm trong tay cha tôi nhưng tôi cũng giúp được Người khá nhiều. Hai con ngựa đi trên đầu là loại rất khoẻ, chúng có thể quỳ rạp hai chân xuống để đuôi gần như quét trên mặt đất. Nhưng khốn nỗi, trong hai con ấy, một con lại có tật, gọi là tật "ngưỡng thiên". Hễ người cầm cương giật hơi mạnh một chút là nó liền ngẩng đầu hướng lên trời, không hiểu để ngắm thứ gì trên đấy. Cho nên người đánh xe lúc nào cũng phải theo dõi con "ngưỡng thiên" kia, bởi lẽ nếu nó ngẩng đầu lên nhìn trời thì chân nó có thể đặt vào bất kể chỗ nào. Điều ấy tôi biết rất rõ cho nên tôi cố gắng hỗ trợ cha tôi. Tôi ghìm ngựa của tôi xuống thật thấp để đuôi nó gần như chạm vào mồm của hai con ngựa đóng vào càng xe. Tay tôi lăm lăm cái roi đề phòng con "ngưỡng thiên". Hễ nó định ngẩng đầu lên là tôi quật bắt nó cúi đầu xuống. Mọi sự đang yên ổn. Lúc này đường cũng đang dốc xuống thoải, tôi vẫn đang chăm chú theo dõi con "ngưỡng thiên". Bỗng nhiên tôi thấy nó không để ý gì đến dây cương cũng như đến ngọn roi của tôi. Mồm nó bị hàm thiếc xiết vào bật máu và làm tròng mắt lồi hẳn ra. Một tiếng "rắc" đằng sau. Cỗ xe xẹp xuống... Dây phanh bị đứt! Tôi hét cha tôi: "Dừng lại! Dừng lại!". Cha tôi cũng hét theo: "Dừng lại! Dừng lại!". Nhưng không kịp nữa rồi. Cả sáu con ngựa hoảng hốt lao lên phía trước, tôi quay lại và thấy cha tôi đang tụt ra khỏi chỗ ngồi. Một sợi dây cương bị đứt... Và xe đang đứng trước vực thẳm... Tôi không hiểu do tôi thương chủ hay thương bản thân tôi mà khi thấy cái chết đang đứng trước mắt, tôi nhảy khỏi yên ngựa, lao đến kéo ghì càng xe xuống, như thể đánh đu trên đó vậy... Tôi không rõ hồi ấy tôi cân nặng bao nhiêu, nhưng với sức cố gắng, trọng lượng bao giờ cũng tăng thêm. Những con ngựa kéo bị ngạt thở rên lên. Hai con ngựa đằng trước biến mất, tôi treo lơ lửng trên miệng vực, cỗ xe thì được cái càng đề xuống giữ lại. Lúc tôi chợt hiểu ra được tình thế thì tôi hoảng quá. Hai cánh tay không bám nổi nữa, tuột ra và tôi rơi xuống. Tôi mê đi, không biết gì nữa... Đến lúc tỉnh lại, tôi thấy mình đang nằm trong một túp lều.

Một bác nông dân vạm vỡ bảo tôi:

- Sống rồi hả, cậu bé?

Tôi đáp:

- Chắc là thế.

- Cậu có biết đã gặp những chuyện gì không?

Tôi cố gắng nhớ lại. Những con ngựa hoảng hốt nhảy lên. Tôi bám càng xe và treo lơ lửng trên miệng vực. Còn sau đó tôi không biết gì hết.

Bác nông dân mỉm cười:

- Đúng, cậu làm sao biết được! Hai con ngựa của cậu rơi xuống vực tan xác, nhưng cậu thì thoát chết nhờ một cái gì như phép thiêng ấy: cậu rơi trúng một tảng đất sét rất to đang lăn xuống theo sườn vực và thế là cậu trôi theo nó như thể cậu đang bám trên một chiếc xe trượt. Mọi người đã tưởng cậu chết. Nhưng không, cậu còn thoi thóp, chỉ có điều cậu mê man bất tỉnh vì bị hơi gió. Bây giờ thì, - bác ta nói. - Cậu đứng dậy đi rồi chạy mau ra nhà thờ, ngài công tước có gửi lại một khoản tiền để nếu cậu chết thì chôn. Còn nếu cậu sống thì đưa cậu ra thành phố Vô-rô-ne-giơ gặp ngài.

Tôi ra đi và suốt dọc đường không nói năng gì hết, chỉ ngồi nghe bác nông dân chở tôi kéo đàn phong cầm, lặp đi lặp lại mỗi một làn điệu dân vũ ấy.

Lúc tôi đến Vô-rô-ne-giơ, ngài công tước gọi tôi vào phòng khách rồi quay sang bảo công tước phu nhân:

- Đây chính là thằng bé đã cứu vợ chồng mình thoát chết.

Phu nhân chỉ gật cái đầu. Công tước nói tiếp:

- Đầu to, cậu hãy xin ta cái gì đi. Ta không có quyền từ chối cậu điều gì lúc này hết.

- Cháu chẳng biết xin ngài cái gì, - tôi đáp.

- Cậu không thèm, không muốn thứ gì ư?

Suy nghĩ một lát, tôi đáp:

- Cháu thèm một chiếc đàn phong cầm.

Ngài công tước cười:

- Cậu ngốc lắm. Nhưng không sao. Lúc nào đấy ta sẽ nghĩ đến cậu và sẽ thưởng công cho cậu thứ gì khác nữa. Bây giờ ta tạm sai người mua cho cậu chiếc đàn, và ta sai họ đi ngay bây giờ.

Một người hầu chạy ra cửa hiệu, đem về cho tôi một chiếc phong cầm lúc tôi đang ở chuồng ngựa.

- Cầm lấy mà chơi, anh ta bảo tôi.

Tôi thử kéo đàn nhưng chẳng ra bài bản gì, thế là tôi chán quăng nó vào một xó, đến hôm sau thì bọn người hành hương ăn cắp mất ở chỗ kho chứa đồ.

Đáng lẽ tôi phải lợi dụng dịp may ấy để xin với ngài công tước điều gì giá trị hơn, thí dụ xin ngài cho đi tu, như ông thầy tu đã khuyên chẳng hạn, ấy thế mà không hiểu cái gì run rủ tôi lại đi xin cây đàn phong cầm. Ngay từ buổi đầu đã từ bỏ thiên chức của mình như vậy cho nên sau này tôi sẽ phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh cho mãi đến khi lời tiên đoán của ông thầy tu kia được thực hiện, để trả giá cho sự nghi ngờ của tôi.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 3

Vừa trở về đến nhà cùng với những con ngựa mà chủ tôi mới tậu ở Vô-rô-ne-giơ tôi bắt đầu nuôi một đôi chim bồ câu ngay trên mái chuồng ngựa. Con chim đực màu tro, con cái màu trắng, hai chân đỏ xinh xắn trông thật đáng yêu... Tôi rất quý đôi chim ấy. Nhất là ban đêm, nằm nghe con đực gù gù sao sướng tai đến thế. Ban ngày chúng bay lượn trên đám ngựa, sà xuống máng mỗ những hạt lúa miến và mớm cho nhau.... Thật là thú vị với một đứa trẻ như tôi lúc đang ở cái tuổi ấy.

Mớm cho nhau được ít lâu, đôi chim đẻ ra một đôi nữa. Đôi này lớn lên, cũng lại mớm cho nhau, lại đẻ trứng, lại ấp và lại nở ra những con chim bồ câu xinh xắn khác... Những con chim con này nhỏ xíu, chưa có lông vũ mới chỉ có làn lông tơ màu vàng, nom như những quả bông dại trong bãi cỏ. Nhưng chúng lại có những cái mũi dài quá khổ như mũi những vị chúa đất của người dân tộc thiểu số Trec-két... Tôi suốt ngày ngắm nghía chúng, những con chim bồ câu tí hon ấy. Và để chúng khỏi đau, tôi cầm mỏ từng con nhắc lên để nhìn cho thật kỹ, trong khi chim bố cứ lao vào rình cướp con nó ra khỏi tay tôi. Thấy thế tôi bèn trêu nó thêm, nhưng đến lúc tôi đặt con chim vào tổ thì thấy nó đã chết từ lúc nào rồi. Tiếc quá, tôi ử nó vào lòng bàn tay, hà hơi cho nó, nhưng con chim non vẫn không sống lại được. Cáu quá, tôi quăng nó ra ngoài cửa sổ. Không sao, vẫn còn một con sống, nhưng con này cũng lại bị mèo cắn đi mất. Tôi đã chú ý đến con mèo này, lông nó trắng toát chỉ có một chấm đen trên trán giống như đội mũ. Tôi nghĩ bụng, thôi được, để nó ăn con chim đã chết kia cũng được. Nhưng đêm hôm ấy tôi bỗng nghe thấy tiếng đôi chim đập cánh ầm ĩ như đang đánh nhau với con gì. Tôi vùng dậy chạy ra cửa sổ nhìn thì thấy dưới ánh trăng con mèo kia đang thiet nốt con chim non thứ hai.

"Thật là quá quắt." Tôi nghĩ bụng và cầm chiếc ủng ném. Nhưng không trúng. Con mèo cắn con chim đi mất, chắc là để ăn thịt. Đôi chim bố mẹ

chắc buồn lắm nhưng chúng vẫn gù nhau và lại đẻ ra một đôi chim con. Con mèo khốn kiếp kia lại xuất hiện. Không hiểu nó rình mò cách nào mà một hôm giữa ban ngày ban mặt nó vồ một con chim non nhanh đến mức tôi không kịp vớ cái gì để ném cả. Quyết định phải trừng trị nó, tôi bèn đặt bẫy ở cửa sổ. Đêm hôm sau con mèo mắc bẫy và kêu thảm thiết. Tôi lập tức chạy đến, lôi nó trong bẫy ra, nhét đầu và hai chân trước nó vào trong ống của chiếc ủng để nó không cào được tôi. Còn hai chân sau và cái đuôi thì tôi dùng tay trái, xỏ trong bao tay, túm chặt, tay phải tôi vớ chiếc roi treo trên tường, quất cho thật mạnh. Tôi ráng hết sức quất được năm chục roi thì không thấy nó cựa quậy nữa. Tôi bèn lôi ra khỏi ủng xem thử nó đã chết hay chưa. Để thử xem. Tôi đặt nó nằm trên ngưỡng cửa, dùng rìu chặt một nhát đứt đuôi. Con mèo thét lên "meo!" quay tròn độ chục vòng rồi chạy biến mất. "Từ giờ thì mày sẽ không dám ăn thịt chim con của tao nữa". Và để nó sợ hơn nữa, tôi đem treo chiếc đuôi lên phía trên cửa sổ phòng tôi. Tôi rất vừa lòng. Nhưng chỉ một hoặc hai tiếng đồng hồ sau đấy, chị hầu phòng của công tước phu nhân mò xuống. Trước kia chị ta chưa bén mảng xuống chuồng ngựa bao giờ. Tay cầm chiếc dù, miệng chị ta hét lên:

- Chính là mày, chính là mày rồi!

Tôi hỏi:

- Chuyện gì thế?

- Mày hành hạ con Didi phải không? Tao thấy cái đuôi nó treo ở cửa sổ chỗ mày nằm ngủ!

Tôi cãi:

- Thế thì sao kia chứ?

- Mày dám làm cái trò ấy hả? - Chị ta nói.

- Nhưng nó đã ăn thịt mấy con chim non của em.

- Mấy con chim của mày thì quan trọng gì!

- Nhưng con mèo thì cũng là cái gì kia chứ.

Các ông thấy đấy, càng lớn tôi càng ăn nói lỗ mãng.

- Con mèo mà chị làm như cái kho vàng không bằng! - Tôi cãi.

Chị ta tuôn ra ngay một tràng:

- Mày ăn nói thế hả? Mày không biết con mèo ấy là của tao ư? Chính công

tước phu nhân cũng quý nó, cũng vuốt ve nó - Thế là chị ta quất ngay cái cán dù vào má tôi. Tôi cũng không kém. Vốn lanh lẹn từ nhỏ, tôi vớ luôn cái chổi và quất ngang lưng chị ta.

Lạy Chúa? Không ngờ cái chuyện đâm to ra đến thế. Người ta tóm cổ tôi, dẫn lên bàn giấy của lão quản lý người Đức. Lão sai đánh đòn tôi một trận nên thân rồi không cho tôi làm dưới chuồng ngựa nữa, bắt tôi đập đá để rải trên lối đi Ăng-lê ở ngoài vườn. Bị đánh đau quá tôi không đứng dậy nổi và người ta phải cáng tôi đem trả về cho cha tôi. Nhưng trận đòn ấy chưa thấm gì với cái việc quỳ đầu gối đập nhỏ những viên đá... Cực khổ quá khiến tôi đã nghĩ đến chuyện chết đi cho rảnh. Nhờ một thằng bé đi theo hầu công tước, tôi kiếm được một sợi thừng buộc hàng. Chập tối hôm ấy tôi tắm rửa sạch sẽ rồi vào cánh rừng liễu ở sau xưởng giã bột. Tôi quỳ xuống, cầu nguyện Chúa Trời phù hộ cho tất cả những tín đồ Thiên chúa giáo, buộc sợi dây thừng lên cành cây, thắt một cái nút thông lọng rồi chui đầu vào. Chỉ còn việc thả người xuống và thế là xong... Tính tôi đã định gì là làm, nhưng lạ một điều, tôi vừa mới buông mình xuống thì ngã quay ra mặt đất, và tôi nhìn thấy một gã Di-gan đang đứng trước mặt tôi, tay cầm con dao. Gã nhe bộ răng trắng nhơn lấp lánh giữa đêm tối ra cười sằng sặc:

- Mà làm cái trò gì thế, thằng nhóc? - Gã hỏi.
- Việc gì đến ông!
- Mà chán đời lắm hả?
- Đời thì có gì là đẹp?
- Vậy thì đi theo bọn tao. Rồi mày cũng được thắt cổ thôi, nhưng trên giá treo cổ đàn hoàng và bằng cách khác cơ.
- Ông là ai? Các ông kiếm sống bằng nghề gì? Tôi cho rằng các ông chuyên sống bằng nghề trộm cắp .
- Đúng, trộm cắp và bịp bợm.
- Và cũng có lúc các ông giết người chứ?
- Đã đành.

Tôi suy nghĩ rất lâu, nếu ở lại nơi này, ngày mai rồi ngày kia vẫn cứ thế, đập đá suốt từ sáng đến tối. Hai đầu gối tôi đã đau không chịu nổi và hai tai tôi đã phải nghe bao nhiêu lời chế nhạo, chỉ vì mỗi một cái đuôi mèo mà

lão quản lý người Đức kia bắt tôi phải đập vụn cả một đồng đá to như cái núi. Mọi người lại còn giễu tôi nữa chứ: "Mày là ân nhân kia mà. Chính mày đã cứu sống ngài công tước và phu nhân". Không. Nếu không tự tử tôi sẽ phải quay về cuộc sống thảm hại ấy. Tôi khóc và bằng lòng. Do tuyệt vọng tôi nhận lời làm kẻ gian phi.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 4

THĂNG cha Di-gan lấu cá ấy không kịp để cho tôi định thần, nói luôn:

- Nếu mày định không quay về nhà nữa thật thì mày hãy lấy trộm hai con ngựa của chủ mày, chọn hai con thật tốt vào để tao với mày trong đêm nay có thể phi thật xa đây.

Tôi đau lòng quá. Tôi rất không muốn ăn trộm nhưng khốn nỗi đã nhận là chum nho thì tất phải chui vào sọt thoi. Thế là do thuộc lòng đường đi lối lại trong chuồng ngựa, tôi vào dắt ra hai con thật hay, chạy đường trường không biết mệt là gì. Còn gã Di-gan thì móc trong túi ra hai cái răng chó sói buộc vào đầu dây, đeo lên cổ mỗi con ngựa một cái răng ấy. Tôi và gã nhảy lên lưng ngựa và giật cương. Hai con ngựa, thấy răng chó sói treo trên cổ, bèn lao như điên. Gần sáng, chúng tôi đã vượt chùng một trăm dặm và đã đến ngoại vi thị xã Ca-ra-sép. Đến đây chúng tôi bán ngay hai con ngựa cho một người gác cổng rồi ra ngoài bờ sông chia tiền. Tiền bán ngựa được ba trăm rúp, bằng tiền giấy. Nhưng gã Di-gan chỉ đưa tôi có một rúp bằng bạc và bảo:

- Phần của mày đây.

Tôi không chịu.

- Sao lại thế này? Tôi ăn trộm ngựa và mất bao nhiêu công sức đáng lẽ phải hưởng nhiều hơn ông chứ! Sao tôi lại được ít thế này?

- Bởi vì, - gã nói. - Ngăn ấy là hợp với mày.

- Vô lý - Tôi nói. - Tại sao ông lại nhiều thế?

- Bởi vì, - gã nói. - Tao là thầy mà mày là học trò.

- Học trò à? - Tôi nói. - Ông nói láo! - Thế là lời qua tiếng lại tôi với gã đấu khẩu mỗi lúc một căng, thậm chí văng tục ra với nhau. Cuối cùng tôi bảo:

- Tao không đi với mày nữa, bởi vì mày là thằng khốn nạn.

Gã đáp lại ngay:

- Phải rồi, mày ở lại, tao cũng đang mong thế. Bởi vì mày không có giấy

thông hành, tao đi với mày cũng chỉ phiền phức thêm.

Thế là tôi chia tay với gã. Tôi đã định tìm đến gặp ngài thẩm phán thú nhận tôi là kẻ đã trốn chủ, nhưng khi kể câu chuyện ra với viên thư ký của ngài thì ông này bảo tôi:

- Chú mày ngốc lắm! Chú mày khai ra sự thật làm cái gì kia chứ? Chú mày có trong túi được lấy chục rúp không?

- Không. - Tôi đáp. - Cháu chỉ có mỗi một rúp nhưng bằng bạc thật chứ không phải tiền giấy. Còn một chục thì không có.

- Thế chú mày không còn thứ gì khác nữa ư? Một cái thánh giá bằng bạc đeo trên cổ chẳng hạn? À mà chú mày có hoa tai kia kìa!

- Vâng, cháu có hoa tai thật.

- Bằng bạc chứ?

- Vâng. Cháu có cả thánh giá nữa, của thánh Mi-trô-phan, cũng bằng bạc.

- Vậy thì đưa tao, - ông ta nói. - Đưa đây tao, rồi tao viết cho chú mày một tờ chứng chỉ giải thoát. Không phải là nông nô của ai nữa. Chú mày hãy đến thị trấn Ni-cô-la-ép. Ở đấy người ta đang cần rất nhiều nhân công. Bọn du đãng kéo đến đây nhiều lắm.

Tôi bèn nộp ông ta đồng rúp bằng bạc, đôi hoa tai và cây thánh giá. Ông ta viết cho tôi một tờ chứng chỉ, áp triện của ngài thẩm phán vào rồi bảo:

- Đáng lẽ tao phải lấy thêm của chú mày, bởi vì với người khác tao đều không lấy ít thế này. Nhưng tao thương chú mày nghèo với lại tao cũng không muốn giấy chứng chỉ của tao cấp lại không hợp lệ, cho nên tao cũng đành áp cái triện này vào. Bây giờ chú mày đi đi - Ông ta nói. - Thấy ai cần giấy tờ thì mách cho họ đến gặp tao nhé .

"Quân tham tàn - tôi nghĩ bụng. - Cướp bóc người ta lấy cả đến cây thánh giá đang đeo ở cổ mà vẫn còn làm ra bộ thương người". Tôi không trở ai đến gặp lão ta hết, chỉ cầm củi bước đi, miệng cầu Chúa phù hộ, trong túi không có một đồng xu nhỏ.

Đến thị trấn, tôi ra chợ xin việc. Đúng là có ít người xin việc thật, mỗi ba đứa và đều là vô gia cư như tôi. Trong khi ấy chủ thì rất đông, họ tranh nhau thuê chúng tôi, giành giật nhau, lôi mỗi đứa chúng tôi ra một góc. Tôi bị một ông người to lớn hơn cả túm chặt lấy tôi. Ông ta gạt tất cả mọi người

ra, túm chặt lấy hai tay tôi rồi tay đấm chân đá mở một lối đi để tôi theo. Miệng ông ta văng tục như một bác phu xe, nhưng hai mắt thì lại dầm dĩa. Ông đưa tôi đến một ngôi nhà vừa mới dựng bằng đủ thứ vật liệu linh tinh, rồi hỏi:

- Cháu nói thật đi, có phải cháu trốn nhà chủ phải không?

Tôi đáp:

- Vâng, đúng thế ạ.

- Cháu ăn cắp, giết người? - ông ta hỏi - Hay chỉ vô gia cư một cách đơn giản thôi?

Tôi đáp:

- Ông hỏi thế để làm gì ạ?

- Để xem xếp cháu vào việc gì cho hợp.

Tôi bèn thuật lại hết, do đâu tôi bỏ nhà trốn đi. Bỗng nhiên ông ôm tôi hôn lấy hôn để rồi bảo:

- Thế thì cháu đúng là đứa bác đang cần! - Ông ta nói. - Đến bồ câu mà cháu còn thương xót thế, thì cháu có thể chăm sóc đứa con của bác được rồi, bác nhận cháu làm chân trông trẻ.

Tôi hoảng hốt.

- Cháu trông trẻ sao được kia chứ? Công việc ấy không hợp với cháu đâu!

- Không sao. - Ông ta nói. - Không sao mà! Bác thấy cháu trông trẻ được. Giúp bác một chút, kéo bác khổ quá. Vợ bác bỏ bác đi theo một thằng cha sĩ quan kỵ binh, bỏ mặc cho bác một đứa con gái sơ sinh đang thời kỳ bú sữa. Nhưng bác bận quá không có thời giờ cho nó ăn và cũng không biết cho nó ăn thứ gì. Cháu hãy trông em cho bác. Bác trả lương cháu mỗi tháng hai rúp bằng bạc thật.

- Nhưng, - tôi đáp. - Đây không phải là chuyện lương lậu mà chuyện cháu có làm nổi cái công việc ấy không.

- Không sao, - ông ta nói. - Cháu là người Nga chứ gì? Đã là người Nga thì làm việc gì cũng được hết.

- Bác hiểu cho. Cháu là người Nga thật, nhưng cháu là con trai, làm sao cháu có thể trông trẻ được lại trẻ sơ sinh?

- Cháu yên tâm, - ông ta nói. - Bác đã tậu một con dê cái của lão Do Thái

để lấy sữa rồi. Cháu sẽ vắt sữa của nó rồi cho em ăn.

Tôi suy nghĩ rồi bảo:

- Đã đành có con dê cái thì có thể cho đứa trẻ ăn sữa được. Nhưng cháu nghĩ, bác nên kiếm một bà hay một chị nào có hơn không.

- Không! - Ông ta đáp. - Cháu đừng nói đến đàn bà con gái ra với bác. Mọi chuyện rắc rối trên đời đều do đàn bà con gái gây ra hết. Với lại kiếm đâu ra đàn bà con gái bây giờ? Còn nếu như cháu không chịu trông em cho bác thì bác đành gọi mấy gã lính cô-dắc đến trói cháu lại, giải lên đồn cảnh sát để họ đem cháu về cho chủ cũ. Vậy cháu hãy chọn đi: hoặc trở về đập đá ở vườn của ngài công tước hoặc ở lại đây trông em cho bác?

Tôi suy tính, không, không thể quay về được, thế là tôi nhận lời trông trẻ. Ngay hôm ấy tôi đi theo ông chủ đến nhà người Do Thái tậu một con dê cái trắng toát cùng với một con dê con. Dê con thì tôi chọc tiết, để hai thầy trò nấu mì chén, còn dê mẹ thì tôi vắt sữa và bắt đầu cho đứa bé ăn. Đứa bé gầy còm, yếu ớt xấu xí, lúc nào cũng kêu the thé. Ông chủ của tôi, bố đứa bé, gốc Ba-lan, hiện làm viên chức và đúng là một kẻ tồi tệ, không có mặt ở nhà mấy khi, suốt ngày đêm la cà đàn đúm và cờ bạc. Trong nhà chỉ có tôi với đứa con gái bé nhỏ mà tôi có nhiệm vụ phải trông nom. Dần dần tôi rất gần bó với nó, bởi vì buồn quá, chẳng có việc gì khác để làm. Hết đặt con bé vào cái thùng gỗ để tắm rửa kỳ cọ cho nó, lại nhìn xem có vết mẩn nào hiện lên trên làn da của nó để lấy bột rắc vào. Lúc thì tôi chải đầu cho nó, lúc thì quỳ xuống đưa cái nôi. Lúc nào buồn quá, tôi lại cho nó chui vào ngực áo đi ra sông giặt quần áo. Con dê cái cũng quấn chúng tôi, đi theo tôi đến bất cứ chỗ nào. Tôi sống như thế cho đến mùa hè năm sau. Đứa bé đã lớn và bắt đầu chập chững, nhưng tôi nhận thấy chân nó sao cong thế. Tôi đã định bảo ông chủ biết, nhưng ông không thèm nghe, mà chỉ nói:

- Bác biết đâu đấy. Cháu bế nó đến ông lang, nói ông ấy xem thử.

Tôi bế đi. Ông lang nói:

- Đây là bệnh Äng-lê. Phải đặt nó trong cát mới khỏi.

Tôi bèn thực hiện. Tôi chọn bên bờ sông một chỗ nhiều cát, rồi vào một ngày nắng ấm, tôi bế con bé, cùng với con dê ra đấy. Tôi lấy tay bốc cát lên, đặt con bé xuống, ngấp đến ngang người. Tôi đưa nó mấy cái que và mấy

viên sỏi để nghịch. Con dê cũng quanh quẩn gần đấy, tìm cỏ gặm. Tôi thì ngồi, hai tay ôm đầu gối thiu thiu ngủ.

Bộ ba chúng tôi giết thời gian kiểu như thế trong nhiều ngày liền. Đây là cách tốt nhất tránh cho tôi khỏi nỗi buồn tẻ, tôi xin nhắc lại, đúng là một nỗi buồn tẻ khủng khiếp. Đặc biệt là mùa xuân năm ấy, kể từ khi tôi bắt đầu chữa bệnh cho đứa trẻ bằng cách đào bới cát lên, vùi nó xuống đấy rồi thiu thiu ngủ ở ven sông, tôi lại bắt đầu chiêm bao thấy đủ chuyện quái đản. Có lần, vừa chợp mắt tai vẫn còn nghe thấy tiếng nước vỗ vào bờ, da thịt vẫn còn thấy làn gió ấm thổi tới mơn man, tôi bỗng cảm thấy như một thứ gì khủng khiếp đang lao đến chỗ tôi. Tôi mơ thấy những cánh đồng cỏ bát ngát, những con ngựa phi trên đó và tiếng ai gọi tôi đi theo. Thậm chí nghe rõ cả đích danh tên tôi: "I-van! I-van! Đi thôi, đạo hữu I-van!". Tôi hoảng hốt choàng tỉnh dậy, bừng tức nhổ nước bọt xuống đất. Hừm, ai lại gọi mình thế nhỉ? Tôi đưa mắt nhìn bốn xung quanh, chỉ một nỗi buồn tẻ tái như châu cẩu, con dê đã ra xa kiếm thức ăn, đứa trẻ vẫn ngồi trong hố cát, có thể thôi... ôi sao mà buồn đến thế! Chỉ có bãi trống, mặt trời và dòng sông, thế là tôi lại nhắm mắt và lại thiếp đi. Lại thấy tiếng sóng, tiếng gió và tiếng ai đó gọi tha thiết: "I-van! Đi nào, đạo hữu I-van!" Tôi tỉnh dậy, bừng quá, vắng tục: "Các người là ai thì cứ hiện ra đằng hoàng nào. Thói đâu hề người ta chợp mắt là lại gọi rống lên?" Một hôm, đang bừng tức như thế, tôi ngược cặp mắt ngái ngủ lên nhìn sang bên kia bờ, thấy một đám mây đang trôi về phía tôi. Tôi nghĩ bụng, khéo sắp có trận mưa bóng mây làm mình ướt mất. Đột nhiên tôi nhìn thấy ông thầy tu có bộ mặt nhăn nhúm như mặt bà lão mà tôi đã giết chết ngày nào, hồi còn làm chân phụ đánh xe. Tôi bèn quát: "Ông đi đi!". Nhưng ông thầy tu lại khề kháng bảo: "Ta đi thôi, I-van, đạo hữu, ta đi thôi! Cậu sẽ còn phải chịu đựng nhiều nỗi đau khổ, nhưng rồi cậu sẽ đạt được mục đích". Tôi vẫn vắng tục trong giấc chiêm bao và tôi bảo ông ta: "Tôi phải đi đâu với ông chứ? Và tôi sẽ đạt được cái gì?". Ông ta liền biến thành đám mây và trở về phía sau, chính tôi cũng không rõ ông ta trở cái gì, lại vẫn cánh đồng cỏ hoang vắng, những người các dân tộc Hồi giáo giống như trong những câu chuyện cổ tích. Họ đội những chiếc mũ lông lồm chồm, vai đeo cung tên và cười trên lưng những con ngựa hung

hân. Tôi nghe thấy cả tiếng ngựa hí, tiếng người reo hò, tiếng cười điên dại, rồi đến một trận cuồng phong... Cát bay mù mịt xóa mất mọi thứ. Tiếng chuông nhà thờ dịu hiền, một tu viện trắng toát hiện ra trên cao, dưới ánh nắng lung linh. Những thiên thần mang giáo bằng vàng đi lại trên các bờ tường, biến trái rộng xung quanh. Và mỗi khi một thiên thần gõ ngọn giáo vào chiếc khiên, mặt biển lại rung chuyển và tiếng vang ầm từ đáy biển vọng lên khủng khiếp: "Đấng tối cao, hãy cứu chúng con!".

"Chà - tôi nghĩ bụng. - Nghĩ là họ lại nhắc mình đi tu!". Tôi tỉnh dậy trong lòng bức bối, và tôi sửng sốt nhìn thấy trước mặt đứa trẻ mà tôi được giao phó, một người phụ nữ đang quỳ gối đáng vẻ dịu hiền và mắt ướt đầm.

Tôi nhìn vào đấy rất lâu, xem thử đến bao giờ giấc chiêm bao này mới tan, nhưng rồi không thấy tan, tôi bèn đứng dậy, bước đến gần thì một bà quý phái thật. Bà đã bồng đứa bé lên, ôm nó vào lòng rồi hôn vừa khóc thảm thiết.

Tôi bèn hỏi:

- Bà làm sao thế?

Bà ta chạy lại phía tôi, tay vẫn ôm chặt đứa bé ghì vào ngực, miệng thì thầm:

- Đứa bé này là của tôi. Nó là con gái tôi!

Tôi bảo:

- Thế nghĩa là sao?

- Cậu hãy trao nó cho tôi, - bà ta nói.

- Sao bà lại đòi tôi phải trao nó cho bà? - Tôi hỏi.

- Cậu không thấy thương hại nó hay sao? - Bà ta lại nói - Cậu không nhìn thấy nó đang ôm chặt lấy tôi đây à?

- Nó có biết gì đâu, nó ôm chặt lấy bà cũng có gì lạ? Nó vẫn thường ôm chặt lấy tôi đấy thôi. Nhưng tôi không thể trao nó cho bà được.

- Tại sao?

- Bởi vì người ta giao nó cho tôi trông. Bà nhìn con dê kia kìa. Bây giờ tôi phải đem con bé này về cho cha nó .

Thế là bà quý phái khóc nức nở, hai bàn tay bóp chặt vào nhau;

- Thôi được, - bà ta nói. - Cậu không trao nó cho tôi cũng được, nhưng xin

cậu đừng mách bố nó, tức là ông chủ của cậu, rằng cậu gặp tôi. Sáng mai cậu cũng lại đưa con gái tôi ra đây để tôi được ôm ấp nó lần nữa.

- À chuyện ấy thì được. Tôi đã hứa là tôi sẽ làm đúng.

Tôi không hé răng nói với ông chủ về bà quý phái kia, và sáng hôm sau tôi lại dắt con dê, bế đứa bé ra bờ sông. Bà quý phái đã đợi ở đấy từ lúc nào. Bà ngồi trong cái hốc, và vừa thoáng nhìn thấy chúng tôi, bà vùng dậy, chạy ra đón, hết khóc lại cười, giúi các thứ đồ chơi vào hai tay con bé. Thậm chí bà còn quàng lên cổ con dê một cái chuông nhỏ xíu buộc sợi dây vải màu đỏ và tặng tôi một cái tẩu, túi thuốc lá và chiếc lược nữa.

- Cậu hút thuốc đi, - bà nói. - Trong lúc cậu hút thì cho tôi chơi với đứa bé.

Thế rồi từ hôm ấy ngày nào cũng diễn ra cuộc gặp gỡ, trong lúc tôi ngủ thì bà chăm sóc đứa con. Thỉnh thoảng bà còn kể cho tôi nghe câu chuyện của bà, bà đã lấy người khác... ông chủ tôi bà lấy là do bị ép duyên... do một mục độc ác bố trí... bà không thể nào yêu được ông chủ tôi, còn người kia, một sĩ quan chuyên tậu ngựa cho kỵ binh, thì bà yêu lắm... bà rất khổ tâm là đã không thể cưỡng lại tình cảm và đã yêu ông ta với tất cả tấm lòng.... Bà nói, cậu đã thấy đấy, chồng tôi sống rất bừa bãi, rượu chè, cờ bạc trong khi ông sĩ quan kia... ông ấy có bộ ria mép rất đẹp, quần áo bao giờ cũng chỉnh tề, sạch sẽ và rất tôn trọng tôi, rất thương tôi. Nhưng tôi vẫn không thể hạnh phúc được, vì còn đứa trẻ này tôi không thể bỏ. Bà giảng giải rằng gần đây ông sĩ quan kia và bà về đây, ở tạm nhà một người bạn của ông ấy, nhưng tôi rất lo chồng tôi sớm muộn sẽ biết... chúng tôi sắp phải đi và tôi sẽ lại phải xa con gái tôi.

- Biết làm sao được! Bà đã làm trái bốn phận, đã vi phạm pháp luật và đạo đức của tôn giáo thì bà phải chịu sự trừng phạt thôi.

Bà quý phái lại òa khóc nức nở và rên rỉ mỗi lúc một thảm thiết hơn. Rồi đột nhiên bà giúi tiền vào tay tôi. Hôm cuối cùng bà đến để chào tôi và bà nói:

- Cậu I-van này, - bà đã biết tên tôi. - Nghe tôi nói đây. Lát nữa ông ấy sẽ đích thân đến đây gặp cậu.

Tôi hỏi:

- Ông nào?

- Ông sĩ quan ấy.

Tôi bảo:

- Gặp tôi để làm gì?

Bà bèn kể rằng, đêm hôm trước ông sĩ quan đánh bạc gặp may, được một số tiền rất lớn. Ông ấy định biếu tôi một ngàn rúp và xin tôi trao đưa con gái kia cho mẹ nó.

- Không được đâu - tôi đáp.

- Tại sao, I-van? Tại sao vậy? - Bà ta năn nỉ. - Cậu không thương tôi và cháu bé ư, mà bắt mẹ con tôi cứ phải xa nhau như thế này?

- Thương hay không, tôi cũng không đòi nào chịu bán chác bản thân tôi, dù giá có cao đến mấy. Cho nên xin ông sĩ quan cứ giữ lấy số ngàn rúp của ông, còn tôi cũng cứ giữ con gái bà.

Bà khóc nhưng tôi nói:

- Bà đừng khóc nữa, bởi vì cũng không chuyển được ý tôi đâu.

Bà bảo:

- Cậu độc ác lắm!

Nhưng tôi trả lời:

- Tôi không độc ác đâu, mà tôi theo đúng bốn phận. Tôi đã nhận lời trông nom đứa trẻ thì tôi phải giữ gìn nó.

Bà cố thuyết phục tôi rằng bà trông nom đứa trẻ chu đáo hơn tôi.

- Điều ấy - tôi đáp - Không thuộc phạm vi tôi.

- Chẳng lẽ cậu bắt tôi lại phải xa con tôi nữa hay sao? - Bà hét lên.

- Không còn cách nào khác, - tôi nói. - Nếu như bà đã coi thường luật lệ và tôn giáo...

Nhưng tôi chưa kịp nói hết câu định nói thì đã nhìn thấy một sĩ quan khinh kỵ binh xuất hiện trên đồng cỏ đang đi về phía chúng tôi. Hồi ấy các sĩ quan đều mặc quân phục thực sự chứ không phải như bây giờ, họ mặc không khác gì nhân viên thư ký là mấy. Ông sĩ quan kỵ binh ấy đi dáng hiên ngang, hai tay đặt hai bên sườn, áo ca-pôt khoác trên vai... ông ta không có vẻ khỏe lắm nhưng dáng thì rất oai... Nhìn thấy ông ta, tôi nghĩ bụng: "Đang buồn vớ được ông này mà tiêu khiển cũng thú đấy!" Tôi dự định hể ông ta thốt lên một lời nào thiếu lễ độ, tôi sẽ mắng lại ngay và kiểm

cớ đánh nhau một chuyến xem sao. Hý hửng với cái dự định ấy, tôi không còn nghe thấy bà quý phái kia khóc lóc năn nỉ những gì nữa mà chăm chú vào trò chơi sắp tới.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 5

BỤNG đã quyết tiêu khiển như vậy, tôi nghĩ cách gây sự với ông sĩ quan. Tôi ngồi, lấy lược ra, giả vờ như đang chải đầu. Ông sĩ quan đi đến, bước thẳng tới chỗ bà quý phái.

Bà ta phàn nàn hết với ông ta về việc tôi không chịu trao đứa con gái cho bà. Nhưng ông vuốt tóc bà và bảo:

- Em đừng buồn. Anh sẽ có cách nói chuyện với cậu ta, - ông ta nói. - Cậu ta nhìn thấy tiền sẽ tối mắt lên cho mà xem. Còn nếu như cậu ta vẫn không chịu, thì ta sẽ vùng vũ lực cướp lấy đứa trẻ. - Nói xong ông ta bước đến trước mặt tôi, chìa ra xấp giấy bạc rồi nói: - Đây vừa chẵn một ngàn rúp. Cậu hãy trao đứa trẻ cho chúng tôi rồi cầm lấy tiền và đi đâu tùy thích.

Nhưng tôi đã tính gây chuyện với ông ta cho nên không trả lời ngay. Trước tiên tôi từ từ đứng dậy. Rồi chậm rãi gài lược vào thắt lưng. Xong xuôi tôi mới ho một tiếng rồi nói:

- Không được. Thưa ngài sĩ quan, tiền của ngài không ăn thua gì đâu, - và tôi cầm lấy xấp tiền, nhổ nước bọt lên rồi quăng xuống đất, nói tiếp: - Ông cúi xuống mà nhặt nó lên!

Ông sĩ quan đỏ bừng mặt, giận lắm, lao vào đánh tôi. Nhưng tôi thừa biết, chẳng khó khăn gì tôi cũng hạ được ông ta. Chỉ đẩy nhẹ một cái, ông đã lăn quay ra đất, chống bốn vó lên trời, kiếm thì văng sang một bên. Tôi liền giậm chân lên mũi kiếm và bảo:

- Lòng can trường của ông đã nằm dưới bàn chân tôi.

Tuy sức không khoẻ lắm, nhưng ông ta rất dũng cảm. Biết không thể nhấc kiếm lên được nữa, ông ta cởi dây đeo kiếm quăng ra rồi chân tay không lao vào đánh tôi. Nhưng làm thế cũng chẳng ăn thua gì, chỉ chuốc thêm nỗi đau mà thôi. Nhưng tôi đã thấy mến ông ta vì thấy con người tự trọng và cao thượng. Tôi không nhận số tiền nhưng ông ta cũng không thèm nhặt lên.

Khi cuộc đánh nhau đã kết thúc tôi nói to:

- Ngài hãy nhận lại số tiền kia đi, vì dọc đường thế nào cũng có lúc ngài cần đến.

Nhưng các ông tưởng tượng được không? Đáng lẽ nhặt số tiền thì ông ta lao đến nắm tay đứa bé. Tôi bèn nắm tay kia của nó rồi bảo:

- Ta cùng kéo nào, xem ai được phần lớn hơn.

Ông thét lên:

- Đồ khốn nạn! Quân đao phủ! - Rồi nhổ nước bọt vào mặt tôi, ông buông tay đứa bé ra, kéo bà quý phái đi theo. Bà ta gào lên tuyệt vọng, hai tay chơi vơi về phía đứa con... Tôi thấy rõ là bà đang bị dăng xé giữa người tình và đứa con... Đúng lúc ấy tôi thấy ông chủ tôi chạy từ trong thị trấn ra, tay lăm lăm khẩu súng ngắn. Ông vừa bắn, vừa gào to:

- Giữ chúng lại, I-van! Giữ chúng lại!

"Đời nào - Tôi thầm nghĩ, - Đời nào tôi lại giữ họ. Cứ để cho họ yêu thương nhau!" Thế rồi tôi đuổi theo bà quý phái với ông sĩ quan khinh kỵ trao đứa bé cho bà và bảo:

- Bà hãy bế lấy nó! Nhưng bà cũng đem cả tôi đi theo nữa, bởi vì ông kia rất có thể sẽ đem nộp tôi cho cảnh sát, chẳng là tôi không có giấy thông hành hợp lệ.

Bà ta nói:

- Cậu đi với chúng tôi, I-van! Cậu sẽ ở với chúng tôi.

Thế là tôi phi ngựa cùng với họ và đứa con gái nhỏ để lại cho ông chủ tôi con dê, số tiền và tờ giấy thông hành không hợp lệ của tôi.

Suốt dọc đường đi với họ, ngồi trên chỗ đằng trước bên cạnh người đánh xe cho đến tận thành phố Pen-de, tôi cứ suy nghĩ: lúc này tôi đánh ông sĩ quan phải chăng như thế là không tốt? Bởi vì ông đã tuyên đọc lời thề trước đức Vua, đã cầm thanh kiếm xông pha trận mạc bảo vệ Tổ quốc, thậm chí đích thân Đức Vua có khi cũng xưng hô lịch sự với ông ta, vậy mà mình là thằng nhãi ranh lại dám xúc phạm ông ta!... Rồi tôi lại nghĩ sang chuyện khác, không biết số phận cuộc đời còn đưa đẩy mình đi tận đâu mà (chắc chỗ này in thiếu) ở thành phố Pen-de ngày trước vẫn thường có chợ phiên. Bỗng ông sĩ quan khinh kỵ bảo tôi:

- Cậu I-van này, chắc cậu đã thừa biết rằng tôi không thể giữ cậu ở cùng được chứ?

Tôi hỏi:

- Tại sao vậy?

- Bởi vì, - ông đáp. - Tôi là sĩ quan trong quân ngũ, mà cậu thì lại không có giấy tờ hợp pháp.

- Tôi có thông hành đấy chứ, - tôi nói. - Nhưng là thông hành giả thôi.

- Đấy nhé, - ông đáp. - Nhưng ngay tờ thông hành ấy cậu cũng không còn nữa rồi. Vậy cậu hãy cầm lấy hai trăm rúp này rồi cậu muốn đi đâu thì tùy. Mà tôi thì thú thật, không muốn xa họ một chút nào hết, bởi vì tôi đã đam mê đứa bé. Nhưng không thể khác được. Tôi bèn nói:

- Thôi đành. Xin chào hai ông bà, xin cảm ơn vạn bội ông đã thưởng công quá hậu hĩ cho tôi. Nhưng tôi muốn nói một lời.

- Cậu muốn nói gì? - ông sĩ quan hỏi.

- Tôi có tội với ông, đã đánh nhau với ông và ăn nói bậy bạ, - tôi đáp.

Ông sĩ quan cười vang rồi bảo:

- Không sao. Nhưng cậu đúng là một chàng trai tốt bụng.

- Không, - tôi đáp. - ông bảo tốt, nhưng tôi thấy lương tâm tôi áy náy, ông là người chiến. đấu bảo vệ Tổ quốc, vậy mà tôi đã đối xử hỗn láo. Phòng chừa ngay Đức Vua cũng xứng hô lịch sự với ông nữa ấy chứ.

- Đúng thế. Khi tôi được phong chức, trong sắc lệnh của Hoàng đế có câu: "Trẫm duyệt y và ra lệnh cho mọi người phải kính trọng ông".

- Đấy nhé, cho nên tôi không thể chịu đựng được nỗi áy náy này thêm nữa.

- Vậy cậu muốn thế nào bây giờ? Cậu khoẻ hơn tôi và cậu đánh tôi thua rồi, bây giờ làm lại thế nào được nữa?

- Đúng là không thể gỡ lại, nhưng để lương tâm tôi đỡ áy náy, tôi xin ông tát cho tôi một cái, -vừa nói tôi vừa gồng má lên.

- Tại sao tôi lại phải tát cậu?

- Để tôi khỏi bị lương tâm dằn vặt là đã xúc phạm một sĩ quan của Đức Vua mà không bị trừng phạt.

Ông ta cười vang, còn tôi thì gồng hai má lên.

Ông sĩ quan khinh ky hỏi tôi:

- Sao cậu nhăn nhó mặt mũi như thế kia?

Tôi theo đúng như điều lệnh quân đội, xin ông ta tát tôi cả hai má. Nói xong tôi lại gồng cả hai má lên. Nhưng ông đã chẳng tát, lại ôm chầm lấy tôi hôn và bảo:

- Thôi đủ rồi, I-van. Vì Chúa! Tôi sẽ không tát cậu đâu, nhưng cậu hãy đi ngay bây giờ, trong khi Ma-sa và đứa bé không có ở đây. Kẻo nàng biết, nàng và đứa nhỏ sẽ khóc như mưa như gió mất.

- Đúng thế. Tôi cũng không muốn nhìn thấy họ buồn rầu.

Mặc dù không muốn xa họ chút nào, tôi cũng vội vã bước đi. Ra đến phố tôi đứng lại, bối rối, không biết đi đâu bây giờ.

Từ khi tôi trốn khỏi nhà chủ đầu tiên, tôi vẫn lang thang, chưa có nơi nào ổn định... "Chậc! - Tôi nghĩ bụng. - Đến đồn cảnh sát mà thú nhận quách đi cho rồi. - Nhưng tôi lại nghĩ. - Không ổn, bởi vì lúc này tôi đang có tiền, họ sẽ tịch thu của tôi mất. Trước hết ta tiêu bớt một phần món tiền ấy đi, vào quán uống một chén trà và ăn một chén bánh quăn thưởng cho thỏa thích đã." Thế là tôi vào một quán hàng trong chợ phiên, gọi trà và bánh quăn thưởng, rồi tôi ngồi nhắm nháp rất lâu. Khi đã no nê, tôi đi dạo một vòng. Tôi ra ngoài đồng cỏ, sang chơi bên kia sông. Đây là một con sông nhỏ tên là Xu-ra. Đến nơi tôi nhìn thấy những đàn ngựa và những chiếc lều của người Tác-ta. Các lều đều giống nhau, riêng có một lều màu sắc sặc sỡ và rất đông người xúm quanh đang thử những bộ yên cương. Cả quân nhân, cả người dân sự, cả các chúa đất đến dự chợ phiên đều kéo sang đây. Mỗi người cầm một cái tẩu và phả khói mù mịt. Ở giữa, trên một tấm thảm bằng da màu sắc sỡ, một người đàn ông Tác-ta ngồi. Ông ta gầy và cao lênh khênh như cái sào, mặc áo thụng dài rất sang và đội chiếc mũ thêu kim tuyến, dáng điệu bình thản. Trong số đứng vây quanh, có một người tôi đã gặp trong quán lúc nãy. Tôi bèn đến gần anh ta, hỏi xem cái ông Tác-ta sang trọng kia là ai vậy. Anh ta đáp:

- Cậu không biết à? Đây là thủ lĩnh Gian-ga.

- Thủ lĩnh Gian-ga? Nghĩa là ai vậy?

- Là người chủ ngựa giàu nhất của khắp vùng thảo nguyên này. Ngựa của ông ta ăn cỏ trên khắp cả vùng đất cát mênh mông từ sông Von-ga đến sông

U-ran. Thế lực của ông ta không kém gì của đức Vua.

- Thế vùng thảo nguyên này không thuộc nước Nga ư?

- Có chứ. Nhưng chúng ta không thể cai quản nổi, bởi vì suốt từ đây cho đến bờ biển Ca-xpi chỉ toàn một thứ đất mặn không cày cấy gì được, họa chăng chỉ có cỏ dại mọc, với những đàn chim bay lượn trên trời. Các quan trị nhậm chẳng thu được lợi lộc gì nên chẳng buồn ngó ngàng tới. Chính vì thế mà thủ lĩnh Gian-ga mới làm vương làm tướng được. Nghe đâu ngài thủ lĩnh có cả một triều đình gồm các đạo trưởng, các quan văn quan võ hầu cận ngài. Đám cận thần này rất lấy làm vinh hạnh được phục vụ thủ lĩnh.

Trong khi nghe anh ta giải thích, tôi nhìn thấy một chàng trai trẻ Tác-ta dắt con ngựa cái màu trắng bé nhỏ đến và nói với thủ lĩnh bằng tiếng Tác-ta. Vị thủ lĩnh đứng dậy, cầm lấy chiếc roi ngựa có chuôi rất dài, bước đến trước mặt con ngựa chìa ngọn roi vào trán nó. Trông đúng là một tên tướng cướp hiên ngang oai vệ! Một pho tượng tuyệt mỹ. Và tôi thấy rõ ngay là cặp mắt lão ta như xuyên thủng con ngựa. Bản thân tôi cũng đã từng lăn lộn với ngựa nghèo từ nhỏ, nên tôi thấy ngay được rằng con ngựa trắng kia nhận ra tài ba của người chủ và rậm rập phục tùng. Nó đứng thẳng chân ở tư thế "nghiêm" như thể muốn thưa với chủ rằng tôi là một con ngựa cái xinh đẹp biết chừng nào! Lão thủ lĩnh Tác-ta đứng bất động mà ngắm con ngựa, chứ không lảng xảng chạy xung quanh nó như những chàng sĩ quan hiếu động. Đột nhiên lão hạ ngọn roi xuống rồi đưa mấy đầu ngón tay lên sát môi, như ý nói: tuyệt! Rồi lão quay vào ngồi lại trên tấm thảm. Con ngựa lập tức vẫy tai, cất tiếng hí rồi bắt đầu nhảy múa.

Các vị khách bèn đấu giá: người đặt một trăm rúp, người sau đặt giá trăm rưỡi và cứ thế tiếp lên. Con ngựa trông thật đẹp: không cao lớn, dáng kiêu giống ngựa A-rập, thon mình, đầu nhỏ, mắt ếch, tai thẳng, bụng thon, lưng như mũi tên, chân thon và rắn chắc. Tôi vốn thích vẻ đẹp của loài ngựa, tôi không rời được mắt. Còn lão thủ lĩnh, thấy mọi người trầm trồ, bèn ra hiệu cho tên đầy tớ da nâu sẫm. Tên đầy tớ nhẩy lên lưng con ngựa quý, cưỡi theo kiểu Tác-ta, hai chân quặp hai bên sườn con vật và con ngựa lao vút đi nhẹ như sợi lông. Tưởng như nó bay là là bên trên mặt đất, giữa không trung. Mỗi khi đặt chân xuống đất, nó hí một tiếng nhỏ, cong người lại làm

tung lên một đám bụi cát; "Chà, đẹp quá! - Tôi tự nhủ - Đầu ra của quý này không biết, vừa nhẹ như chim vừa mạnh như lửa?" Và tôi mê mẩn ngắm con ngựa kỳ diệu này. Tên đầy tớ kỵ sĩ Tác-ta dắt con ngựa quay vào. Con ngựa thở mạnh ra qua hai lỗ mũi một lần cho tan đi mọi nỗi mệt mỏi và nó lại đứng bình thản như trước. Tôi nghĩ bụng: "Tuyệt đỉnh! Tuyệt đỉnh!" Nếu như vị thủ lĩnh Tác-ta kia chịu đổi con ngựa lấy cả linh hồn thì tôi cũng chấp nhận ngay. Thậm chí lão đòi cả linh hồn bố mẹ tôi tôi cũng không ngập ngừng. Nhưng tôi làm sao chiếm được con ngựa kia, trong khi các vị khách cứ thay nhau nâng giá của nó lên đến con số cao khủng khiếp? Bỗng nhiên, trong lúc giá con ngựa vẫn chưa định đoạt xong thì một kỵ sĩ phi ngựa như bay từ bên kia sông Su-ra sang ghìm cương ngay trước lều, con ngựa của ông ta đen tuyền. Ông ta lắc mũ, nhảy xuống đất, đứng lặng đi trước con ngựa trắng:

- Con ngựa này là thuộc về ta!

Lão thủ lĩnh Gian-na đáp:

- Còn xem đã. Bởi vì các vị kia đang trả tôi với cái giá năm trăm.

Gã kỵ sĩ Tác-ta mới đến, dáng cao lớn, bụng phệ, mặt đỏ như bị bóc mấy lần da, mắt xếch kéo dài hết lên:

- Ta trả thêm một trăm đồng nữa!

Các vị khách lúc này nổi xung, trả thêm nữa. Lão thủ lĩnh Gian-na bật môi. Lại một kỵ sĩ nữa phi từ bên kia sông Su-ra trên lưng một con ngựa có bờm rất to và màu trắng. Y cũng là người Tác-ta, gầy còm, da vàng ửng, nhưng quái đản còn hơn gã kỵ sĩ kia. Vừa đặt chân xuống đất y đứng ngay trước con ngựa quý tuyên bố:

- Xin báo mọi người biết: tôi muốn con ngựa này thuộc về tôi.

Tôi ghé tai người bạn làm quen được ở quán trà, hỏi thế nghĩa là sao. Anh ta đáp:

- Lão thủ lĩnh Gian-na này tinh quái lắm. Kỳ chợ phiên nào lão cũng bày ra cái trò này: sau khi bán xong những con ngựa bình thường, đến ngày cuối cùng, thế nào lão cũng thò ra một hai con ngựa không ai rõ lão kiếm được ở đâu: Loại ngựa làm mê mẩn tất cả những tay sành ngựa. Và thế là lão kiếm được một số tiền chật ních túi. Mọi người đều biết lão có cái trò ấy cho nên

ai cũng ngóng đợi. Họ tin rằng lão sẽ đi khỏi chợ ngày hôm nay mà đêm nay lão sẽ đi thật, nhưng trước khi đi bao giờ lão cũng bày ra cái trò này...

- Con ngựa của lão quả là tuyệt diệu thật!

- Đúng thế. Lão dắt nó đến chợ phiên cùng với cả đàn, nhưng xếp vào giữa để không ai chú ý, chỉ riêng mấy tay Tác-ta kia là biết. Lão còn bảo họ rằng con ngựa quý này lão không bán. Cứ đến đêm lão lại giấu nó trong rừng, giao cho một tên lâu la coi giữ, đợi đến hôm nay mới đột nhiên tung ra bán. Cậu đứng dậy mà xem diễn tiến và sẽ thấy lão lái ngựa quý quái kia thu được món tiền lớn đến mức nào. Cậu có muốn đánh cuộc với tớ tay nào sẽ mua được không?

- Đánh cuộc ư? Để làm gì?

- Rồi cậu sẽ thấy thú vị lắm Mọi người sẽ tranh cướp nhau, nhưng rồi thế nào các vị khách trông có vẻ sang trọng giàu có kia cũng sẽ lui hết. Và con ngựa sẽ rơi vào tay một trong hai thằng cha người châu Á mới đến kia.

- Bởi vì - tôi hỏi. - Hai người ấy lắm tiền chứ gì?

- Lắm tiền cũng có, mà cái chính, chúng là những kẻ thích chơi trội, - anh ta đáp - Chúng đều có những đàn ngựa rất đông nhưng vẫn cứ có một số ngựa hay mà chúng lấy làm tự hào và không chịu để ai có ngựa hay hơn ngựa của chúng. Hai gã này ở đây ai cũng biết. Thằng cha bụng phệ có bộ mặt đỏ ửng kia tên là Bác-sây Ô-tu-sép còn thằng cha gầy còm xanh xao kia là Sép-cun Em-gua-sê-ép. Cả hai đều dữ tợn không kém gì nhau, rồi cậu sẽ thấy chúng tranh chấp với nhau cách nào.

Tôi không hỏi gì nữa mà chăm chú theo dõi. Những vị khách sang trọng lúc này thi nhau nâng giá con ngựa, lúc này đã lùi ra, chỉ đứng làm khán giả. Hai gã Tác-ta kia thì đẩy nhau rồi nắm lấy tay lão thủ lĩnh Gian-na mà lắc, mà vỗ, miệng gào lên. Một tên gào:

- Ngoài tiền, ta còn trả ông thêm năm đầu ngựa nữa.

Tên kia hét:

- Im đi! Ta trả một chục đầu ngựa thêm.

Gã Bác-sây quát:

- Ta trả mười lăm đầu ngựa,

Còn Sép-cun thì:

- Hai chục,

Bác-sây:

- Hai mươi lăm,

Và Sép-cun:

- Ba chục.

Đến đây thì xem chừng cả hai đều không có hơn nữa. Sép-cun hét ba chục. Bác-sây cũng ba chục, không thêm con nào. Nhưng Sép-cun trả thêm bộ yên. Còn Bác-sây thì thêm yên và một cái áo dài. Sép-cun cũng thêm cái áo dài. Đến đây thì cả hai lại không còn gì thêm để vượt nhau nữa. Sép-cun thét: “Thủ lĩnh Gian-na! Ta về đến nhà sẽ bắt con gái ta đến để ông dùng”. Nhưng Bác-sây cũng lại cho con gái hẳn. Thế là hai bên vẫn cân bằng. Đúng lúc ấy, tất cả đám Tác-ta đứng xem xung quanh bỗng nhiên reo hò vang dội, gào lên những gì bằng tiếng của họ. Họ kéo hai địch thủ sang hai bên, can hai tên Sép-cun và Bác-sây đừng ganh đua nhau để một tên phải khinh kiệt. Họ thuyết phục, chỉ trích, hích vào mạng sườn hai gã đang hăng máu này.

Tôi quay sang hỏi người bạn mới quen:

- Họ làm gì thế?

- Mấy vị khách sang trọng kia thấy thương hai tên Tác-ta, sợ chúng khuynh gia bại sản mất cho nên họ cố khuyên can chúng, đừng găng quá.

- Nhưng làm sao can được? Bởi vì cả hai đều mê mẩn con ngựa đến thế kia mà?

- Không phải thế đâu. Bọn này là dân châu Á quen sống lý trí. Chúng biết cách tự kiềm chế. Chúng sẽ nghĩ được rằng, tội gì quẳng tiền qua cửa sổ như vậy. Chúng sẽ đưa cho lão thủ lĩnh Gian-na khoản tiền mà lão đòi, rồi sau đó hai tên Bác-sây và Sép-cun cũng sẽ đấu với nhau bằng roi.

Tôi tò mò:

- Đấu bằng roi nghĩa là thế nào?

Anh bạn đáp:

- Giải thích cho cậu làm gì. Tốt hơn hết là cậu hãy xem tận mắt. Sẽ thú vị hơn nhiều. Chúng sắp sửa rồi đấy.

Tôi quay sang và nhìn thấy cả Bác-sây lẫn Sép-cun hình như đã bình tĩnh

trở lại. Chúng rời khỏi đám khách, bước lại bên nhau, rồi vỗ vào tay nhau.

- Xư-gô-đa? - Một tên nói. - Đồng ý!

Tên kia lặp lại:

- Xư-gô-đa!

Liền sau đấy, cả hai tháo giày ra, cởi áo dài vứt xuống đất, bỏ lẫn nửa nửa(?) rồi đến áo lót, chỉ giữ lại chiếc quần ống rộng và ngắn bằng vải sọc. Cả hai cùng ngồi bệt xuống đất, quay mặt vào nhau, giống như hai con công ngoài đồng cỏ.

Tôi chưa bao giờ mục kích quang cảnh này cho nên chăm chú theo dõi, không bỏ sót một chi tiết. Hai gã giơ thẳng tay trái, nắm chặt lấy nhau, hai chân duỗi thẳng, áp các lòng bàn chân vào nhau, rồi hét to: "Đem lại đây!".

Tôi còn chưa hiểu chúng đòi người mang đến thứ gì, thì đám Tác-ta đứng xem đáp lại ngay:

- Có ngay đây!

Một lão Tác-ta già bước lên, tay cầm hai chiếc roi ngựa, trình trọng so hai cái roi xem có bằng nhau không trước mặt tất cả mọi người rồi quay sang hai đấu thủ: "Hai ông xem, hai cây roi đều bằng nhau".

- Đúng thế, - đám Tác-ta reo lên. Chúng tôi thấy rõ cả hai cây roi đều được làm rất nghiêm chỉnh. Hai đấu thủ hãy thi tài.

Bác-sây và Sép-cun nóng lòng muốn giật lấy cây roi.

Nhưng lão già Tác-ta trình trọng nói: "Khoan đã," rồi tự tay trao cho từng gã. Sau đấy lão ta vỗ tay: một, hai, ba... Tiếp đó Bác-sây quất ngay ngọn roi thật mạnh vào giữa tấm lưng trần của Sép-cun. Gã này cũng làm đúng như thế vào giữa lưng đối thủ. Cuộc đọ sức bắt đầu. Hai gã Tác-ta mắt chiếu thẳng vào mắt, chân đạp vào chân, tay trái nắm chặt tay trái, tay phải giáng vào lưng nhau những ngọn roi khủng khiếp... Cuộc đọ sức mới rùng rợn làm sao. Mỗi đấu thủ cố giáng lên đối phương những đòn tàn ác nhất. Mắt nhìn trừng trừng, tay trái lên gân, chúng nhất định không chịu đầu hàng nhau.

Tôi hỏi anh bạn mới quen.

- Giống như kiểu đấu súng trong giới quý tộc phải không?

- Chỉ khác một điều, đấu súng là để bảo vệ danh dự, còn đây là chuyện

thương mại.

- Thế họ cứ quật nhau thế này đến tận bao giờ?

- Đến bao giờ chúng không còn đủ sức nữa.

Trong khi hai đấu thủ giáng ngọn roi vào lưng nhau thì công chúng đứng xem bàn tán. Người thì bảo: "Sép-cun sẽ thắng". Người thì quả quyết "Bác-sây sẽ thắng". Họ đánh cuộc, người đặt vào đấu thủ này, người đặt đấu thủ kia. Họ nhìn mắt, hàm răng, cái lưng của hai đấu thủ với vẻ sành sỏi, theo dõi từng diễn biến nhỏ để đoán xem bên nào thua cuộc trước. (Chỗ này chắc in thiếu). Lúc đầu anh đặt vào Bác-sây, rồi anh bảo:

- Thế là mất toi hai hào rồi. Sép-cun sẽ thắng mất.

Tôi nói:

- Chưa chắc! Lúc này chưa thể biết được. Cả hai xem chừng đều rất vững, chưa bên nào hơn bên nào.

Nhưng anh bạn đáp:

- Đúng là cả hai đều vững nhưng mỗi bên theo một kiểu khác nhau.

- Theo tôi, - tôi nói. - Thì Bác-sây quật dữ dội hơn.

- Chính thế lại nguy. Mất toi hai hào rồi, rõ ràng Sép-cun thắng mất.

"Anh chàng này đến là lạ, - tôi nghĩ bụng. - Anh ta đã dám bỏ tiền ra đặt tức cũng phải hiểu biết lối đấu này chứ?"

Bị cuốn vào trò đấu, tôi gặng hỏi anh bạn:

- Nhưng căn cứ vào đây mà anh đoán Bác-sây sẽ thua?

Anh ta đáp:

- Cậu đúng là tằm! Cậu thử nhìn xem lưng hăn ta xem.

Tôi ngăm cái lưng của gã Tác-ta, đúng là một cái lưng vạm vỡ, rắn chắc như được lèn bông thật chặt bên trong.

- Cậu không để ý thấy cách hăn ta quất ngọn roi à?

Tôi thấy gã quật một cách hung hãn, cặp mắt như lồi hăn ra ngoài, và mỗi đòn đánh đều để lại trên lưng đối thủ một vết dài rớm máu.

- Bây giờ, cậu hãy thử đoán xem ruột gan hăn rồi sẽ ra sao nào?

- Ruột gan thẳng cha ấy ư? Tôi thấy gã vẫn ngồi thẳng lưng và miệng há to đóp không khí.

Anh bạn giải thích:

- Đây chính là chỗ yếu của hãn: hãn có tấm lưng rộng cho nên ngọn roi của đối phương giáng xuống sẽ nằm toàn bộ trên bề mặt của lưng. Vậy mà hãn lại há hốc miệng ra mà hít thể kia thì ruột gan hãn chẳng mấy lúc sẽ bốc lửa thôi.

- Nghĩa là anh bảo Sép-cun có lợi thế hơn à?

- Tất nhiên rồi: thằng cha ấy gầy, chỉ có da bọc xương, lưng hãn vênh thế kia thì mỗi ngọn roi giáng xuống chỉ đụng vào được chỗ nào lưng hãn nhô lên mà thôi, chứ không phải toàn bộ bề mặt. Hãn lại đánh rất khôn, đánh chậm, giữ ngọn roi trên lưng Bác-sây một lát rồi mới nhấc lên, khiến lưng thằng cha Bác-sây chẳng mấy lúc mà sưng vù. Cậu để ý sẽ thấy lưng nó đã sưng hết cả lên và đen xì như trát nhựa đường. Máu không chảy được ra mới càng gay. Bao nhiêu cái đau nấu lại bên trong. Còn lưng thằng cha Sép-cun thì nứt toác ra như da con lợn quay. Bao nhiêu đau đớn thoát ra theo dòng máu. Cho nên dứt khoát nó sẽ thắng Bác-sây. Bây giờ thì cậu hiểu chưa nào?

- Hiếu.

Và bây giờ thì tôi đã rõ cách thức của bọn dân châu Á này rồi và tôi rất nóng muốn biết cách nào lợi hơn.

- Cái chính, - anh bạn nói tiếp - Là thằng cha Sép-cun rất khôn. Hãn quất roi rất nhịp nhàng. Thậm chí còn lăm bằm đánh nhịp nữa chứ. Cậu để ý sẽ thấy, mỗi khi quất ngọn roi xuống lưng Bác-sây, thằng cha Sép-cun lại khẽ rút ngọn roi lại, mắt hơi nhắm vào cho nên hãn tổn ít sức hơn kiểu trợn mắt như của Bác-sây. Ngoài ra hãn còn khẽ nghiêng răng và bụm môi lại để ruột gan bên trong khỏi nóng.

Được giải thích cặn kẽ, tôi theo dõi cuộc đấu một cách lý thú hơn. Và bây giờ thì tôi không nghi ngờ gì nữa, Bác-sây sẽ thua. Lúc này cặp mắt gã đã bắt đầu bối rối và đôi môi đã nhàn ra bặm vào lợi nhe cả hàm răng ra... Gã quật thêm lên lưng Sép-cun độ hai chục roi nữa, nhưng những roi sau cứ yếu dần. Và cuối cùng gã bật ngửa người ra phía sau, tay trái buông bàn tay trái của đối thủ, tay phải vẫn còn cố vung lên như muốn đánh tiếp, nhưng không nổi. Gã lăn ra bất tỉnh. Đến lúc ấy anh bạn tôi lại chép miệng: "Mất toi hai hào chỉ!" Cả đám Tác-ta đứng xem reo ầm lên, ca ngợi Sép-cun:

- Giỏi! Sép-cun Em-gua-sê-ép giỏi! Ông khôn ngoan lắm. Bây giờ thì con ngựa kia thuộc về ông!

Lão thủ lĩnh Gian-na cũng đứng dậy, bước ra khỏi tấm thảm, bập bập môi nói:

- Con ngựa thuộc về ông, Sép-cun ạ. Ông hãy nhảy lên lưng nó mà phi cho bổ công.

Sép-cun đứng dậy: lưng hần đầm máu. Máu tuôn ra như suối, nhưng hần vẫn giữ vẻ mặt thản nhiên, trải chiếc áo trong và chiếc áo dài mặc ngoài lên lưng con ngựa trắng, trèo lên nằm úp sấp trên đó, rồi cả người và ngựa đi xa dần. Còn tôi thì lại đau khổ: "Thế là xong. Bây giờ mình lại phải tính xem sẽ đi đâu, làm gì bây giờ". Mà tôi không muốn phải nghĩ đến chuyện ấy chút nào.

May thay anh bạn mới quen bảo tôi:

- Đừng đi vội. Sắp có chuyện khác thú vị lắm đây.

- Còn gì nữa? Hết rồi chứ?

- Cậu hãy nhìn lão thủ lĩnh Gian-na chăm tấu. Kiểu như thế có nghĩa lão đang sắp bày một trò gì mới, một trò rất châu Á đấy.

Tôi nghĩ bụng: "Nếu một trò gì đó tương tự như lúc nãy sắp xảy ra thì kỳ này mình sẽ tỏ một thái độ gì đó để cho có người nào bênh vực che chở cho mình".

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 6

CÁC ông ạ, sự việc xảy ra đúng như tôi mong muốn. Trong lúc lão thủ lĩnh Gian-na đang chằm cái tẩu, thì một tên Tác-ta người nhỏ bé từ trong rừng ra cưỡi trên lưng một con ngựa không phải như con mà thẳng cha Sép-cun vừa cướp được trong cuộc tranh chấp với Bác-sây, mà đẹp hơn rất nhiều. Nếu như các ông đã nhìn thấy con sếu chạy trên bờ ruộng giữa hai đám lúa, cánh xoè ra, đuôi không vểnh lên như các loài chim khác mà cụp xuống, cũng như hai cẳng của nó mềm mại tưởng như không phải nó chạy trên mặt đất, mà bay là là bên trên. Con ngựa mới xuất hiện này đúng y như thế. Nó lướt nhẹ nhàng như bay trên mặt đất, như thể một sức mạnh kỳ lạ nào đẩy nó trôi đi.

Thậm chí tôi có cảm tưởng như không phải nó bay nữa mà mặt đất dưới chân nó đang trôi theo chiều ngược lại dưới bốn vó của nó. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một sự chuyển động nhẹ nhàng đến thế, cho nên tôi không thể đánh giá nổi con ngựa ấy. Một vị vua chúa có sẽ sẽ đổi toàn bộ kho báu của mình để lấy một con ngựa quý như vậy. Và như thế nghĩa là tôi không bao giờ dám nghĩ rằng tôi lại có thể được làm chủ một con vật quý báu đến như thế.

- Bác đã được làm chủ nó ư? - Mọi người đang nghe kể lộ vẻ sửng sốt.

- Đúng thế. Con ngựa kỳ diệu ấy đã thuộc quyền sở hữu của tôi, nhưng chỉ trong một lúc thôi. Nếu các ông muốn nghe, tôi xin kể đầu đuôi. Các vị khách sang trọng, như lúc trước, lại bắt đầu đặt giá. Ông sĩ quan khinh kỵ mà tôi đã trao ngựa trẻ cho, lúc này cũng chen vào trả giá. Một gã Tác-ta tên là Xa-va-ki-rây đứng dậy cũng trả giá, như thế hăn ngang hàng với các vị khách quý phái kia. Gã thấp, to ngang, thân hình rắn chắc, đầu trọc và tròn xoe như được tiện bằng bàn xoay và giống một bắp cải còn cụp. Mặt gã đỏ như củ cà rốt và toàn thể con người gã toát lên một vẻ tươi xanh và lạnh lặn. Gã gào lên: "Nâng giá lên mãi làm gì? Xin cứ trả ông thủ lĩnh số tiền

mà ông ấy đòi rồi ta dùng cách đấu roi để xem con ngựa thuộc về ai!"

Tất nhiên các vị khách quý phải không quen với kiểu đấu này cho nên họ rút lui dần. Với lại họ cũng không đủ sức đấu với gã Tác-ta kia, dứt khoát sẽ bị gã làm cho chết giắc. Riêng ông sĩ quan khinh kỵ của tôi, tôi biết ông cũng chẳng còn nhiều tiền trong túi, bởi vì ông cũng lại vừa mới thua bạc ở chợ Pen-de, nhưng tôi thấy rõ ông lại rất thèm con ngựa kia. Tôi bèn kéo ống tay ông và bảo nhỏ hãy trao số tiền mà lão thủ lĩnh kia đòi, rồi để tôi thử sức một phen với tên Xa-va-ki-rây. Lúc đầu ông sĩ quan từ chối, nhưng tôi năn nỉ:

- Ông hãy ban cho tôi cái ơn này. Tôi thắng được hẳn.

Và ông bằng lòng.

- Và bác đã cùng với thằng cha Tác-ta ấy quật roi vào lưng nhau?

- Chính thế! Và cuối cùng con ngựa rơi vào tay tôi.

- Có nghĩa bác đã thắng được thằng cha Tác-ta ấy?

- Tất nhiên cũng chẳng dễ dàng gì nhưng tôi đã thắng gã.

- Chắc bác đau ghê gớm lắm?

- Chà... kể ra thì... Lúc đầu thì đúng là đau ghê gớm, đau tưởng không chịu nổi vì tôi chưa quen. Thế rồi thằng cha Xa-va-ki-rây kia cũng lại dùng mẹo đánh chìm để máu trên lưng tôi không chảy ra được, trong khi da thịt cứ sưng phồng lên. Nhưng tôi lại có cách đối phó. Hễ gã giơ roi lên, tôi bèn cong lưng tằm để cho da lưng tôi nứt toác ra. Cách ấy đã cứu tôi thoát và giúp tôi đánh cho thằng cha đến chết.

- Nghĩa là bác đánh cho hắn chết?

- Chính thế. Do thói bướng bỉnh và do gã quá tin vào cái mẹo khôn nạn của hắn mà cuối cùng gã phải rời khỏi cõi đời này, - bác thầy tu kể bằng giọng bình thản và hồn nhiên kỳ lạ. Thấy mọi người nhìn bác với cặp mắt kinh hoàng, bác bèn giải thích cho rõ hơn:

- Gã chết là do gã chứ không phải do tôi. Chẳng là gã tự coi là kẻ hảo hán nhất trong khắp vùng đồng cát này cho nên gã nhất định không chịu thua tôi. Gã ôm tham vọng như thế và cho rằng nếu gã thua tức là nỗi nhục cho cả dân tộc châu Á cho nên gã gan góc chịu đựng những ngọn roi của tôi cho đến chết. Thêm vào đấy thì tôi chịu được cũng nhờ tôi ngâm đồng xu

trong miệng. Để khỏi thấy đau quá, tôi tập trung tư tưởng vào việc nhả đồng xu. Vừa nhả vừa đếm từng đòn đánh. Nhờ vậy mà nỗi đau đớn giảm đi được phần nào.

- Bác đếm được bao nhiêu ngọn roi tất cả? - một người ngắt lời.

- Tôi không trả lời chính xác được. Theo như tôi nhớ thì đến con số hai trăm tám mươi hai tôi loạn choạng suýt ngất xỉu đi, từ lúc ấy tôi không còn đếm được nữa, lát sau thì chẳng cha Xa-va-ki-rây giơ tay lên định đánh đòn cuối cùng nhưng gã ngã bịch xuống tôi như một khúc gỗ và tắt thở... Thằng cha ngu xuẩn! Cố mãi để đến nỗi thế. Chính vì gã mà suýt nữa tôi phải ngồi tù đấy. Thấy thằng cha kia chết, bọn Tác-ta chỉ cho đây là cuộc đua tài, không có gì đáng phải làm to chuyện, mà chúng có thừa lý để có thể giết chết tôi trả thù chứ. Nhưng chính những vị khách Nga thì lại chẳng hiểu gì hết, nói ra thật xấu hổ, chính họ lại kêu ầm lên rằng tôi đã giết người. Tôi cãi:

"Chuyện ấy đáng gì đến các ông?"

"Nhưng chính anh đã giết chết một con người!"

"Thì đã sao? Đây là chuyện bình thường. Thế nếu như thằng cha ấy làm tôi chết thì sao?"

"Hắn có thể không bị trừng trị, bởi vì hắn theo tôn giáo khác. Còn anh anh phải bị xử xét theo đạo Thiên chúa. Nào, đi theo chúng tôi đến đồn cảnh sát".

Tôi nghĩ bụng: "Mời các người xét xử ngọn gió thổi trên đồng cỏ kia kìa!". Tôi không ghét gì trên đời bằng ghét cảnh sát, cho nên tôi lần ngay sau lưng một tên Tác-ta rồi luồn sang sau lưng một tên khác, tôi bảo chúng:

"Các ông cứu tôi với. Các ông thấy rõ là cuộc thi tài đã diễn ra đúng luật lệ..."

Chúng đứng sát lại với nhau để che giấu tôi.

- Xin lỗi, nhưng chúng che giấu bác để làm gì?

- Tôi sẽ theo chúng ra thảo nguyên.

- Ra thảo nguyên?

- Đúng, tôi sẽ sống với bọn Tác-ta ở ngoài thảo nguyên mênh mông của chúng.

- Thế bác sống ngoài ấy với bọn chúng trong bao lâu?
- Mười năm trời: tôi trốn đến ở với chúng năm tôi hăm ba, cho đến khi trốn được bọn chúng để trở về quê hương thì tôi đã ba mươi ba tuổi rồi.
- Sống ngoài thảo nguyên như vậy dễ chịu chứ?
- Tất nhiên chẳng dễ chịu chút nào. Tôi buồn tưởng chết đi được. Nhưng không làm cách nào trốn về được.
- Bọn Tác-ta giam bác lại hay canh phòng bác quá cẩn thận chứ gì?
- Không. Bọn chúng rất quý tôi cho nên không bao giờ nghĩ đến chuyện giam giữ tôi trong nhà tù hay ở đâu khác. Chúng chỉ đơn giản nói với tôi: "I-van, anh hãy kết bạn với chúng tôi. Chúng tôi rất quý anh. Hãy sống với chúng tôi ngoài thảo nguyên và giúp chúng tôi trong việc chữa bệnh cho ngựa và cho đàn bà con gái ở đây."
- Và bác chữa bệnh cho chúng?
- Các ông hỏi thế thì cũng khó trả lời... Bởi vì trong cái chuyện chữa bệnh này, cần đôi chút bịp bợm. Hễ ai ốm đau, tôi liền cho uống lá lô hội hoặc rễ cây can-gan thế là khỏi. Mà cây lô hội thì ngoài thảo nguyên thiếu giống. Hôm ở tỉnh Xa-ra-tốp một thằng cha Tác-ta kiếm được cả một bao tải chở về. Khốn nhưng trước khi tôi đến, chúng không biết cái thứ ấy dùng vào việc gì.
- Và bác đã sống vui vẻ được với bọn chúng?
- Không. Lúc nào tôi cũng chỉ nghĩ đến chuyện trở về quê hương.
- Thế bác không có cách nào bỏ chúng mà đi được hay sao?
- Có cách chứ. Nếu như hai bàn chân tôi không bị gì, vẫn lành lặn như bình thường thì tôi đã bỏ chúng trở về quê hương từ lâu rồi.
- Thế hai bàn chân bác bị sao?
- Tôi bị chúng nhét bõm ngựa vào, ngay hôm đầu tiên tôi mới về ở với bọn chúng.
- Nhét bõm ngựa nghĩa là sao? Bác tha lỗi, nhưng chúng tôi không hiểu cái từ nhét bõm ngựa nghĩa là thế nào.
- Đây là cách giữ người hết sức thông thường của bọn chúng. Hễ chúng quý ai và muốn giữ kẻ ấy lại, chúng bèn thực hiện một cách để người kia muốn bỏ chúng mà đi cũng không nổi. Trường hợp tôi cũng vậy. Ngay hôm đầu,

khi tôi tìm được dịp bỏ trốn, nhưng không may bị chúng đuổi theo tóm lại được, thì chúng bảo: "I-van này, để cho anh khỏi trốn đi, mà chúng tôi rất quý anh, không muốn để anh đi khỏi đây, chúng tôi đành phải rạch gan bàn chân anh, nhét vào đấy dùm lông bờm ngựa". Thế là chúng làm luôn. và suốt thời gian sau tôi chỉ có một cách là chống tay xuống đất mà bò thôi.

- Bác làm ơn kể rõ xem cách chúng làm như thế nào mà độc ác thế?

- Rất đơn giản. Độ một chục thằng Tác-ta vật tôi nằm ngửa trên mặt đất rồi bảo: I-van, anh kêu lên, hét lên, gào lên thật to vào, trong khi chúng tôi rạch, cho đỡ cảm thấy đau. Thế là hai thằng ngồi đè lên bụng tôi giữ chặt, mấy thằng khác ghì chặt chân tay tôi, một thằng thật khéo tay nhanh nhẹn rạch một vết dài giữa gan bàn chân tôi, nhét một dùm lông bờm ngựa thái nhỏ vào rồi lấy chỉ khâu lại. Chúng làm ở cả hai bàn chân tôi. Sau đấy chúng trói chân tay tôi lại giữ tôi nằm một chỗ trong vài ngày, để tôi khỏi làm gì khiến cho vết thương sưng mủ. Khi vết rạch liền da chúng mới thả tôi ra: "Bây giờ thì I-van ạ, anh sẽ là bạn của chúng tôi mãi mãi, bởi vì anh không thể chạy đi đâu được nữa". Lúc ấy tôi vừa mới đứng lên thì lập tức ngã lăn quay ra mặt đất, bởi vì những sợi bờm ngựa nhét trong lòng bàn chân lên đến tận gót mỗi khi đụng đến làm tôi đau tưởng ngắt đi được. Bước đi không nổi mà đứng cũng không xong. Những sợi lông bờm đâm vào thịt bên trong. Từ thuở bé tôi không hề khóc bao giờ, vậy mà lúc này tôi gào lên đến đau cả họng.

"Sao các người độc ác thế, các vị dân châu Á khốn kiếp kia? Thà các người giết tôi đi còn hơn, đồ man rợ! Sao bắt tôi suốt đời làm kẻ tàn tật, đặt bàn chân xuống đất cũng không nổi".

Bọn chúng đáp:

"Không sao, I-van, không sao! Chuyện vật ấy mà"

"Thế mà là chuyện vật ư? - Tôi nói. Các người huỷ hoại thân thể tôi như thế này mà bảo tôi không cảm uất sao được?"

"Vậy thì anh hãy tìm cách mà đi, - chúng bảo. Cong hai chân và đừng đặt bàn chân thẳng xuống đất. Hãy đặt cách nào để xương tì vào mặt đất thôi thì sẽ đỡ đau"

"Quân khốn nạn!" - Tôi nghĩ bụng rồi quay mặt đi, không thèm nói chuyện

với chúng nữa. Tôi thầm nghĩ, làm cách nào chết đi cho đỡ khổ. Thà chết đi còn hơn phải đi cong chân theo chúng mày mách. Nhưng nằm vài hôm buồn quá, tôi đành dậy và lựa cách để đi, và cuối cùng đành phải theo đúng như chúng nói, nghĩa là tôi cong hai chân, khụy xuống rồi đặt mép bàn chân lên mặt đất, cố làm sao cho chỗ da bị rạch và chỗ thịt có nhét lông bờm ngựa không chạm tới. Bọn Tác-ta thấy tôi loay hoay như vậy không hề cười mà chỉ bảo tôi thêm:

“Tốt lắm, I-van, tốt lắm. Anh đi được rồi đấy!”

- Khổ quá nhỉ! Nhưng tại sao cái lần bác trốn đi ấy bọn chúng lại đuổi theo và tóm được?

- Không thể trốn được. Thảo nguyên mênh mông, phẳng lỳ, đường xá không có... rồi lại đói nữa chứ... Tôi đi suốt ba ngày không có thứ gì vào bụng. Đói quá phải dùng tay không vỗ chim. Vỗ được một con chim, chẳng hiểu chim gì, cũng cứ xé ra ăn sống. Nhưng rồi vẫn lại đói. Khát nữa chứ. Không kiếm đâu ra ngụm nước... Không đi nổi nữa, tôi ngã gục, nằm lỳ đấy. Bọn chúng tìm thấy bèn đem về và làm cái trò nhét lông bờm ngựa vào gan bàn chân như vậy.

Một người trong đám khách trên tàu nghe đến đấy đưa ra nhận xét rằng đi bằng mắt cá chân như vậy thì quá vất vả.

- Lúc đầu thì đúng là quá vất vả, - bác I-van Phli-a-ghin đáp. - Nhưng về sau tôi tìm cách khéo léo đặt chân, tuy cũng vẫn không đi được xa. Được cái, chỗ này thì tôi phải nói thật, đám Tác-ta từ ngày ấy rất thương tôi. Chúng bảo: "I-van ạ, bây giờ thì anh vất vả đấy, xách nước không được, nấu ăn không được. Nghe chúng tôi nhé, anh hãy lấy một cô Na-ta-sa đi. Chúng tôi sẽ dẫn đến cho anh một số cô để anh tha hồ chọn" Tôi đáp: "Việc gì phải chọn. Cô nào cũng thế thôi. Các anh dẫn cô nào đến đây cũng được". Thế là bọn chúng lấy vợ luôn cho tôi.

- Có nghĩa bác lấy một con Tác-ta?

- Đúng, tôi lấy vợ người Tác-ta. Lúc đầu tôi lấy con vợ của thằng cha Xa-va-ki-rây mà tôi đã quật roi đến chết, nhưng rồi cô ta không làm tôi thích thú. Cô ta đàn độn thế nào ấy và lúc nào cũng cứ nem nép, như sợ hãi tôi, thành thử tôi cũng chán. Không rõ tại cô ta luyện tiết gã chồng cũ hay tính

cô ta như vậy. Bọn Tác-ta thấy tôi có vẻ không thích cô ta nữa, bèn dẫn đến cho tôi một cô bé Tác-ta khác chỉ độ mười ba tuổi là cùng...

"I-van, anh dùng thêm con Na-ta-sa này nữa. Con bé này chắc sẽ làm anh thích đấy". Và thế là tôi lấy luôn cô bé.

- Bác có thấy thích thú với cái cô bé con ấy thật không? - Các thánh giả hỏi bác I-van Phli-a-ghin.

- Thích chứ, - bác đáp. - Nhưng thỉnh thoảng con bé giở những trò nghịch ngợm oái oăm ra làm tôi bực.

- Trò gì chẳng hạn?

- Đủ thứ trò quỷ quái... Nghĩ ra trò gì là con bé làm luôn. Lúc thì nhảy lên đứng trên đầu gối tôi. Có lúc tôi đang ngủ, nó đá tung chiếc mũ vải trên đầu tôi, quăng đầu mất rồi cười khanh khách. Tôi đe thì con bé càng cười ngặt nghẽo rồi lẩn đầu mất tăm. Bò bằng hai tay và hai đầu gối tôi làm sao đuổi được, thế là tôi ngã sòng soài và đành cùng cười với nó vậy.

- Bác cũng cạo trọc đầu và cũng đội mũ mềm của dân Tác-ta chứ?

- Vâng, tôi cũng cạo trọc.

- Chắc để vừa lòng đám phụ nữ Tác-ta phải không?

- Không. Để cho sạch, bởi vì dân Tác-ta không tắm bao giờ.

- Nghĩa là bác có hai vợ?

- Lúc sống ở thảo nguyên tôi có hai vợ. Nhưng sau này, khi ở với thủ lĩnh A-ga-si-mô-la, chẳng là ông ta cướp tôi trong tay lão Ô-tu-sép, thì ông thủ lĩnh mới này lại cho tôi hai người vợ khác.

- Bác bị bắt cóc à? - Một người trong đám nghe chuyện lại hỏi. - Đầu đuôi thế nào?

- Chỉ là một cuộc chơi xỏ nhau thôi. Chẳng là mới đầu trốn khỏi Pen-da tôi đi theo đám Tác-ta của lão Sép-cun Em-gua-sê-ép rồi sống với đám này trong năm năm liền. Bấy giờ rất nhiều khách các loại đến thăm lão, cả các vị quý phái, các sĩ quan khinh kỵ, các thủ lĩnh đủ loại và trong số đó có cả lão thủ lĩnh Gian-na và lão Bác-sây Ô-tu-sép.

- Chính là cái lão đã bị Sép-cun đánh cho thua ấy phải không?

- Đúng thế.

- Nhưng... thế lão Bác-sây không thù à?

- Sao lại thù?
- Bởi vì Sép-cun đã đánh bại lão và phỗng mất con ngựa.
- Bọn họ không có lỗi thù như thế. Trong cuộc tranh tài ai thắng là chuyện bình thường. Thậm chí lão thủ lĩnh Gian-na có lần còn trách tôi... "I-van, tại sao anh lại nhận lời đấu với Xa-va-ki-rây thay cho tên quý tộc Nga kia? Tôi đang thèm được thấy một thằng cha quý tộc thực sự như thế cời trần ra và nhận những ngọn roi đánh vào giữa lưng".
- "Nếu ông muốn thế thì còn lâu lắm"
- "Tại sao?"
- "Bởi vì các vị quý tộc của chúng tôi đều nhát gan hết."
- Lão ta hiểu.
- "Tôi thấy rõ là trong giới quý tộc các anh không có ai thực sự ham muốn thứ gì. Nếu muốn được hưởng thứ gì họ chỉ dùng một cách là quăng tiền bạc ra để mua thôi."
- "Đúng thế: không có tiền là họ đành chịu bó tay hết".
- Còn lão thủ lĩnh A-ga-si-mô-la thì bộ lạc của lão ở nơi xa xôi. Những đàn ngựa của lão được chăn dắt mãi tận gần biển Ca-xpi. Lão thích có thầy thuốc bên cạnh, và lão đã đề nghị với Sép-cun Em-gua-sê-ép cho tôi sang chỗ lão để chữa bệnh cho vợ lão. Đổi lại, lão xin biếu Sép-cun khá nhiều súc vật. Sép-cun bằng lòng. Thế là tôi đi theo thằng cha A-ga-si-mô-la, đem cả một bao tải lá lô-hội và rễ cây can-gan. Vừa được tôi xong, lão A-ga-si-mô-la phóng đi ngay, ngồi trên lưng ngựa suốt tám ngày liền.
- Bác cũng cưỡi ngựa được kia à?
- Được.
- Nhưng hai bàn chân?
- Sao?
- Những sợi lông bờm ngựa nhét trong gan bàn chân không còn làm bác đau đớn nữa hay sao?
- Không. Bởi vì bọn Tác-ta tính toán rất chu đáo: người bị rạch bàn chân không đi bộ được nhưng cưỡi ngựa có khi lại giỏi hơn kẻ khác, bởi vì hai chân quen cong thành hình chữ O cho nên quặp vào lưng ngựa sẽ rất chắc, ngựa không sao quật anh ta ngã được.

- Bác đã gặp những chuyện gì ở vùng thảo nguyên mới mẻ, nơi đóng trại của lão A-ga-si-mô-la?
- Tôi phải chịu thêm bao nhiêu nỗi hiểm nguy còn hơn thế.
- Nhưng bác đã không gục.
- Không.
- Bác vui lòng kể chúng tôi nghe những nỗi gian nan của bác sau đây.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 7

Bọn Tác-ta của A-ga-si-mô-la vừa mới đưa được tôi về nơi đóng trại của chúng thì chúng lập tức chuyển sang địa điểm khác và từ đấy nhất định không chịu rời tôi ra nữa.

"Tội gì mà ở với đám quân của thằng cha Sép-cun Em-gua-sê-ép, - bọn chúng bảo tôi. - Thằng cha Sép-cun ấy là một kẻ lưu manh. I-van ạ, anh hãy ở lại với bọn tôi. Chúng tôi sẽ hậu đãi anh và sẽ kiếm cho anh những Na-ta-sa thật đẹp. Ở với Sép-cun anh chỉ có hai Na-ta-sa nhưng ở đây, chúng tôi sẽ lấy cho anh nhiều Na-ta-sa hơn".

Tôi từ chối.

"Lắm Na-ta-sa mà làm gì, - tôi đáp. - Tôi không cần nhiều hơn thế".

"Không, chúng nói. - Càng nhiều Na-ta-sa càng tốt chứ. Bởi vì chúng sẽ để cho anh nhiều Cô-li a và anh sẽ được nhiều đứa gọi anh là bố".

"Nhưng mà, - tôi nói. - Lắm Cô-li-a thì hay ho gì? Có ai rửa tội cho chúng đâu. Tôi có nuôi dạy bao nhiêu đứa thì chúng vẫn cứ là Tác-ta và không bao giờ thành con chiên của Chúa. Thế rồi khi lớn lên, chúng lại lừa bịp những người của chúng tôi".

Sau đấy tôi nhận hai cô vợ, và không nhận thêm nữa, bởi vì mặc dù chúng đều là con gái Tác-ta nhưng cũng lại xung khắc nhau, chửi mắng nhau, chỉ mất công dạy thôi.

- Thế bác có yêu những bà vợ mới này không?

- Ông hỏi sao cơ?

- Bác có yêu hai cô vợ mới lấy ấy không?

- Yêu ấy à?... Vậy các ông định hỏi chuyện ấy ư? Trong hai cô nhà lão A-ga-si-mô-la dẫn đến cho tôi, có một cô rất nhịn nhục, sai bảo gì cũng được cho nên tôi rất thương.

- Thế còn cô bé mười ba tuổi mà bác lấy ở bộ lạc Tác-ta lúc trước ấy? Chắc bác thích cô bé ấy hơn cả phải không?

- Cô ấy cũng được, tôi cũng thương.
- Chắc sang đến bên này, bác nhiều lúc tiếc cô ấy chứ?
- Không, tôi chẳng tiếc cũng chẳng nhớ nó.
- Nhưng chắc hai cô vợ ở bộ lạc trước cũng đẻ cho bác vài đứa con chứ?
- Đã đành rồi: cô vợ của lão Xa-va-ki-rây đẻ được hai thằng Cô-li-a và một con Na-ta-sa. Còn cô bé trẻ kia thì trong năm năm đẻ luôn sáu đứa, bởi vì một lần cô ấy đẻ sinh đôi hai thằng Cô-li-a.
- Bác cho phép được hỏi: tại sao bác toàn đặt tên cho chúng là Cô-li-a và Na-ta-sa thế?
- Đây là theo cách gọi của dân Tác-ta. Bất cứ người Nga nào, nếu lớn tuổi chúng gọi là I-van, con gái thì chúng gọi là Na-ta-sa, còn trẻ con thì là Cô-li-a. Những cô vợ của tôi tuy là dân Tác-ta nhưng do lấy tôi cũng được chúng coi là người Nga và được gọi là Na-ta-sa. Con tôi thì chúng gọi bằng Cô-li-a. Thế nhưng đây chỉ là cách gọi, còn chúng có được rửa tội, được làm phép thánh đâu, cho nên tôi không coi chúng là con tôi.
- Sao lại thế được?
- Bởi vì chúng có được làm phép ở nhà thờ đâu?
- Nhưng bác là bố, bác cũng có tình cảm bố con với chúng chứ?
- Nghĩa là sao?
- Chẳng lẽ bác không yêu chúng chút nào, không chiều chuộng chúng hay sao?
- Chiều chuộng thế nào kia chứ? Thật ra đôi khi tôi ngồi buồn một mình, có đứa nào chạy đến, tôi cũng xoa đầu nó rồi bảo: "Ra với mẹ." Nhưng cũng hiếm khi như thế, bởi vì tôi chẳng còn bụng dạ nào nghĩ đến chúng.
- Tại sao vậy? Bác bận quá hay sao?
- Không phải. Việc thì cũng chẳng có gì mà bận. Duy có điều tôi rất thèm trở về nước Nga.
- Sống mười năm trời mà bác vẫn không quen được với cuộc sống ngoài thảo nguyên ư?
- Không, tôi vẫn thèm trở về quê hương. . . Tôi rất nhớ nhà, nhất là những buổi chiều tối, thậm chí nhiều khi cả giữa ban ngày nữa... Những hôm trời đẹp, nóng nực, khắp khu vực đóng trại im ắng, bọn Tác-ta chui vào lều

tránh nắng và ngủ. Tôi vén tấm vải lều lên, nhìn ra đồng cỏ... bên này cũng như bên kia quang cảnh y hệt như nhau... Nắng chói chang, thảo nguyên kéo dài không thấy đâu là nơi chấm dứt. Chỉ toàn cỏ mọc lút đầu, rậm rạp lượn như sóng trắng như bạc. Mỗi khi có cơn gió thoảng, tôi ngửi thấy mùi hoi hoi của cừu. Nắng chói chang, gay gắt, thiêu đốt. Đồng cỏ thì vô tận, cũng như cuộc sống đơn điệu không bao giờ dứt... Lòng tôi buồn tưởng như chết đi được. Tôi đưa mắt lơ đãng ra xa và bỗng thấy như bóng dáng một tu viện hiện ra cuối chân trời, nhắc nhở tôi nhớ đến quê hương ngoan đạo. Những lúc ấy tôi không thể ghìm được nước mắt.

Bác Phli-a-ghin ngừng lại, thở rất dài như thể nhớ lại tất cả quãng đời ấy. Rồi bác lại kể tiếp:

- Nhưng vùng đất mặn trên bờ biển Ca-xpi lại còn tồi tệ hơn nhiều. Nắng thiêu đốt, mặt đất láng bóng lên, sóng biển lấp lánh. .. Tất cả những ánh sáng chói chang ấy khiến đầu óc ta như mù đi, còn tồi tệ hơn cả mùi cỏ vũ mao nồng nặc. Nhiều lúc tôi không còn biết mình đang ở đâu, nghĩa là không biết tôi đang sống hay tôi đã chết và đang bị đẩy ải dưới địa ngục. Nơi ở trước, những chỗ cỏ vũ mọc rậm rạp, dù sao vẫn còn dễ chịu hơn. Chen giữa cỏ còn có hoa cúc dại, có cây này cây khác và thỉnh thoảng còn nhìn thấy một ngọn đồi trắng, trong khi ở đây chỉ có ánh sáng lấp lánh... Nơi kia những lúc cỏ nở bốc cháy, những con chim sâu, gà rừng, sẻ đồng cỏ bay vụt lên và người ta chạy đuổi theo bắn chúng. Những con chim to hơn thì người ta dùng ngựa đuổi theo và quất chúng bằng những sợi roi dài. Rồi đến những con ngựa thấy đám cháy cũng hoảng hốt chạy... Dù sao cũng còn vui mắt. Ít lâu sau, từ đất bị cháy mọc lên những đám cỏ vũ mao non, chen vào đấy là những cây dâu rừng, chim chóc kéo đến khắp bãi lú lo tiếng chim hót... thỉnh thoảng, tuy rất hiếm hoi, nhưng cũng đôi khi còn thấy được một cây to, sến hoặc anh đào dại. Buổi sáng, lúc mặt trời mọc, khi sương còn đọng trên những ngọn cỏ, thoảng thoảng một mùi tươi mát... Tất nhiên cũng có buồn nhưng còn chịu được. Còn ở đây, vùng đất mặn này thì tôi xin khuyên đừng ai đến đấy và ở lại dài ngày. Riêng ngựa thì thời gian đầu chúng còn thích thú bởi vì chúng được liếm mặt đất mằn mặn, do đó chúng khát, uống rất nhiều nước và chúng béo hẳn lên. Chứ người thì

thật khổ. Không có chim chóc, cây cỏ gì hết mà như để trêu chọc ta thêm, duy nhất có một thứ chim nhỏ xíu giống như chim én chỉ khác ở mỏ có một vệt đỏ. Tôi không rõ chúng tìm kiếm được thứ gì ở cái đất này. Chúng bay đến và chắc vì không có chỗ nào để đậu, chúng cứ lượn trên trời và lúc nào mỏi quá, chúng thả cho rơi trên mặt đất mặ, nằm im một lát rồi lại bay đi. Nhìn chúng mà tôi thèm có được đôi cánh như chúng. Nhưng số kiếp tôi sẽ bị đày đoạ ở miền đất này, nửa sống nửa chết, không được xám hối, rồi đến một ngày nào đó sẽ bị vùi trong muối giống như người ta vùi xương của những con cừu bị giết làm thịt. Tôi đành sống cho hết đời ở cái nơi khốn khổ này vậy. Nhưng khủng khiếp hơn cả là mùa đông. Tuyết phủ lên mặt đất một lớp băng cứng, mỏng. Bọn Tác-ta ngồi trong lều hút thuốc, chung quanh đồng lửa... Rồi buồn quá, thỉnh thoảng chúng lại sinh sự để đánh lộn với nhau. Những lúc như thế, tôi tránh ra ngoài, nhưng chẳng có gì bên ngoài để nhìn! Vài con ngựa đi lang thang, lông lờm chờm và gầy còm đến nỗi chỉ nhìn thấy bờm và đuôi chúng phất phơ theo gió. Chúng uể oải lấy móng cào tuyết, cố tìm vài nhánh cỏ còn sót lại để ăn cho đỡ đói, bởi vì chúng không còn thức ăn gì khác... Nỗi buồn mới khủng khiếp. Tiêu chuẩn duy nhất là chọc tiết một con ngựa yếu quá, không còn đủ sức bởi tuyết để tìm cỏ ăn nữa. Người ta lột da nó rồi xẻ thịt ăn. Thịt nó nhạt nhẽo, dai như vú bò cái mà lại cứng nữa chứ. Tôi nhai trệu trạo bởi vì cũng chẳng có thứ gì hơn, nhưng trong lòng sao giận đời đến thế. May mà một trong hai cô vợ tôi biết cách nướng sườn ngựa. Cô ta chọn những xương sườn còn dính nhiều thịt, cho vào khúc ruột ngựa, rồi đặt lên bếp than nướng. Dễ nuốt hơn, vì hơi có vị như thịt lợn hun khói của ta, nhưng mùi thì đến khó chịu. Những lúc phải nuốt cái thứ khốn khổ ấy, bỗng nhiên tôi sức nghĩ: lúc này ở quê mình nhà nào cũng chuẩn bị sẵn vịt, ngỗng và nhiều nhà đã bắt đầu mổ lợn. Và món mì ống nấu với thịt lợn mới ngon làm sao. Sắp đến ngày lễ Thiên chúa giáng sinh rồi. Cha I-li-a linh mục ở nhà thờ quê tôi, một ông già phúc hậu sẽ đi hết nhà này sang nhà khách để sáng danh Chúa. Cùng đi với cha là các thầy cả, các bà sơ và các tu sĩ trong chủng viện. Tất cả đều say, riêng cha I-li-a thì không uống được nhiều. Ông đầu bếp nhà ngài công tước đã ép cha uống một ly, rồi bà vợ ông quản lý lại mời cha thêm ly nữa,

bây giờ cha đi đã không còn vững. Trên đường cha không điều khiển được cặp giò nữa. Đến mỗi nhà dân, cha không thể từ chối được, đành nhấp quấy quá tý chút cho chủ nhà vừa lòng, rồi lén đổ ly rượu vào cái lọ giấu dưới làn áo. Với thức uống như vậy, với thức ăn cha cũng xử sự thân tình như người trong nhà. Mỗi khi nhìn thấy món gì ngon, cha bảo chủ nhà gói vào tờ giấy cho. Thường chủ nhà đáp, chúng con không có giấy báo để gói, thưa cha. Thế là cha cầm lấy miếng thức ăn, trao cho bà vợ rồi tiếp tục cuộc thăm viếng con chiên không hề tự ái. Ôi, thưa các ông, mỗi khi thấy những kỷ niệm thuở thơ ấu trở lại, tôi càng thấy cuộc sống trói buộc này sao mà khốn khổ đến thế. Tôi càng đau đớn thấy mình phải sống trong cảnh lầm than, lấy vợ mà không có phép cưới ở nhà thờ và sẽ phải chết không được ai cầu kinh... Đêm những hôm như thế, tôi lén chui ra khỏi lều, không để vợ hoặc con, hoặc bất cứ kẻ ngoại đạo nào nhìn thấy, và tôi quỳ xuống ngoài chỗ đất trống, cầu nguyện... Tôi cầu nguyện mãi, cầu nguyện cho đến khi tuyết dưới đầu gối tôi đã tan và nơi những giọt nước mắt của tôi nhỏ xuống, sáng hôm sau một ngọn cỏ non nhú lên.

Bác kể đến đây ngừng lại, đầu cúi xuống. Mọi người im lặng không ai nỡ khuấy động nỗi đau đớn của con người mộ đạo trước những kỷ niệm cuối cùng. Nhưng chỉ một lát sau, bác I-van Phli-a-ghin thở một hơi rất dài như để gạt đi nỗi đau đớn, lột chiếc mũ tu viện rồi vừa làm dấu Thánh vừa nói:

- May mà tất cả những thứ đó đã trôi qua, tạ ơn Chúa!

Sau khi để bác suy tư thêm chút nữa, chúng tôi đều muốn nghe bác kể xem bác, người hảo hán mê đắm kia đã làm cách nào mà chữa được vết rạch, bỏ ra được những sợi bờm ngựa nhét trong gan bàn chân, để rời bỏ các Na-ta-sa và các Cô-li a của mình, trở về với đạo Thiên chúa.

Bác Phli-a-ghin đã thỏa mãn nỗi tò mò của chúng tôi với một sự thành thật tuyệt đối, sự thành thật mà bác không thể nào, không bao giờ vi phạm.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 8

Vì chúng tôi muốn nghe câu chuyện theo trình tự xảy ra cho nên chúng tôi đề nghị bác Phli-a-ghin kể chúng tôi nghe trước, bằng cách kỳ lạ nào mà bác bỏ ra được những sợi bờm ngựa trong gan bàn chân để có thể chạy thoát khỏi nơi này. Và đây là những điều bác kể:

- Tôi đã tiêu tan mọi hy vọng trở về nhà, thấy lại được quê hương. Chuyện ấy tôi thấy không thể thực hiện được, cho nên tôi cũng đành dẹp đi nỗi buồn mà tập cho quen cách sống ở đây vậy. Tôi sống lạnh lùng như một pho tượng, nhưng thỉnh thoảng tôi lại nghĩ đến cha I-li-a, người hay hỏi xin giấy nhật trình để gói và luôn cầu nguyện ở nhà thờ cho "những thủy thủ và những kẻ nay đây mai đó, những kẻ tử vì đạo và những kẻ tù binh". Hồi ấy tôi cứ băn khoăn không hiểu sao cha lại cầu nguyện cho những kẻ bị bắt làm tù binh, bởi vì làm gì có chiến tranh bấy giờ? Bấy giờ thì tôi hiểu, nhưng lúc ấy tôi cho rằng việc cầu nguyện kia chẳng để làm gì, và thú thật, tuy không mất niềm tin nhưng tôi bắt đầu hoài nghi và thôi không cầu nguyện nữa.

"Cầu nguyện làm gì, - tôi nghĩ bụng. - Bởi cầu nguyện có đem lại lợi ích gì đâu!"

Thế rồi đến một hôm thấy trong đám Tác-ta có sự náo động. Tôi hỏi:

- Có chuyện gì thế?

- Không có chuyện gì cả, - chúng đáp. Hai thầy tu từ bên xứ các anh vừa đến đây, đem theo một tờ giấy của đức Vua để truyền bá tôn giáo của các anh ở đây.

Tôi sửng sốt

- Họ đâu rồi?

Chúng trở một cái lều bằng vải lưu động. Tôi chạy đến. Bước vào trong tôi nhìn thấy đủ loại và cấp bậc tu sĩ Hồi giáo, tất cả đều ngồi xếp vòng tròn trên những tấm thảm bằng dạ. Giữa là hai người mặc trang phục đường

trường, nhưng rõ ràng là tu sĩ đạo Thiên Chúa đang giảng Kinh Thánh. Được nhìn thấy người Nga, tim tôi đập liên hồi vì sung sướng. Tôi chạy lại, quỳ xuống chân hai vị khóc thốn thức. Hai vị cũng rất mừng thấy tôi quỳ như thế. Họ reo lên:

- Hay lắm! Hay lắm! Các người thấy không? Lòng thương khó của đức Chúa Trời đã động đến lòng dạ của một người trong số các vị. Anh ta từ bỏ Mô-ha-mét, từ bỏ đạo Hồi.

Bọn Tác-ta đáp rằng, chẳng làm gì có sự thương khó, rằng tôi là một I-van, là tù binh người Nga của chúng.

Hai vị truyền giáo nhất định không tin. Tôi bèn nói:

- Họ nói đúng đấy: tôi là người Nga! Thưa các Cha, vì lòng từ thiện, xin các Cha hãy giải thoát cho tôi. Tôi chịu cực khổ ở đây suốt mười năm trời, và các cha hãy nhìn xem. Chúng hành hạ tôi đến mức này. Tôi không còn đi được nữa.

Thế nhưng hai tu sĩ quay mặt đi, thản nhiên và lại giảng kinh tiếp.

Còn tôi, tôi thầm nghĩ: "Mình đừng buồn. Hai vị đang phải làm nhiệm vụ, chắc họ thấy không tiện đối xử với mình cách nào khác, trong khi đang có mặt bọn Tác-ta". Tôi rút lui. Nhưng sau đấy đợi lúc họ chỉ có hai người trong lều, tôi vội chạy đến và thuật lại toàn bộ nỗi bất hạnh của tôi một cách hoàn toàn thành thật:

- Xin các cha hãy dọa chúng. Các cha hãy bảo rằng đức Vua da trắng nghiêm cấm những người dân châu Á giam giữ thần dân của Ngài. Hoặc nếu được thì các cha hãy trả cho họ một khoản bồi thường, và sau đấy tôi sẽ xin đi theo hầu hạ các cha. Từ khi sống với chúng, tôi đã học được tiếng nói của chúng và tôi chắc sẽ giúp ích được hai cha.

Hai tu sĩ đáp:

- Khổ một nỗi là chúng tôi không có tiền và chúng tôi không được phép dọa những kẻ ngoại đạo: chúng là những kẻ xấu xa và bướng bỉnh, cần phải khéo léo với chúng.

- Khéo léo để tôi phải cam chịu khổ cực cho đến hết đời hay sao?

- Anh khổ ở đây hay nơi khác cũng liên quan gì đến chúng tôi đâu. Anh hãy cầu nguyện đức Chúa nhân từ và Người sẽ giải thoát cho anh không biết

chùng.

- Tôi đã cầu nguyện rất nhiều rồi, nhưng không kết quả gì và bây giờ tôi đã giảm sút lòng tin.

Sự tuyệt vọng... Chỉ có điều thật khổ tâm khi thấy có những người Nga, những đồng bào của mình mà không muốn giúp mình.

- Đừng! Anh đừng trông mong ở hai chúng tôi. Đã là con của Chúa thì không phân biệt là người Hy Lạp hay người Do Thái. Tất cả những ai tín ngưỡng ở đức Chúa Giê-su đều là đồng bào với nhau hết. Chúng tôi coi mọi người đều như nhau.

- Tất cả mọi người?

- Đúng. Chính thánh Pôn đã dạy chúng tôi như thế. Chúng tôi không tranh cãi với những người đến thăm chúng tôi. Làm như thế không hợp với chúng tôi. Riêng anh thì anh nên nhớ anh là nô lệ của Chúa và anh phải nhịn nhục, như đức thánh tông đồ Pôn đã dạy. Hơn nữa, vì anh là tín đồ Cơ-đốc sau khi chết, linh hồn anh sẽ lên Thiên đường dù chúng tôi không can thiệp vào. Trong khi bọn Tác-ta kia sẽ phải xuống địa ngục nếu như chúng tôi không giảng giải được cho chúng hiểu để chúng theo tôn giáo chúng ta. Vì thế chúng tôi phải chăm lo cho chúng.

Nói đến đây hai vị trở cho tôi thấy một cuốn sách.

- Anh thấy trong cuốn sách này kể biết bao tên người. Họ đều là những kẻ dị giáo, được chúng tôi giác ngộ và làm phép để nhận họ vào tôn giáo của chúng ta.

Thế là tôi không nói thêm lời nào và cũng không gặp lại hai vị truyền đạo ấy nữa. Riêng có một lần mà cũng không phải tôi cố tình... Một hôm thẳng nhỏ con tôi chạy đến báo:

- Ba ơi, có người nào nằm ở bờ cái hồ ấy ba ạ.

Tôi bèn đến, đấy là một cái xác đã bị lột da ở hai cánh tay và chân. Bọn Tác-ta làm công việc ấy rất thành thạo. Chúng chỉ cần lấy mũi dao rạch một đường là lột dễ dàng, như ta tháo găng ra khỏi tay vậy... Còn cái đầu thì lăn lóc cách đấy một quãng. Trên trán vẫn còn vết sấm cây thập ác. Tôi nghĩ bụng:

"Tội nghiệp người đồng hương. Do ông không giúp đỡ tôi nên đã bị trừng

phật, và thành một trong những kẻ tử vì đạo. Lỗi cũng do tôi một phần. Hãy vì Chúa, tha thứ cho tôi".

Tôi làm dấu, rồi đem chắp cái đầu vào thân cho ông ta. Sau đấy tôi cúi rạp đầu xuống sát mặt đất. Tôi chôn cất ông ta và đọc kinh Pa-te trên mộ ông. Còn vị truyền giáo thứ hai tôi không biết số phận ra sao, nhưng tôi đoán số phận ông ta cũng không may mắn gì hơn người bạn kia, bởi vì sau đấy tôi thấy những phụ nữ trong bộ lạc Tác-ta có rất nhiều tấm hình Thánh, giống như những tấm hình Thánh mà hai vị truyền giáo kia đem theo.

- Các vị truyền giáo cũng xông xáo vào những vùng hẻo lánh ấy ư?

- Đúng, nhưng chẳng đạt được kết quả gì.

- Tại sao?

- Bởi vì họ không biết cách. Muốn cho những người dân châu Á bỏ đạo của họ để theo đạo của ta thì phải dọa họ, phải làm cho họ run lên vì sợ. Thế nhưng đằng này hai vị truyền giáo của ta lại đưa ra cho chúng một đức Chúa lành hiền. Làm thế không đem lại kết quả gì hết, ít nhất cũng trong thời gian đầu. Người châu Á không khi nào tôn kính một Thần linh hiền lành phúc hậu. Chúng chỉ tuân theo những kẻ nào làm chúng sợ. Do đấy chúng tàn sát những nhà truyền giáo.

- Với lại khi đến gặp gỡ với họ, lẽ ra không nên đem theo tiền bạc và vật quý, phải thế không?

- Cũng đúng. Nhưng nếu không mang theo tiền bạc gì hết thì chúng lại không tin. Phái viên của đức Vua mà túi lại rỗng tuếch. Thế nào chúng sẽ tra khảo họ đến chết để tìm xem họ giấu vàng bạc ở chỗ nào trong đồng cỏ.

- Đúng là dân kẻ cướp!

- Chính thế. Chuyện xảy ra với một ông già Do Thái hồi tôi còn ở đấy cũng như vậy. Không rõ ông ta từ đâu tới, nhưng cũng thuyết giáo về đức tin. Ông già tốt bụng và rõ ràng là rất tận tụy với đạo giáo của ông ta. Ông mặc quần áo rách rưới đến nỗi toàn bộ da thịt hở cả ra. Khi ông ta cất tiếng thuyết giáo về đức tin thì không ai không bị cuốn hút theo. Lúc đầu tôi bảo ông ta rằng đạo của ông ta không phải là một tôn giáo bởi vì không có các vị Thánh. Nhưng ông ta bảo có và lấy sách kinh Tan-mút ra đọc cho tôi nghe tên bao nhiêu vị Thánh của họ... Sách Kinh Tan-mút ấy thật kỳ quái,

bởi vì do một pháp sư tên là Giốp-ben Lê-vi viết ra. Vị pháp sư này thông thái đến nỗi những tín đồ không dám nhìn thẳng vào mắt ngài bởi vì chỉ nhìn một cái là họ tắt thở và chết ngay. Thế là Thượng đế bèn triệu pháp sư đến và phán rằng: "Hỡi pháp sư thông thái Giốp-ben Lê-vi! Người thông thái thế là rất tốt nhưng khéo người tiêu diệt mất dân chúng Do-thái của ta. Ta đâu muốn cho họ chết khi ta cho Môi-xơ dắt họ đi qua thảo nguyên mênh mông và biển cả. Vậy người hãy rời khỏi quê hương và hãy đến sống ở nơi nào không ai thấy được người". Pháp sư Lê-vi lập tức rời khỏi Thiên đường, xuống đồng cỏ, đào một cái hố rồi tự chôn trong cát ngập đến cổ. Ngài ở đấy mười ba năm, và mặc dù bị chôn đến cổ ngày thứ bảy nào ngài cũng quay một con cừu non bằng ngọn lửa từ trên trời gửi xuống cho. Nếu con muỗi hay con ruồi nào đậu lên mũi ngài để hút máu, chúng cũng bị ngọn lửa thiêu thiêu cháy... Câu chuyện sự tích pháp sư kia khiến bọn Tác-ta rất khoái. Nghe xong, chúng hỏi ông già Do-thái chôn giấu tiền bạc của ông ở chỗ nào. Ông già đáp ông không có tiền bạc gì, rằng Thượng đế phái ông xuống đây với hai bàn tay trắng, chỉ có mỗi sự hiểu biết trong đầu. Nhưng bọn Tác-ta không tin. Chúng bèn thu than hồng lại, trải một tấm da ngựa lên rồi đặt ông Do-thái nằm trên tấm da ngựa ấy. Sau đấy chúng vừa lay ông già vừa hỏi: Tiền để chỗ nào? Đến khi ông già cháy thành than và không nói được nữa, chúng mới bảo:

"Khoan đã! Ta vùi lão vào cát cho ngập đến cổ, chắc lão sẽ sống lại được đấy".

Nói xong chúng thực hiện ngay. Nhưng ông già Do-thái vẫn không sống lại được. Cái đầu ông ta vẫn cứ nhô lên rất lâu trên mặt đất khiến trẻ con rất sợ. Cuối cùng bọn Tác-ta chặt cái đầu ấy quăng xuống đáy chiếc giếng đã cạn nước.

- Khiếp nhỉ!

- Đúng là thay đổi tín ngưỡng cho chúng rất khó. Nhưng ông già Do-thái kia thật ra vẫn có tiền.

- Thật ư?

- Thật. Mấy hôm sau cày cáo bởi xác ông lên, từng mảng một, cho đến tận đôi giày. Từ trong đế giày bật ra sáu đồng tiền. Bọn Tác-ta sau đấy đã nhặt

được.

- Còn bác, làm cách nào mà bác thoát được khỏi cái bọn man rợ ấy?
- Đúng là một chuyện kỳ lạ.
- Nhưng ai đã giúp bác?
- Ta-la-pha.
- Ai vậy? Một người Tác-ta chăng?
- Không. Anh ta là người Ấn, không phải người thường mà là do Thượng đế của nước Ấn Độ phái xuống thế gian.

Do các thánh giả năn nỉ, bác I-van Phli-a-ghin đã kể lại quãng tiếp theo của cuộc đời vừa bi vừa hài của bác.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 9

- Từ sau khi bọn Tác-ta thủ tiêu hai vị truyền giáo, tôi còn phải sống với chúng đúng một năm nữa. Mùa đông sau đấy, chúng tôi lại xua đàn ngựa nhích xuống phía Nam, gần sát biển Ca-xpi. Một hôm vào buổi chiều, có hai người đến gặp chúng tôi, nếu có thể gọi đấy là "người". Không thể biết họ là thuộc dân tộc nào và từ đâu đến, bởi vì họ không dùng một thứ ngôn ngữ nào hẳn hoi. Họ dùng các từ Nga lẫn với từ Tác-ta thành một thứ tiếng không thể hiểu nổi. Cả hai đều còn trẻ. Một người da đen, để râu dài và rậm, mặc chiếc áo dài giống như áo của dân Tác-ta nhưng màu đỏ, đội mũ vải nhọn hoắt như mũ người Ba-tư. Người thứ hai tóc hung, cũng mặc áo dài nhưng cách thức rất lạ: anh ta mang theo một lô những hộp, và mỗi khi vắng người là anh ta quăng luôn áo dài ra, chỉ mặc mỗi chiếc quần dài và chiếc áo cánh, kiểu quần áo may ở Nga, trong những xưởng của người Đức. Những lúc ấy anh ta mở các hộp ra loay hoay với những thứ gì đựng trong ấy mà không ai có thể biết được. Hai anh chàng bảo rằng họ từ vùng Khi-va đến đây mua ngựa. Họ cần mua rất nhiều và bảo rằng bên kia sắp có chiến tranh. Họ không nói chiến tranh với ai, mà chỉ chuyên khích người Tác-ta chống lại người Nga. Có lần tôi nghe thấy cái anh tóc hung nói đến chữ "thủ lĩnh" bằng tiếng Nga và nhổ nước bọt. Họ không đem theo tiền, bởi vì những người dân châu Á này hiểu rất rõ nếu có tiền trong người chắc chắn họ sẽ bị lột da. Nhưng hai anh chàng này bảo họ Tác-ta rằng, cứ dắt đàn ngựa đến bờ sông Đa-ri-a là lập tức sẽ nhận được tiền đầy đủ. Bọn Tác-ta chưa biết nên trả lời thế nào. Chúng cứ suy tính mãi và vẫn chưa tin.

Hai anh chàng kia nói nhẹ không kết quả, bèn chuyển sang đe dọa:

"Các anh không chịu dắt ngựa đi, thì các anh sẽ hối không kịp đâu, - họ bảo. - Thần linh của chúng tôi là đức Ta-la-pha, ngài ban cho chúng tôi ngọn lửa của ngài. Các anh mà làm ngài nổi giận là nguy đấy".

Bọn Tác-ta không nghe nói đến vị thần kia bao giờ. Chúng không tin vị

thần kia có thể làm hại gì bọn chúng. Với lại mùa đông thì sợ gì lửa. Nhưng cái người râu đen từ vùng Khi-va kia đến, cái người mặc áo dài đỏ ấy nói rằng, nếu các ông còn nghi ngại thì thần Ta-la-pha ngay đêm nay sẽ giáng trần cho các ông thấy. Chỉ có điều nhìn hoặc nghe thấy gì các ông đều không được để lộ ra với ai, nếu không thần sẽ thiêu chết. Đêm hôm ấy mọi người đều đóng tai nghe, bởi vì việc chờ xem những trò phù phép ấy khiến chúng tôi quên đi trong chốc lát kiểu sống nhàm chán, đơn điệu trên thảo nguyên. Ai cũng hồi hộp và hơi sờ sợ, chưa rõ vị thần linh Ấn Độ kia sẽ hiện lên như thế nào.

Tôi cùng vợ và các con trở về lều từ sớm... Đêm nay trời tối đen và lạnh lẽo cũng như mọi khi. Sắp sửa thiếp đi tôi bỗng nghe thấy tiếng gì rít lên như còi ở ngoài đồng cỏ, tiếp theo một tiếng nổ, rồi tôi nhìn thấy trong cơn nửa tỉnh nửa mê, những tia lửa rơi từ trên trời xuống như sao sa.

Choàng tỉnh dậy, tôi thấy mấy cô vợ tôi đang hốt hoảng, mấy đứa con thì kêu khóc âm ỉ.

Tôi bảo:

"Im! Các cô cho chúng nó bú để chúng đừng rống lên nữa".

Tiếng chóp chép vang lên và trong lều lại yên tĩnh. Nhưng liền lúc ấy lại một ánh lửa loé lên ngoài đồng cỏ và một tiếng nổ nữa... Tôi nghĩ bụng.

"Chà! Thì ra thần Ta-la-pha cũng gồm đấy!".

Lại tiếng rít như còi vang lên, nhưng lần này khác hẳn. Giống như một con chim bằng lửa bay từ chỗ này sang chỗ khác. Một tiếng động khô khốc. Cả cánh đồng rực sáng bằng thứ ánh sáng vàng khè rồi xanh biếc.

Khắp đám trại như lặng đi. Chắc chắn không ai không nghe thấy. Nhưng nỗi hoảng sợ làm bọn Tác-ta không dám nhúc nhích. Chúng nằm im dưới tấm áo đắp. Chỉ có tiếng mặt đất rung lên, lay động dữ dội rồi lại im ắng. Chắc đấy là đàn ngựa chen chúc nhau lao đi. Rồi đúng là người từ Khi-va hoặc từ Ấn Độ đến đang phi ngựa vun vút, lửa cháy lan trên đồng cỏ như con rắn... Đàn ngựa hoảng hốt lồng lên... Bây giờ thì bọn Tác-ta quên cả nỗi sợ, chạy như bay ra khỏi các lều, lắc đầu kêu: "Lạy đức A-la! Lạy đức A-la!" rồi đuổi theo đàn ngựa. Còn hai người khách kia thì đã biến đâu mất từ bao giờ, chỉ để lại cái hộp làm kỷ niệm... Khi đám đàn ông đã đuổi theo

đàn ngựa và ở lại trại chỉ còn tôi với số cụ già và phụ nữ, tôi mới ngó vào trong chiếc hộp. Bên trong có đủ thứ bột và những cái ống bằng bìa cứng. Tôi cầm một cái ống đem đến gần ngọn lửa để xem thì đột nhiên nó bắt lửa cháy bùng lên, nổ và làm tôi suýt mù mắt. Nó bay vút lên tít trên cao rồi... bùm! Bắn ra thành vô số những tia lửa như sao sa... "Ra thế, - tôi nghĩ bụng. - Thần thánh gì đâu! Chỉ là pháo hoa mà ở quê tôi người ta vẫn thường bắn lên ngoài các công viên". Tôi đốt thêm một ống bằng bìa cứng nữa, thế là mấy ông già nằm ngay xuống đất hai chân giãy đành đạch. Lúc đầu bản thân tôi cũng sợ, nhưng khi nhìn thấy chúng giãy, tôi bèn nghĩ ra một kế, tôi nghiêng răng ken két- đây là lần đầu tiên từ khi phải sống với bọn Tác-ta tôi mới giở cái trò khùng khiếp này ra. Kèm theo nghiêng răng, tôi hét lên thật to vài từ lạ, gập từ nào hét lên từ nấy:

"Am - xtram - gram - bu- rê - bu - rê - rôt - tec - đam - phéc - phlu - stua - mi - nê - gút - bai - mix - tơ".

Tôi đốt thêm một ống pháo hoa quay. Nhìn thấy vàng thái dương đỏ rực trên cánh đồng giữa đêm khuya, đám lão già Tác-ta không dám nhúc nhích. Khi pháo tắt, chúng vẫn còn nằm chết dí dưới đất, thỉnh thoảng một tên ngóc đầu dậy ngó nhưng rồi lại cúi ngay xuống, và ngoắc tay gọi tôi đến gần. Tôi bước đến nói:

"Thế nào? Muốn sống hay muốn chết đấy? Đồ khốn kiếp!" - Bởi vì tôi thấy chúng đang không còn hồn vía nào nữa.

"I-van tha thứ cho chúng tôi, - chúng nói. - hãy cho chúng tôi sống, đừng bắt chúng tôi phải chết, I-van!".

Những tên Tác-ta ở đằng xa cũng ra dấu như vậy. Tất cả đều muốn được sống.

Tôi nghĩ bụng, kế của mình đã thành, có nghĩa mình đã sắp hết giai đoạn thử thách. Tôi bèn cầu nguyện:

"Lạy đức Mẹ đồng trinh tối linh thiêng, lạy đức thánh Ni-cô-la phúc đức, hãy cứu giúp con!".

Quay sang bọn Tác-ta tôi nghiêm giọng hỏi:

"Ta cho các người sống nghĩa là ta tha thứ cho các người tội gì?"

"Hãy tha thứ cho chúng tôi tội đã không tin vào Thượng đế của anh".

“Chà, - tôi nghĩ bụng. - Ra tao đã làm được chúng bay hoảng sợ đến thế kia đấy!”. Rồi tôi lớn tiếng nói: "Không được! Tội ấy thì ta không thể tha thứ cho các người được!". Thế là tôi lại ra sức nghiền răng ken két và lại bóc một ống pháo hoa nữa.

Ống này là pháo hoa chùm... ánh sáng loé lên khùng khiếp và những tiếng nổ rền vang.

Tôi lại quát bọn Tác-ta:

“Nếu chúng bay không chịu tin theo tín ngưỡng của ta thì chỉ trong nháy mắt các người sẽ không sống được nữa!

“Đừng, I-van, - chúng đồng thanh đáp. - Chúng tôi xin theo tín ngưỡng của các anh”.

Thế là tôi thôi không đốt pháo hoa nữa, chuyển sang làm phép rửa tội cho tất cả bọn chúng ở ngoài bờ sông.

- Ngay đêm hôm ấy à, bác?

- Ngay lúc ấy. Với lại còn chần chừ làm gì nữa? Phải lợi dụng ngay trong lúc chúng còn đang mê hoảng chứ. Tôi đập vỡ mặt bằng, lấy nước rưới lên đầu từng đứa, miệng đọc "nhân danh Cha và Con", rồi đeo lên cổ chúng những chiếc thánh giá hai vị truyền giáo kia để lại. Tôi ra lệnh cho chúng phải coi vị truyền giáo đã bị chúng giết kia là người tuần tiết vì Chúa và tôi trả cho chúng nơi tôi chôn ông ta.

- Và chúng chịu lễ ông ta chứ?

- Chịu.

- Nhưng chúng có biết cách lễ như ta đâu? Hay bác dậy cho chúng cách thức?

- Không. Tôi làm gì có thời giờ dậy, bởi vì tôi thấy rằng phải chuồn mau kéo muộn. Thế là tôi quát chúng: chúng bay lễ đi, lễ theo kiểu chúng bay vẫn thường lễ ấy, chỉ có điều thay tên đức A-la bằng đức Chúa Giê-su Cơ-rít. Thế là chúng làm theo ngay.

- Nhưng làm cách nào bác thoát khỏi được những tín đồ mới của đạo Thiên chúa chúng ta, bởi vì chân bác vẫn còn đau kia mà? Sau đấy bác làm thế nào mà chữa khỏi được.

- Tôi tìm thấy trong sổ thuốc pháo một thứ bột ăn da, chỉ cần chạm vào là

da bị đốt cháy ngay. Tôi bèn đắp lên gót chân, rồi lấy cỏ đang mọc, tôi nằm lên tấm thảm bằng da. Chỗ thịt xưng tấy lên. Những sợi bờm ngựa mà bọn Tác-ta nhét vào mười năm trước đây, bây giờ thoát ra cùng với mủ. Tôi bình phục lại rất nhanh nhưng tôi giả vờ ốm rất nặng để yêu cầu đám người già và phụ nữ cầu nguyện cho tôi, coi như tôi sắp chết. Và lấy cớ phải chạy tịnh, tôi bắt chúng nhịn ăn và không được ra khỏi lều trong vòng ba ngày. Tôi đốt một chiếc pháo hoa thật lớn để bắt chúng ngoan ngoãn tuân lời tôi. Và thế là tôi chạy trốn...

- Chúng không đuổi theo bác?

- Không. Với lại chúng thiết gì đuổi. Tôi làm chúng hoảng sợ đến mức chúng lấy làm sung sướng được chuộc tội trong ba ngày. Đến ngày thứ tư khi chúng bò ra khỏi lều thì tôi đã đi được rất xa. Hai gót chân đã khỏi khiến tôi thấy khoan khoái vô cùng và tôi vượt một mạch qua hết vùng thảo nguyên.

- Bác đi bộ?

- Chứ sao nữa! Bởi vì vùng ấy làm gì có đường xá lớn mà xe cộ chạy được, cũng chẳng có ai mà gặp, và dù có gặp tôi cũng chẳng mừng tí nào. Tôi đi được ba ngày, đến ngày thứ tư thì gặp một thằng cha người dân tộc Su-vas, dẫn năm con ngựa. Hắn bảo: "trèo lên lưng một con mà phi". Nhưng tôi sợ và không dám.

- Bác sợ cái gì?

- Sợ cái gì à?... Có một lúc tôi bỗng thấy mặt hắn có vẻ lọc lừa, với lại tôi cũng không có cách gì hỏi xem hắn theo đạo gì. Trong vùng thảo nguyên mà đi với kẻ dị giáo nguy hiểm lắm. Thế nhưng thằng cha vẫn một mực:

"Trèo lên, cùng đi với nhau có vui hơn không"

Tôi đáp:

"Anh là ai? Anh có thờ Thượng đế nào không?"

"Có chứ. Tôi không phải như bọn Tác-ta ăn thịt ngựa đâu".

"Thế Thượng đế của anh là ai?"

"Mặt trời, mặt trăng, những vì sao... mọi thứ đều là Thượng đế của tôi, vậy mà anh dám bảo tôi không có Thượng đế".

"Mọi thứ à?... Cả đức Giê-su Cơ-rít nữa chứ?"

“Cả vị ấy rồi đức Mẹ đồng trinh, cả đức thánh Ni-cô-lát...”.

“Đức thánh Ni-cô-lát nào?”

“Vị thánh xuất hiện một lần vào mùa hạ một lần vào mùa đông ấy”.

Tôi khen ngợi thẳng cha vì hẳn cũng tôn thờ vị thánh Ni-cô-la người Nga.

Tôi bèn nói:

“Anh hãy thờ vị thánh ấy bởi vì ngài là người Nga”.

Tôi vừa mới bắt đầu tin cậy thẳng cha và định nhận lời đi cùng với hẳn thì may thay hẳn nói huênh hoang và để lộ ra một điều.

“Đã đành là tôi tôn thờ thánh Ni-cô-lát rồi, - hẳn nói. - Mùa đông thì tôi không khấn vái gì ngài, nhưng mùa hạ thì tôi cúng ngài mười xu để ngài trông coi đàn bò cái cho tôi. Tôi nói thật đấy! Ngoài đức thánh Ni-cô-lát, tôi còn cúng thêm thần Kê-rê-mê-ti một con bê nữa cho bảo đảm”.

Tôi thấy cay mũi.

“Mày dám coi thường vị thánh Nga, chỉ cúng có mười xu, trong khi mày cúng cả một con bê cho lão Kê-rê-mê-ti dị giáo bẩn thỉu kia ư? Cút đi! Tao không thèm đi với mày nữa bởi vì mày dám coi thường vị thánh Ni-cô-la người Nga chúng tao”.

Và thế là tôi bước cho nhanh thoát khỏi hẳn. Tôi đi không để ý đến thời gian và chiều tối ngày thứ ba, tôi nhìn thấy nước uống và con người. Cẩn thận tôi nằm ép mình xuống cỏ quan sát Chẳng là tôi sợ phải rơi vào thân phận tù binh một lần nữa có khi còn khốn khổ hơn lần trước. Nhưng tôi thấy người ta đang nấu nướng... Đúng người theo đạo Thiên chúa rồi. Tôi bò đến gần: tôi thấy họ làm dầu và uống rượu vốt-ca. Không còn nghi ngờ gì nữa, họ chính là người Nga!... Tôi đứng phắt dậy và bước vào, tự giới thiệu. Họ là một nhóm ngư dân. Họ tiếp đón tôi rất niềm nở rồi bảo:

“Anh uống vốt-ca đi!”

Tôi đáp:

“Thưa các bạn, tôi sống quá lâu với bọn Tác-ta nên đã bỏ mất thói quen ấy rồi”.

“Không sao, rồi về đây anh sẽ lại quen. Nào, uống đi!”.

Tôi tự rót lấy một cốc, nghĩ bụng:

“Cầu Chúa ban phúc cho con đã trở về được với người cùng đạo giáo!” -

Rồi tôi uống một hơi cạn. Những người đánh cá tốt bụng lại ép thêm:

“Uống nữa đi. Do không được uống thứ rượu quê hương này mà anh gầy tọt đi như thế đấy”.

Uống cạn cốc thứ hai tôi bắt đầu ba hoa, tôi kể cho họ nghe lai lịch của tôi. Suốt đêm hôm ấy, ngồi bên đồng lửa, tôi vừa kể vừa nốc vốt-ca, sung sướng được trở về đất Nga thiêng liêng. Nhưng lúc gần sáng khi đồng lửa sắp tàn và đám ngư dân đã ngủ gần hết, một anh chàng trong bọn hỏi tôi:

"Anh có thông hành đấy chứ?"

“Tôi không có”.

“Nếu vậy, - hẳn ta nói, - anh sẽ phải ngồi tù”.

“Thật ư? - Tôi nói. - Vậy thì tôi sẽ ở lại đây với các anh. Vì sống ở đây chắc không cần giấy thông hành chứ?”.

Nhưng hẳn đáp:

“Sống với bọn tôi thì không có giấy thông hành cũng được, nhưng chết thì không được”

Tôi hỏi:

"Tại sao?"

“Còn tại sao nữa? - Hẳn nói. Anh không có giấy thông hành ông linh mục nào chịu ghi tên anh vào sổ?”.

“Vậy tôi sẽ ra sao?”

“Anh sẽ bị quăng xuống sông, - hẳn nói. - Để làm mồi cho cá”.

“Bởi vì không có đức cha rửa tội?”

“Chính thế”.

Lúc đó tôi hơi ngà ngà say nên rất hoảng. Tôi òa lên khóc rồi than vãn thảm thương. Thằng cha đánh cá kia phá lên cười. Hẳn nói:

“Tôi đùa đấy thôi. Anh mà chết thì đừng lo, chúng tôi sẽ chôn cất anh tử tế”.

Nhưng tôi vẫn chưa hoàn hồn và tôi nói:

“Lần sau đừng đùa như thế. Anh mà cứ đùa kiểu ấy thì tôi chẳng sống nổi đến mùa xuân đâu”.

Thằng cha ấy vừa thiếp ngủ, tôi bèn đứng dậy và cao chạy xa bay. Tôi đến thành phố Ax-tra-khan xin làm công nhật, kiếm được một rúp và từ lúc

nhận được tiền tôi uống rượu say mềm, đến nỗi không còn nhớ sự việc diễn ra cách nào mà mình lại lạc sang một thành phố khác, bị bắt vào tù rồi bị giải về tỉnh quê hương. Đến đồn cảnh sát tỉnh lỵ tôi bị đánh một trận đòn và bị trả về dinh cơ của ngài Công tước chủ của tôi cũ. Công tước phu nhân, người sai đánh roi tôi về tội chặt đứt đuôi con mèo, đã mất. Ngài công tước bây giờ góa vợ, già đi rất nhiều, chăm chỉ tụng kinh và thôi không đi săn bắn nữa. Khi người ta báo ngài biết tôi đã trở về. Ngài nhớ lại chuyện của tôi và ra lệnh phạt tôi một trận đòn nữa, rồi cho người dẫn tôi đến trình diện đức cha I-li-a để tôi xám hối. Sau khi bị trừng phạt theo kiểu cổ, ở một ngôi nhà riêng, tôi đi xám hối. Đức cha I-li-a tước phép thông công của tôi trong ba năm...

Tôi phản đối:

"Nhưng thưa cha, trong thời gian không có điều kiện làm lễ, nhưng con vẫn nghĩ... con vẫn ôm hy vọng".

"Nếu người ôm hy vọng, sao người lại chung chạ với người phụ nữ Tác-ta?... Ta thương người nên mới chỉ tước phép thông công của người trong một thời gian. Nếu rơi vào tay các vị bề trên nghiêm khắc, người còn bị thiêu quần áo trong lúc người đang mặc trên người ấy chứ. May mà thời nay cảnh sát nghiêm cấm hình phạt kiểu này".

"Cũng được, - tôi nghĩ bụng. - Tôi chẳng cần phép thông công. Năm nhà nghỉ ngơi ít lâu cho bỏ những năm bị giam cầm".

Nhưng ngài công tước lại nghĩ khác.

"Ta không muốn có kẻ bị rút phép thông công ở trong dinh cơ của ta".

Ngài ra lệnh cho ông quản lý đem tôi ra giữa nơi đông người phạt roi để làm gương, sau đấy thả cho tôi đi như một nông nô đã được phóng thích. Lần này tôi bị đánh roi theo kiểu mới, trên thềm nhà viên quản lý, trước mặt mọi người rồi người ta cấp cho tôi một tờ giấy thông hành. Lần này được tự do, tôi mừng rỡ vô cùng, lại có được giấy tờ hợp pháp trong tay. Tôi chưa hề tính đến công việc gì, nhưng Chúa trời đã ban cho tôi một việc làm.

- Việc gì?

- Tôi lại trông nom ngựa. Từ chỗ trắng tay, một xu không có, chẳng bao lâu

tôi đã kiếm được lưng vốn khá khá. Lẽ ra tôi đã sung sướng, nếu như không xảy ra một chuyện.

- Chuyện gì vậy, bác?

- Tôi bị sa vào đủ thứ mê tín dị đoan và thêm một thứ oái oăm nữa khiến tôi lú lẫn.

- Thứ gì oái oăm và khiến bác lú lẫn như thế?

- Thuật thôi miên.

- Sao? Bác bảo thuật thôi miên à?

- Tôi bị sa vào vòng mê hoặc của một kẻ.

- Cụ thể biểu hiện ra thế nào?

- Tôi tuân theo mù quáng mọi mong muốn của hắn ta và biến thành như một kẻ khác.

- Phải chăng đấy chính là việc bác bị mất đi bản thể và chính sau vụ ấy bác mới thấy cần vào tu viện, theo đúng ý nguyện của mẫu thân bác chẳng?

- Không. Chuyện ấy mãi sau này mới xảy đến. Tôi còn phải chịu bao nhiêu sóng gió nữa ấy chứ.

- Bác vui lòng kể chúng tôi nghe được không?

- Rất sẵn sàng.

- Bác thật quý hoá!

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 10

- Thế là có giấy thông hành trong tay, tôi đi lang thang. Tôi đến một chợ phiên và thấy một thằng cha Di-gan đang gạ đổi ngựa của gã lấy ngựa của một ông nông dân và đang bịp ông ta một cách hết sức vô liêm sỉ. Để kiểm tra sức lực của hai con ngựa, gã đóng con của gã vào càn xe chở lúa miễn và con của ông nông dân vào cỗ xe chở táo. Tất nhiên hai xe đều nặng ngang nhau nhưng con ngựa của ông nông dân thì đổ mồ hôi, do bị mùi táo làm cho ngáy ngất. Mùi táo là thứ mùi giống ngựa không chịu nổi. Con ngựa của gã Di-gan còn tồi tệ hơn. Nó thêm một tật là mắc bệnh động kinh. Chỉ cần nhìn cái vết trên trán nó đủ biết người ta đã áp đầu thanh sắt nung đỏ vào để đánh dấu. Gã Di-gan cứ nhất định bảo đấy là cái mụn cóc. Nhưng tôi, tất nhiên tôi thương ông nông dân, bởi vì ông ta không thể làm ăn gì được với một con ngựa động kinh. Thêm vào đó, tôi căm ghét bọn Di-gan, từ cái ngày một thằng cha Di-gan đưa tôi vào con đường du thủ du thực. Đấy là chưa kể tôi đã linh cảm thấy một điều mà sau này lộ ra là đúng. Tôi bảo cho ông nông dân biết cái tật của con ngựa. Trong khi gã Di-gan khẳng khẳng rằng đấy là mụn cơm chứ không phải dấu vết gì hết, tôi bèn giúi một thanh sắt vào sườn của con ngựa thế là nó quay lơ, bốn chân chống lên trời và giãy giụa.

Hồi đó tôi thường chọn cho các bác nông dân đi tậu những con ngựa tốt. Để tỏ lòng biết ơn, họ thường mời tôi ăn uống kèm theo hai chục xu tiền thưởng và thế là chúng tôi được một dịp vui chơi thoải mái. Từ đấy bắt đầu thời kỳ khấm khá của tôi: vốn liếng của tôi cứ tăng dần, tôi say sữa suốt ngày ngày qua ngày khác. Chỉ chưa đầy một tháng tôi đã biến đổi hoàn toàn. Tôi đeo trên cổ trên ngực đủ thứ trang sức và mang theo bên mình đủ các thứ thuốc chữa bệnh cho ngựa. Tôi đi hết chợ này đến chợ khác kiếm ăn và nhận tiền thưởng của những bác nông dân nghèo. Nhưng đồng thời tôi cũng bị bọn Di-gan lái buôn ngựa ghét cay ghét đắng. Chúng chỉ rình

đánh cho tôi một trận nên thân, tôi nghe nói thế. Tôi cố tránh mặt bọn chúng, bởi vì chúng có cả một băng. Chúng không thể nào gặp riêng tôi được, mà nơi đông người thì chúng không dám đụng đến người tôi, bà con nông dân rất quý tôi và bệnh tôi, vì tôi luôn giúp đỡ họ. Thế là bọn Di-gan tung tin tôi là phù thủy, và trong nghề ngựa nghèo tôi dùng bùa phép. Nhưng đấy chỉ là điều vu khống. Tài hiểu biết về ngựa do trời cho, như tôi đã kể với các ông rồi. Tôi sẵn sàng truyền nghề cho bất cứ ai, nhưng khốn nỗi không ai tiếp thu được.

- Tại sao lại như thế?

- Họ không thể hiểu nổi, bởi vì muốn hiểu được cần phải có một năng khiếu từ nhỏ. Đã mấy lần tôi thử dạy người khác nhưng đều không đem lại kết quả gì. Lát nữa tôi sẽ trở lại vấn đề này, nếu như các ông muốn nghe.

Khi tôi nổi tiếng ở khắp các chợ phiên trong vùng, một vị hoàng thân chuyên làm công việc huấn luyện ngựa đã đến tìm tôi đưa cho tôi một trăm rúp và đề nghị:

“Anh hãy truyền bí quyết của anh cho ta. Ta rất cần”.

Tôi đáp:

“Không có bí quyết gì hết. Đây chỉ là một cái khiếu trời cho thôi”.

Nhưng ngài hoàng thân cứ nằn nì:

“Ít nhất anh cũng kể cho ta nghe cách thức. Và để anh khỏi nghĩ ta có mưu đồ gì bên trong, ta xin biếu anh ngay một trăm rúp”.

Biết làm sao được? Tôi đành nhún vai, gói số tiền vào bọc rồi tuyên bố:

"Tôi xin kể tất cả những điều gì tôi biết. Ngài hãy nghe cho kỹ xem có thể dùng được điều gì không. Nếu như ngài vẫn không tiến bộ trong nghề thì tôi cũng không chịu trách nhiệm”.

Ngài hoàng thân có vẻ mãn nguyện:

"Anh không lo, cứ kể hết đi”.

“Điều quan trọng nhất để hiểu rõ một con ngựa là quan sát nó thật kỹ. Phải ngắm cái đầu của nó một cách khôn ngoan rồi đưa mắt một lượt khắp người nó cho đến tận đuôi, chứ đừng vội vã chạy lăng xăng xung quanh ngựa như nhiều vị sĩ quan thường làm, hết sờ gáy lại đến cổ, nắn trán nó một chút lại sờ hai lỗ mũi, sờ ngực, bóp mông nhưng thực ra vẫn chẳng hiểu được gì

hết. Nhìn kiểu cách xem ngựa của các sĩ quan như thế, bọn lái ngựa rất mừng. Chúng biết tính các ngài sĩ quan như thế, bèn quay ngựa đủ chiều ra vẻ giúp thêm ngài sĩ quan thấy rõ, nhưng thực chất là chúng che không cho khách nhìn thấy những nhược điểm của ngựa. Những nhược điểm ấy chúng có rất nhiều cách để giấu đi. Nếu tai ngựa rũ xuống, chúng cắt một mảng da ở sau gáy ngựa rồi khâu lại, bôi phẩm vào cho khách không nhìn thấy vết sẹo. Tai ngựa sẽ dựng đứng lên. Nhưng chẳng bao lâu, da sẽ trùng lại và tai ngựa lại rũ xuống như cũ. Nếu tai dài quá, chúng xén bớt đi. Còn nếu muốn tai dựng đứng lên thì chúng đệm một miếng sừng nhỏ để đỡ. Nếu khách hàng muốn có một cặp ngựa y hệt nhau, chúng đã có một con có chùm lông trắng trên trán, chúng bèn tạo cho con thứ hai cũng có một chùm lông trắng như thế, bằng cách cạo hòn đá nháp vào chỗ ấy hoặc úp một miếng sắt nung đỏ vào cho da bật đi và mọc lên một nhúm lông màu trắng. Nhưng nếu ta nhìn kỹ một chút sẽ thấy nhúm lông này hơi dài hơn nhúm lông bình thường và chỗ da ấy hơi sưng lên. Bọn lái ngựa bịp khách hàng táo tợn nhất là về khoản mắt ngựa. Nếu ngựa bị hõm ở trên mí mắt, chúng lấy trâm nhọn chọc vào da ở gần đấy rồi thối vào trong mắt ngựa cho chỗ hõm phồng lên. Cách làm ấy rất dễ dàng, vì ngựa được thối vào mắt cũng thấy khoái khoái, sẵn sàng đứng yên cho chủ thối hơi ấm vào mắt, không hề nhúc nhích. Cách duy nhất để phát hiện xem có sự bịp bợm hay không là ấn vào mí mắt ngựa để không khí bên trong bay ra. Buồn cười nhất là cách chúng bán những con ngựa mù. Đúng là một màn hài kịch thực sự! Viên sĩ quan khách hàng cầm một cọng rơm đưa trước mắt ngựa xem ngựa có phản ứng gì không. Để ngựa tuy không nhìn thấy nhưng vẫn có phản ứng, bọn lái ngựa Di-gan lén đâm thật mạnh vào dưới bụng hoặc bên sườn con ngựa, cho nó phải nghiêng cái đầu. Nhiều tên lái làm cách khác. Chúng giả vờ vuốt ve lưng ngựa, nhưng cặp sẵn trong bàn tay một cái đánh nhọn, xiết mũi nhọn vào da ngựa cho nó phải quay đầu."

Tôi giảng giải cho ngài hoàng thân hàng chục cách bịp bợm của bọn lái, nhưng ngài chẳng rút ra được kinh nghiệm gì hết. Hôm sau ngài vẫn tậu một đàn ngựa chẳng ra làm sao, lại còn mừng rỡ khoe với tôi:

"Anh ra mà xem, ta đã học được cách xem ngựa của anh rồi đấy!".

Nhìn thấy chúng, tôi phá lên cười và đáp rằng, những con ngựa này chẳng có gì đáng cho tôi xem hết.

"Con này vai quá to, khi đi nó sẽ loạng choạng cho mà xem. Con kia có tật co một chân lại dưới bụng lúc ngủ, nghĩa là chỉ sang năm nó sẽ bị vồng lưng. Con kia thì có tật lúc ăn chân vẫn đập đập và cọ đầu gối vào máng...". Cứ thế tôi lần lượt vạch ra khuyết tật của tất cả những con ngựa ngài vừa tậu được.

Sáng hôm sau, ngài hoàng thân bảo tôi:

"Đúng là ta không thể nào tiếp nhận được lời dạy của anh. Vậy anh hãy về làm công cho ta. Anh sẽ chọn ngựa và ta chỉ việc trả tiền".

Tôi nhận lời và về làm với ngài hoàng thân trong ba năm. Ngài đối xử với tôi không phải như với người làm công mà như thể bè bạn. Nếu tôi không bị cái tật thỉnh thoảng "bỏ đi chơi" thì tôi đã dành dụm được một cái vốn kha khá. Bởi vì những chủ trại ngựa nhận ngựa của các sĩ quan thường cử người thân tín đến gặp thợ ngựa. Họ biết rằng chất lượng ngựa phụ thuộc vào người thợ ngựa chứ không phải vào các sĩ quan. Mà như tôi đã kể các ông nghe, tôi là thợ ngựa bẩm sinh và tôi lại làm ăn lương thiện. Tôi không lừa dối chủ bao giờ. Ngài hoàng thân rất hiểu điều đó cho nên ngài đánh giá tôi cao. Chủ tớ sống với nhau rất ăn ý. Lần nào đi đánh bạc bị thua sáng sớm hôm sau thế nào ngài cũng xuống chuồng ngựa, vẫn còn mặc áo choàng kiểu dùng trong phòng ngủ, rồi nói:

"Công việc thế nào, anh I-van hầu-như-nửa kính-mến?" Ngài gọi đùa tôi là "hầu-như nửa-kính-mến", nhưng lát nữa các ông sẽ thấy ngài kính trọng tôi thực sự:

Biết chủ đang muốn gì, tôi bèn đáp:

"Bình thường, thưa ngài. Nhưng còn công việc của ngài thì cũng yên ổn chứ?" .

"Công việc của ta hết sức tồi tệ".

"Tôi đánh cuộc là ngài lại thua bạc như hôm trước phải không ạ?"

"Đúng thế, anh I-van hầu-như-nửa-kính-mến ạ".

"Thua mất bao nhiêu thưa ngài?"

Ngài trả lời. Số tiền lên đến mấy ngàn rúp và tôi lắc đầu:

“Đúng là ngài đáng đánh đòn, nhưng tiếc rằng không có ai được quyền đánh đòn ngài”.

Ngài sĩ quan hoàng thân cười vang.

"Nổi bất hạnh chính là ở đây".

“VẬY xin ngài nằm xuống giường của tôi. Tôi lấy một cái túi sạch để ngài gối đầu, rồi tôi sẽ đánh một roi nhẹ vào mông ngài”.

Rõ ràng ngài đến tìm tôi là để lấy tiền đánh gỡ bạc.

"Thay vào việc đánh roi vào mông ta, anh hãy đưa ta số tiền của ta anh đang giữ để ta đánh gỡ lại. Ta tin rằng kỳ này ta sẽ trả được thù”.

“Ngài tha lỗi, nhưng ngài muốn đánh bạc bao nhiêu tùy thích, ngài không thể nào gỡ lại số tiền đã thua được đâu.”.

Ngài quý tộc cười gằn:

"Anh lại còn xin lỗi ta ư?" Và ngài nổi giận: "Thôi đi, anh đừng giở cái giọng hơn tuổi ấy nữa và đem tiền lại đây cho ta mau!".

Chúng tôi hỏi bác I-van Phli-a-ghin xem bác có đưa ngài hoàng thân khoản tiền để ngài gỡ bạc không.

- Đời nào! - Bác đáp. - Tôi bảo tiền tôi đem mua hạt mè cả rồi. Cũng có lần tôi bỏ chạy.

- Chắc ngài phải ghét bác lắm?

- Thậm chí có lần ngài còn bảo tôi: “thôi thế là đủ rồi, từ hôm nay ta không dùng anh nữa”.

Tôi đáp:

"Tốt lắm. Vậy ngài hãy cho tôi xin lại giấy thông hành".

"Anh cứ sửa soạn đồ đạc đi. Sáng mai ta sẽ trả thông hành cho anh".

Nhưng hôm sau mọi sự lại như không có chuyện gì nữa. Ngài sĩ quan hoàng thân chỉ nổi giận trong vòng độ một tiếng đồng hồ, sau đấy lại nghĩ ra và bảo tôi:

“Ta cảm ơn anh, anh bạn hầu-như-nửa- kính-mến của ta. Anh đã dám dũng cảm cưỡng lại ta" .

Thế rồi để trả ơn tôi, ngài tha thứ cho những vụ tôi gây ra trong những cuộc "bỏ đi chơi" .

- Vụ gì vậy?

- Tôi đã kể với các ông là tôi có những cuộc “bỏ đi chơi” rồi còn gì.
- Bỏ đi chơi? Nghĩa là thế nào? Do đã nhiễm thói uống rượu, nên tôi cố tránh không uống hàng ngày, và nếu không thèm lắm, tôi cố nhịn. Nhưng có những hôm, cơn buồn khủng khiếp kéo đến, thế là không chịu nổi, tôi bỏ nhà đi lang thang liên mấy ngày. Những dịp như thế này hay xảy ra bất chợt. Thường là sau khi giao một đàn ngựa đi, tôi bỗng cảm thấy một nỗi trống rỗng trong lòng. Tôi đã coi những con ngựa ấy như anh chị em ruột thịt. Nhất là khi tôi phải giao đi một con tuần mã: nó đi rồi mà lúc nào tôi cũng mơ màng như nó vẫn còn đang đứng trước mặt tôi. Và thế là không chịu nổi, tôi bỏ nhà đi lang thang.
- Nghĩa là bác tìm đến rượu để giải sầu chứ gì?
- Đúng thế.
- Bác bỏ nhà đi như thế có lâu không?
- Cũng tùy. Nhiều lần tôi uống rượu đến đồng xu cuối cùng, hoặc trong lúc say tôi gây sự với ai đó hoặc bị ai đó gây chuyện đánh nhau. Cũng có lần thì cơn sầu trôi rất nhanh. Một giấc ngủ ở đồn cảnh sát, hay dưới một cái hố. Tỉnh dậy là tôi đỡ hẳn cơn buồn. Nhưng bao giờ tôi cũng rất giữ phép tắc. Hễ thấy cơn buồn kéo đến thấy phải chơi vài ngày mới khuây khoả, tôi liền đến gặp ngài sĩ quan hoàng thân báo trước:
"Thưa với ngài, xin ngài hãy giữ lấy số tiền của ngài. Tôi sẽ vắng nhà ít bữa".
Chủ tôi thường lặng lẽ cầm lấy tiền, hoặc chỉ hỏi một câu:
“Anh bạn định đi trong mấy ngày?”
Tôi đưa ra một thời hạn mà tôi nghĩ sẽ chơi bởi ngần ấy ngày mới thoả. Trong khi tôi đi vắng, ngài sĩ quan hoàng thân làm mọi công việc thay tôi, và kiên nhẫn chờ đợi. Tôi rất cảm giận cái tật ấy của tôi cho nên tôi định sẽ chỉ đi lần này là lần cuối cùng. Và trong lần ấy tôi sẽ chơi bởi cho đã đời. Nhưng cái chuyến đi ấy, bây giờ nghĩ lại tôi vẫn còn lạnh toát cả người.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 11

CHÚNG tôi đề nghị bác I-van Phli-a-ghin vui lòng kể lại chúng tôi nghe phần cuối cùng của thời gian này trong cuộc đời của bác. Bác vui vẻ nhận lời. Và đây là lời thuật lại chuyển "bỏ đi chơi" cuối cùng của bác.

- Chúng tôi mua được ở trại ngựa một con ngựa cái non tên là Đi-đông, màu hung đỏ chen lẫn ánh vàng, đúng là loại ngựa dành cho sĩ quan. Con ngựa mới đẹp làm sao! Đầu nhỏ xinh xắn, mắt đẹp, lỗ mũi nhỏ và mở rộng dễ thở, bờm mềm mại bay phất phơ, ngực vuông, rất cân đối giữa hai vai, móng tròn, vó chắc nịch, nhanh nhẹn, gót chân màu trắng... Tóm lại nó đẹp đến nỗi bất cứ ai hiểu biết về ngựa đều phải trầm trồ thán phục. Tôi quý nó đến mức suốt ngày quanh quẩn dưới chuồng ngựa, chăm sóc cho nó. Để lau rửa cho nó tôi dùng một chiếc khăn trắng muốt, để không một hạt bụi nào còn vương trên lưng nó được. Chốc chốc tôi lại thơm lên trán nó, đúng vào chỗ xoáy của làn lông màu vàng óng. Lúc bấy giờ có hai chợ phiên cùng mở một lúc, tại thị trấn L. và tại thị trấn K. Thế là chúng tôi chia nhau, chủ tôi và tôi mỗi người đi một chợ phiên. Đột nhiên tôi nhận được thư của chủ tôi, bảo tôi cho người dắt một con ngựa và cả con Đi-đông nữa đến chỗ ngài. Tôi chưa rõ chủ tôi cần con ngựa ấy làm gì, con ngựa mà tôi vô cùng yêu quý. Tôi đoán, rất có thể ngài đã nhận lời bán nó cho ai, hoặc ngài đã đem nó ra đặt và đã thua bạc, mà khả năng sau xem chừng đúng hơn... Sau khi gửi con Đi-đông theo mấy người chăn dắt đi, tôi thấy tinh thần tôi rã rời và tôi lại thấy phải đi đâu cho khuây khoả thêm nữa. Hoàn cảnh của tôi lúc này hơi khác thường. Các ông đã biết rằng, mỗi lần trước khi bỏ đi chơi cho khuây khoả, tôi đều báo trước ngài sĩ quan hoàng thân biết và trao lại cho ngài toàn bộ số tiền mà tôi đang giữ. Đồng thời tôi bảo

"Tôi sẽ đi vắng trong độ gần này ngày"

Nhưng lúc này chủ tôi lại không có nhà.

"Mình sẽ không uống rượu nữa - tôi nghĩ bụng. Bởi vì chủ mình đi vắng,

không có ai trao lại số tiền lúc này khá tròn: hơn năm ngàn rúp".

Tôi quyết định nhịn. Tôi tự đấu tranh rất gay gắt để cưỡng lại nỗi thèm đi chơi cho khuây khoả. Khốn nhưng càng cưỡng cơn thèm càng mãnh liệt. Dần dần đầu óc tôi chỉ nghĩ vào được mỗi một việc: làm cách nào vẫn thỏa mãn được yêu cầu mà vẫn giữ được món tiền của chủ giao cho. Tôi tìm cách giấu nó vào một nơi mà không ai có thể nghĩ đến... "Thôi đành mình đã không thể cưỡng được cơn thèm đi ra ngoài, biết làm sao được. Mình sẽ giấu số tiền ấy thật kín vào một nơi bảo đảm". Tôi tìm được một nơi nhưng vừa giấu xong tôi đã thấy nơi ấy không đủ kín chắc chắn. Tôi lại moi ra giấu chỗ khác. Lúc tôi nhét nó xuống dưới thanh gỗ ở mái hiên, lúc lại chôn xuống dưới góc hầm chứa. Cuối cùng tôi vẫn chưa thấy nơi nào hoàn toàn bảo đảm. Tôi đành tự nhủ: "Nhịn không đi nữa vậy, vì hoàn cảnh không cho phép". Vừa nghĩ thế xong bỗng tôi loé ra một tia sáng: đúng là quý dữ đã mớm cho tôi cái tật xấu khiến tôi băn khoăn đắn đo đến như thế. Cần phải tổng cổ quý dữ ra khỏi đầu óc bằng cách viện ra lòng thương khó. Hôm sau tôi ra nhà thờ dự cầu kinh buổi sáng. Cầu kinh xong tôi thấy người nhẹ nhõm đôi phần. Lúc bước ra khỏi nhà thờ tôi nhìn thấy quang cảnh cuộc phán xét cuối cùng vẽ trên tường và dưới góc hai thiên thần đang dùng xích sắt đánh quý dữ. Tôi đứng lại để cầu nguyện các thiên thần, rồi tôi nhổ nước bọt vào nắm tay, đưa ra dưới cằm của tên quý dữ: "Mày đừng hòng cám dỗ được tao!" Trong lòng đã hoàn toàn thanh thản, tôi trở về nhà, dặn dò công việc cho từng người rồi ra quán uống trà... Trong số khách ngồi trong quán, tôi gặp một thằng cha vô công rồi nghề, một kẻ vô tích sự. Tôi đã gặp thằng cha này mấy lần và vẫn cho hắn là kẻ không ra gì, chẳng hơn bù nhìn hay lang băm, bởi vì hắn chuyên đến các nơi chợ phiên, thấy ai sang trọng là ngỏ lời xin tiền bằng tiếng Pháp. Có lẽ xưa kia hắn đã từng là quý tộc, đã từng là sĩ quan trong quân ngũ, nhưng do rượu chè cờ bạc mà sa sút thành kẻ hành khất. Thấy hắn đến, mọi người đều định tổng hắn ra khỏi cửa, nhưng hắn cãi:

"Các người không biết ta là ai chứ gì? Ta không phải như các người đâu. Ngày trước ta đã từng có bao nhiêu nông nô! Và những kẻ thuộc loại các người, ta đã từng sai kẻ hầu người hạ đem nhốt trong chuồng ngựa và đánh

cho như đòn. Còn như nếu bây giờ ta không còn của cải gì nữa thì đây là ý Chúa. Ta bị Chúa giận. Chứ người trần mắt thịt thì không ai dám đụng vào ta".

Những người ngồi nghe đều không tin và họ phá lên cười, nhưng thằng cha thì cứ huênh hoang về chuyện ngày xưa hăn sống sang trọng ra sao, rằng hăn từng ngồi xe tứ mã, từng tổng cổ tất cả những người dân sự ra khỏi vườn hoa công cộng, thậm chí có lần hăn đã để trần truồng mà đến thăm một vị tổng đốc phu nhân. "Còn bây giờ, hăn nói. - Do những việc làm táo tợn như thế mà ta bị Chúa trừng phạt, thân thể ta cứng lại như đá rồi, cho nên ta phải uống liên tục để làm ruột gan ta mềm ra. Bởi vậy hãy đưa rượu vốt-ca cho ta nào! - Ta không có tiền để trả, nhưng ta lại biểu diễn được trò nuốt mảnh thủy tinh cho các người xem".

Một khách ngồi ăn bảo nhà hàng đem đến cho thằng cha cốc rượu để xem thử hăn nuốt thủy tinh ra làm sao. Đờ lấy cốc vốt-ca, thằng cha tu ngay cạn rồi cho luôn cốc vào miệng nhai vụn thật, sau đó hăn nuốt hết những mảnh thủy tinh vào bụng, khiến mọi người ngạc nhiên và cười phá lên. Nhưng tôi lại thương hại hăn, một quý tộc mà chỉ vì thèm rượu quá, không tiếc gì gan ruột. Tôi nghĩ bụng, phải giúp hăn trong ruột cho khỏi những mảnh thủy tinh kia nằm mãi trong ấy. Thế là tôi bảo nhà hàng lấy một cốc vốt-ca nữa đưa cho hăn, tôi chịu tiền, nhưng tôi không đòi hăn phải nuốt thủy tinh. Tôi bảo: ông không cần nuốt thủy tinh. Hăn lấy làm biết ơn và chìa tay ra cho tôi.

- Chắc anh đã từng làm công cho một gia đình quý tộc nào rồi phải không?

- Đúng.

- Thấy ngay anh không giống bọn ngu xuẩn kia. Gơ-răng mec-xi(1) - hăn nói - về tất cả những chuyện ấy.

Tôi bảo:

- Có gì đâu.

- Không, hăn nói. - Ta rất vui được trò chuyện với anh. Lại đây ngồi. Ta muốn ngồi cạnh anh.

- Cũng được. Ông ngồi xuống đây.

Hăn ngồi xuống bên cạnh tôi và bắt đầu ba hoa về chuyện hăn thuộc dòng

dồi cao quý ra sao, được hưởng một nền giáo dục thế nào. Hắn lại nói:

- Sao thế này? Anh uống trà à?

- Đúng thế. Ông có muốn uống trà với tôi không?

- Cảm ơn, - hắn đáp. - Nhưng ta không thể uống trà được.

- Tại sao?

- Tại vì, - hắn đáp. - Cái đầu ta không phải đầu trà mà là đầu chán ngán: tốt hơn hết là anh cho ta thêm một cốc rượu nữa!... - Cứ thế hắn xin tôi liền mấy cốc rượu nữa khiến tôi đâm ngán thẳng cha. Tôi ghét hắn thêm ở một điểm là hắn nói chẳng câu nào thật, toàn huênh hoang khoác lác, hết khoe mẽ lại khóc nức nở và toàn những điều tận đầu tận đuôi.

- Anh cho ta là người thế nào? - Hắn nói. - Chúa cho ta ra đời cùng một năm với đức vua, cho nên ta đồng tuế với Hoàng thượng đấy.

- Thế thì có gì lạ?

- Lại không lạ ư? Đồng tuế với đức Vua mà ta thì khổn khổ thế này. Anh chẳng vừa thấy đấy ư, mọi người đều khinh ta. - Nói đến đây hắn ta lại xin rượu. Lần này không phải một vài cốc mà cả một hũ. Vừa uống hắn vừa kể khách khứa cái quán khinh rẻ hắn đến mức nào, họ cười giễu hắn. Cuối cùng hắn nói:

- Chúng nó là quân vô học, chúng tưởng chuyện uống rượu xong lại nhai và nuốt luôn cốc là dễ dàng lắm đấy. Khó vô cùng, anh bạn ạ. Nhiều kẻ không thể làm được như ta ấy chứ. Nhưng ta đã mất bao nhiêu công phu rèn luyện, bởi vì ta nghĩ, số kiếp ta đã xuống đến mức nào thì phải cố gắng thôi.

- Việc gì phải thế, - tôi lý lẽ. - Việc gì phải tạo nên cái thói quen ấy chứ? Ông bỏ cái thói ấy đi.

- Bỏ ư? - Hắn đáp. - Anh bạn ơi, ta không thể bỏ được.

- Tại sao? - Tôi hỏi. - Tại sao không thể bỏ được?

- Vì hai nguyên nhân: thứ nhất là nếu không nốc rượu, ta không thể ngủ được mà đành lang thang hết nơi này đến nơi khác. Thứ hai và đây mới là nguyên nhân chính, lòng kính Chúa không cho phép ta bỏ.

- Sao lại thế được nhỉ? - tôi hỏi. Tôi hiểu rằng ông lên giường mà không thể nhắm mắt được chỉ vì ông thèm rượu. Nhưng tôi không thể tin rằng do lòng

kính Chúa mà ông không thể bỏ được cái tật xấu ấy

- Anh không tin chứ gì... Mọi người ai cũng bảo như thế. Nhưng anh thử hình dung xem, ta mà bỏ tật nghiện rượu đi thì thế nào cũng lại sẽ có kẻ đón lấy và anh tưởng thằng cha nào đó kia sẽ sung sướng đấy hẳn?

- Tất nhiên là cái người ấy chẳng sung sướng gì. Bởi vì Chúa đâu có yêu quý kẻ nghiện ngập.

- Ấy đấy! Chính vì như thế đấy. Số kiếp ta đã như vậy thì đành chịu để kẻ khác khỏi khổ thay cho ta. Vì vậy anh nên kính trọng ta. Tốt nhất hãy bảo chủ quán cho ta thêm một hũ nữa!

Tôi gọi hũ nữa và ngồi nghe ông ta kể lể. Tôi đã bắt đầu thấy thú con người này. Ông ta nói tiếp:

- Nỗi đau khổ này ta thà chịu cho đến hết đời còn hơn truyền cho kẻ nào khác. Bởi vì ta thuộc dòng dõi quý tộc, ta được học hành tử tế. Ngay từ khi còn nhỏ xíu ta đã đọc Kinh bằng tiếng Pháp. Nhưng ta đã phũ phàng, ta đã hành hạ nhiều người, ta đã đánh bạc thua sạch cả nông nô, ta đã bắt bao nhiêu người mẹ phải xa lìa con cái họ. Ta đã lấy một cô vợ giàu có nhưng lại làm nàng buồn rầu mà chết. Sau hết, chính ta là kẻ có tội. Ta đã dám cả gan oán trách Chúa trời ban cho ta tính nết hư hỏng ấy. Chúa đã trừng phạt ta bằng cách ban cho ta một thói xấu khác. Ta sẵn sàng để kẻ khác nhổ nước bọt vào mặt chỉ cốt sao được say sưa quên cả trời đất.

Tôi hỏi ông ta:

- Thế cái thói xấu ấy ông không ghê tởm ư?

- Không. Bởi vì ta càng xấu xa càng nhục nhã càng tốt.

- Sao lại thế? Ông nói gì tôi không hiểu.

- Từ ngày đó, ta nhận ra rằng ta tự huỷ hoại cuộc đời mình còn hơn làm khổ người khác, bởi vì do ta xấu xa mà tất cả mọi người đều lánh xa ta. Bây giờ ta giống như thánh Giôp trên đồng rác rưởi bẩn(2). Đây chính là hạnh phúc mà cũng là cứu cánh của ta.

Hắn ta nốc cạn hũ rượu, đòi thêm hũ nữa rồi lại nói tiếp.

- Ta khuyên anh bạn trẻ một câu: đừng bao giờ khinh rẻ người khác, bởi vì chúng ta không bao giờ hiểu được người phải chịu đau khổ đến mức nào về cái thói tật mà họ không thể bỏ đi được. Cánh ta chẳng hạn, cánh ta mê say

thứ này thứ khác, chính vì cánh ta chịu nhận nỗi đau khổ về mình để tránh cho kẻ khác. Nếu anh bị một niềm si mê xấu xa nào hành hạ thì ta khuyên anh đừng tự ý bỏ thói tật ấy đi, bởi vì làm như thế sẽ có kẻ khác nhặt lấy nó và hẳn ta sẽ bị thói tật kia hành hạ. Còn nếu trường hợp anh bị mắc thì hãy tìm một người nào đó vui lòng nhận đỡ hộ anh thói tật ấy.

- Nhưng tôi tìm đâu ra một người như thế? Ai chịu nhận cái tật xấu ấy thay tôi?

- Chịu chứ! Anh chẳng cần tìm đâu xa: người ấy đang ở trước mặt anh đấy. Chính là ta chứ còn ai!

- Ông giễu tôi đấy hử?

Hắn ta đứng phắt dậy đáp:

- Không đâu. Ta nói nghiêm chỉnh. Nếu anh không tin thì hãy thử mà xem.

- Thử cách nào?

- Rất đơn giản: anh muốn biết tài của ta không? Ta có một cái tài kỳ lạ. Anh thấy ta đang say chứ gì?

Tôi nhìn hắn. Mặt thẳng cha tái nhợt, đờ đẫn, hai chân hắn chệnh choạng.

- Đúng. Ông đang rất say.

Hắn bèn đáp:

- Anh hãy đến trước bàn thờ và nhẩm một câu Kinh Đức thánh Cha.

Tôi làm theo lời hắn nói, mắt ngược nhìn tượng Thánh. Thẳng cha con giới kia bèn nói như ra lệnh:

- Quay mặt lại đây và thử nhìn xem ta có còn say nữa hay không?

Tôi quay mặt lại thì lạ chưa, thẳng cha tươi tắn đang mỉm cười như hắn chưa hề uống một hớp rượu nào.

- Bí quyết của ông thế nào đấy?

- Không phải bí quyết mà cái đó gọi bằng sự thôi miên.

- Tôi không hiểu cái từ ấy nghĩa là gì.

- Đó là sức mạnh ý chí chỉ một số người có, chống lại được tác động của rượu cũng như của giấc ngủ. Đây là một cái tài. Ta trở anh xem, để anh thấy bất cứ lúc nào ta muốn bỏ rượu cũng được hết. Có điều ta không bỏ vì sợ một kẻ nào khác sẽ tiếp nhận cái thói tật ấy ở ta. Còn ta thì nếu cai rượu, ta sẽ không còn tin vào Chúa nữa. Thế nhưng đối với người khác thì ta sẵn

sàng giúp họ bỏ rượu.

- Vậy ông làm ơn giúp tôi.

- Cậu nghiện à?

- Vâng, đôi khi tôi thèm rượu và uống không còn biết trời đất là gì nữa.

- Dễ thôi, với lại ta cũng muốn đền ơn cậu đã cho ta uống từ nãy đến giờ. - Nói xong hắn lại đòi tôi lấy thêm một chai rượu vốt-ca và hai chiếc cốc.

Tôi hỏi:

- Sao lại hai chiếc?

- Ta với cậu mà lại.

- Nhưng tôi không muốn uống rượu nữa.

Thằng cha làm bộ giận và thét lên:

- Im! Xi-lăng-xơ(3)! Cậu là gì lúc này? Là một bệnh nhân.

- Ông nói thế cũng được.

- Và ta là thầy thuốc. Cậu phải thực hiện mọi điều ta ra lệnh và cậu hãy dùng bài thuốc này đi - Vừa nói hắn vừa rót đầy hai cốc, rồi múa may hai bàn tay trên chiếc cốc của tôi như ông nhạc trưởng đánh nhịp ở nhà thờ vậy.

Múa may một lúc xong, hắn ra lệnh:

- Uống! Tôi vẫn còn nghi ngại, nhưng vì cũng đã thấy thèm rượu, nói đúng hơn, tôi nghĩ trong bụng: "Cứ thử xem thằng cha đó làm cái trò gì?", Và nốc cạn luôn một hơi.

- Rượu ngon hay không ngon? - Hắn hỏi.

- Tôi cũng không biết nữa.

- Như thế nghĩa là cậu uống chưa đủ độ.

Hắn rót cho tôi thêm cốc nữa rồi lại múa may lên trên như lúc nãy. Sau khi tôi xuống xong, hắn lại hỏi: "Cốc này thì thế nào?"

Tôi nói đùa:

- Cốc này tôi thấy hơi nặng.

Thằng cha gật đầu, rót thêm cốc nữa rồi bảo tôi uống. Tôi làm theo và nói:

- Cốc này nhẹ hơn. - Sau đấy tôi vỗ vào bình gọi người hầu bàn lấy thêm hũ nữa, rồi tôi tự tay rót và uống liền mấy cốc. Thằng cha không phản đối, nhưng khi tôi đưa tay định nhắc chiếc cốc của tôi lên thì hắn ngăn lại, nói:

- Im! Khoan đã! At-tăng-đê!(4) - Hẳn lại múa may bàn tay như là phép giống lúc trước rồi nói:

- Thế là xong. Bây giờ cậu có thể uống thuốc theo đơn bác sĩ được rồi.

Tôi chữa bệnh theo kiểu ấy, với thằng cha thấp bé kia ngay trong quán cho đến tận buổi tối, không hề bán khoản gì, bởi vì đây là tôi uống rượu để chữa bệnh kia mà, chứ không phải uống theo kiểu hư hỏng. Tôi nắn lại gói tiền nhét trong lớp áo sơ-mi xem còn nguyên vẹn không, rồi lại chữa bệnh tiếp.

Trong lúc ấy thằng cha kể tôi nghe những cuộc tình ái của hẳn rồi cuối cùng hẳn chê tôi là dốt không hiểu thế nào là tình yêu.

Tôi cãi:

- Tại sao ông lại chê tôi, nếu như những cái trò vớ vẩn ấy chẳng làm tôi thích thú? Ngay như ông, cái gì ông cũng hiểu, cũng biết, vậy mà ông vẫn chỉ là một thằng nghèo túng rách rưới đấy thôi.

Thế là hẳn bảo:

- Im! Tình ái là chuyện thiêng liêng!

- Chà ngu xuẩn thì có.

- Cậu quê lắm và dốt nữa, nếu như cậu dám giễu cợt một thứ tình cảm thiêng liêng, cao đẹp đến như thế và dám bảo đó là trò ngu xuẩn.

- Nhưng đấy cũng vẫn là trò ngu xuẩn.

- Nhưng cậu có hiểu "sắc đẹp, sự hoàn mỹ của tạo hoá" là cái gì không đã?

- Hiểu chứ, nếu ông định nói đến sắc đẹp của giống ngựa.

Hẳn chồm lên và như định đâm cho tôi một quả vào giữa mặt.

- Ngựa sao gọi là sắc đẹp, là sự hoàn mỹ của tạo hóa được?

Nhưng vì đêm đã khuya nên thằng cha không có đủ thời giờ chứng minh cho tôi thấy điều đó. Lão chủ quán thấy hai chúng tôi đã say khướt, bèn đưa mắt cho mấy thằng cha hầu bàn có sáu đứa cả thấy. Chúng cặp tay vào nách chúng tôi rồi lôi ra ngoài đường. Sau đó chúng đóng cửa quán lại, khóa chặt để dọn hàng nghỉ. Và thế là bắt đầu cái chuyện kỳ quái đến mức, mãi bây giờ tôi vẫn chưa giải thích được, mặc dù đã bao nhiêu năm trôi qua. Nhưng tôi vẫn tin rằng những sự cảm dỗ và những bất hạnh mà tôi phải chịu buổi tối hôm đó, còn dữ dội hơn cả những cảm dỗ và bất hạnh được

miêu tả trong cuốn "Sự tích các vị Thánh".

Chú thích:

1) *Rất cảm ơn (tiếng Pháp) N.D.*

2) *Theo Kinh thánh, Chúa thử thách đức tin của Thánh Giôp đã làm cho vị này mất vợ, mất con, mất cả gia sản trở thành tàn tật, phải rời khỏi nơi sinh sống và ngồi trong chỗ đất cát như bầy. N.D.*

3) *Im! (tiếng Pháp) N.D.*

4) *Khoan đã (tiếng Pháp) N.D.*

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 12

SAU khi bị tổng cổ ra ngoài đường, việc đầu tiên của tôi là thò tay vào trong lần áo sơ mi xem thử ví đựng tiền còn nguyên vẹn hay không. Nguyên vẹn "bây giờ, - tôi nghĩ bụng. - Phải đem đầy đủ số tiền này về nhà thôi". Đêm nay sao tối trời đến thế, tối đến mức không thể tưởng tượng nổi. Các ông biết không, vùng Cuốc-xơ chúng tôi về mùa hè có những đêm rất tối trời, nhưng ấm áp và dễ chịu: những vì sao nhấp nháy trên trời như những ngọn đèn, nhưng dưới đất thì tối đến nỗi luôn có cảm giác như một kẻ nào đó đang lần tìm mình vậy... Chợ phiên lại là nơi không bao giờ thiếu những kẻ lưu manh, chúng sẵn sàng trấn lột hoặc giết người cướp của. Tôi tuy rất khoẻ, nhưng vì biết mình đang say rượu, tôi vẫn nhảm tính, nếu chúng kéo đến độ chực thẳng thì tôi sẽ bị lột trần. Với lại mặc dù say, tôi vẫn nhớ rằng trước mặt thẳng cha kia tôi đã lôi cái ví ra hàng bao nhiêu lần và đã để hẳn thấy tôi mang theo nhiều tiền đến mức nào. Tôi chợt nghĩ, rất có thể thẳng cha đang tính kế đưa tôi vào tròng. Mà hiện giờ hẳn đang ở đâu nhỉ, thẳng cha quý tộc róm ấy? Lúc bị tổng cổ ra khỏi quán, hai thẳng còn đi cùng với nhau, bây giờ hẳn bỗng biến đâu mất tăm. Tôi ngó kỹ xung quanh và vì không biết tên thẳng cha tôi đành gọi tạm, rất khê:

- Ông thôi miên đâu rồi?

Hắn đột nhiên hiện ra trước mặt tôi như một kẻ quỷ dữ.

- Ta đây.

Giọng hắn khác hẳn, và trong đêm tối hình như mặt mũi hắn cũng biến đổi.

- Lại đây, - tôi nói.

Khi hắn đến gần tôi giữ hai vai hắn rồi ngấm ngấm hắn nhưng vẫn chưa hoàn toàn yên tâm rằng đấy chính là hắn. Và mới đụng vào người tôi đã cảm thấy như mình không còn nhớ được cái gì nữa. Tôi chỉ nghe thấy hắn lắp bắp bằng tiếng Pháp: "đi ca-ti-li-ca-ti-pe" và tôi chẳng hiểu hắn định

bảo gì.

- Ông lặp bập cái gì thế? - Tôi hỏi.

Nhưng hắn lặp lại vẫn bằng tiếng Pháp:

- Đi-ca-ti-li-ca-ti-pe.

- Thôi đi. - Tôi bảo hắn: - Đồ ngu! Hãy nói bằng tiếng Nga ông là ai, bởi vì tôi quên mất ông là ai rồi.

Hắn đáp:

- Đi-ca-ti-li-ca-ti-pe: ta là nhà thôi miên.

- Ái chà! Ông đùa rồn đấy hắn? - Và trong phút chốc bỗng tôi cảm thấy dường như nhận ra chính hắn nhưng tôi vẫn nhìn kỹ vào mặt hắn và tôi thấy hắn có hai cái mũi! . . . hai cái mũi, đúng như thế. Tôi mãi suy nghĩ về cái điều mới mẻ này và lại quên bằng mất hắn là ai...

"Quân khốn kiếp. - Tôi nghĩ bụng. - Mày là con quỷ ở đâu đến ám ảnh ta thế này? - Rồi tôi lại hỏi:

- Ông là ai?

Hắn lại đáp:

- Nhà thôi miên.

- Thôi đi, - tôi nói. - Hay ông là quỷ dữ?

- Cũng gần đúng, - hắn nói. - Cậu nói có phần đúng đấy.

Tôi đâm một quả vào giữa trán hắn. Hắn tức giận, bảo:

- Ta làm gì mà cậu đánh ta? Ta giúp đỡ cậu, ta chữa cho cậu khỏi bệnh thèm rượu mà sao cậu lại đánh ta?

Nhưng khốn nỗi, không hiểu sao tôi vẫn chưa nhớ ra được hắn là ai?

- Nhưng ông là ai?

Thằng cha đáp:

- Bạn chung thủy của cậu.

- Thôi được! Nhưng nếu thế ông rất có thể làm hại tôi được chứ?

- Không, ta chỉ giới thiệu với cậu một trong những thứ "pơ-ti-com pơ"(1) để cậu cảm thấy cậu thành một người khác.

- Tôi xin ông, - tôi nói. - Đừng khoác lác nữa.

- Ta nói thật đấy, một trong những thứ pơ-ti-com pơ...

- Thôi đi! Ông nói tiếng Pháp tôi chẳng hiểu gì hết. Pơ-ti-com pơ là cái gì?

- Ta sẽ giúp cậu có một nhận thức mới về cuộc đời.
- Nhưng ông làm thế nào để tôi có nhận thức mới được?
- Ta sẽ làm cậu hiểu được giá trị của một nhan sắc, thấy được sự hoàn mỹ của tạo hoá.
- Làm cách nào mà tôi lại thấy được vẻ hoàn mỹ nhỉ?
- Cậu hãy đi với ta, - hăn nói. - Rồi cậu sẽ thấy.
- Thì đi!

Tôi đi với hăn. Hai đứa chân nam đá chân chiêu, nhưng vẫn lê bước được. Tôi chẳng biết hăn dẫn mình đi đâu. Và đột nhiên tôi lại quên băng hăn là ai. Tôi lại hỏi:

- Đứng lại đã! Mà ông là ai nhỉ? Ông không nói tôi sẽ không đi với ông nữa.

Hăn trả lời và trong khoảnh khắc tôi lại nhớ ra và tôi hỏi:

- Tại sao cứ chốc chốc tôi lại quên mất ông là ai nhỉ?

Hăn đáp:

- Đây là do tác động sự thôi miên của ta. Nhưng cậu đừng sợ. Lát nữa sẽ hết thôi. Còn bây giờ cậu hãy để ta thôi miên cho cậu thêm chút nữa.

Nói xong, hăn quay người tôi để hăn đứng đằng sau lưng tôi và hăn bắt đầu ấn những ngón tay vào gáy tôi, như thể hăn muốn thọc vào tận trong óc tôi.

Tôi bảo:

- Này, ông là ai? Và ông thọc tay vào mái tóc tôi để tìm cái gì vậy?
- Im! - Hăn đáp. - Ta làm thế để truyền cho cậu nam châm, để cậu có được một ít sức mạnh thôi miên của ta.
- Cũng được, - tôi nói - Nhưng ông không định ăn cướp tiền bạc của tôi đấy chứ?

Hăn chối ngay.

- Thôi được, để tôi soát lại tiền đã.

Tôi nắn thử, vẫn thấy còn nguyên.

- Bây giờ thì tôi tin ông là người lương thiện rồi. - Nhưng liền sau đấy tôi lại quên băng, không nhớ hăn là ai và cũng không nhớ đến chuyện hỏi hăn mà chỉ cảm thấy rằng hình như hăn đã chui sau gáy tôi vào đầu và bây giờ hăn đang nhìn ra ngoài bằng cặp mắt của tôi, cặp mắt lúc này chỉ còn như

hai hòn bi thủy tinh.

"Chà, hẳn ta làm cho mình thành như thế đấy - tôi nghĩ bụng".

- Nhưng bây giờ mắt tôi đâu rồi?

- Bây giờ cậu không còn mắt nữa, cậu không nhìn thấy gì nữa mà là ta nhìn.

- Sao lại không còn mắt của tôi được?

- Còn, - hẳn trả lời. - Nhưng cậu không nhìn thấy gì nữa.

- Đúng là phép lạ rồi! Nào, tôi thử cố nhìn xem sao.

Tôi cố trợn mắt lên, nhưng chỉ nhìn thấy khắp các phía những bộ mặt quái đản đang nhìn tôi, những cái chân chạy ngang đường chặn tôi lại rồi những kẻ nào đó đứng ở ngã tư đón tôi. Chúng bảo nhau: "Giết thẳng này đi và cướp hết tiền bạc của nó!". Rồi tôi lại nhìn thấy thẳng cha quý tộc phá sản kia, lúc này ánh sáng chiếu thẳng vào mặt hẳn. Và tôi nghe thấy sau lưng tôi những tiếng ồn ào, tiếng cười nói. Tôi quay mặt lại và chợt thấy tôi đang đứng tựa lưng vào một bức tường nhà. Các cửa sổ đều mở rộng. Trong nhà đèn thấp sáng choang. Tiếng cười nói từ trong ấy đưa ra, cả tiếng đàn ghi-ta náo nức. Trước mặt tôi, thẳng cha lúc này đang múa hai bàn tay trước mặt tôi, rồi lại đưa tay xoa ngực tôi dừng lại chỗ trái tim tôi. Hẳn cầm lấy các ngón tay tôi lắc và thấy rõ hẳn làm cũng khá vất vả bởi vì lát sau, tôi thấy trán hẳn đầm mồ hôi.

Nhưng vừa lúc ấy, ánh đèn trong nhà bỗng chiếu thẳng vào mặt tôi, tôi như tỉnh lại không thấy sợ hãi nữa và tôi bảo hẳn:

- Này ông bạn, dù ông có là ma vương quỷ sứ hay chỉ là tên ác thần nhỏ mọn thì hãy làm ơn giúp tôi, một là đánh thức tôi dậy, hai là cùng ngủ thiếp đi với tôi.

Nhưng hẳn đáp:

- Khoan đã. Lúc này chưa được, bây giờ mà anh tỉnh thì rất nguy hiểm. Anh không chịu nổi đâu.

Tôi hỏi:

- Chịu nổi cái gì?

- Chịu nổi những chuyện sắp xảy ra trên không trung.

- Sao tôi không nghe thấy gì hết?

Nhưng hắn cắt nghĩa cho tôi rằng, tôi không biết cách nghe, rồi hắn nói với tôi giọng như của thần thánh:

- Người muốn nghe, thì lúc này phải bắt chước người nghệ sĩ chơi đàn, đầu cúi xuống, thả hết tâm hồn vào những âm thanh trong khi các ngón tay lướt trên các phím.

"Sao lại thế được nhỉ - tôi nghĩ bụng. - Lời lẽ của thằng cha không có vẻ của người say rượu!"

Nhưng hắn vẫn xoa hai bàn tay trên mặt tôi, và vẫn tiếp tục nói với cái giọng như trước.

- Những sợi dây được gảy bằng bàn tay thần kỳ đang vang lên những âm thanh thánh thót khiến người nghệ sĩ say sưa. Những lời lẽ của thằng cha làm tôi kinh ngạc. Giọng của hắn du dương như tiếng suối róc rách khiến tôi nghĩ: "Thằng cha nói hay quá, không khác gì lời lẽ của thần tiên!". Đúng lúc ấy hắn thôi không múa may nữa mà bảo tôi:

- Đủ rồi đấy. Cậu hãy tỉnh lại đi và hãy lấy lại sức lực (chỗ này chắc in thiếu) tìm thứ gì đó, lôi ra. Tôi nhìn thì ra là một miếng đường lấm láp. Thằng cha lấy móng tay cạo đi những rác rưởi bám trên miếng đường, thổi một cái rồi bảo tôi:

- Há miệng ra!

Tôi hỏi:

- Để làm gì? - Nhưng vẫn há mồm. Thằng cha nhét miếng đường vào miệng tôi rồi bảo:

- Ngậm rồi ăn đi. Đừng sợ. Đây là miếng kẹo bạc hà có chất nam châm giúp anh lấy lại sức.

Tôi biết hắn nói những từ tiếng Pháp, bởi vì nam châm là cái gì tôi không hiểu nhưng bây giờ tôi không hỏi nữa mà chỉ ngậm rồi nuốt. Và lúc này tôi cũng chẳng cần biết hắn là ai. Hắn lui vào bóng tối. Chẳng biết hắn đi đâu. Nhưng còn lại một mình, tôi cố trấn tĩnh lại và nghĩ: Sao lại cứ phải chờ hắn nhỉ? Mình phải vào cái nhà kia xem sao chứ? Khốn nhưng tôi lại băn khoăn, không biết mình đang ở phố nào, cái nhà kia là nhà gì. Thậm chí tôi còn nghĩ, liệu đây có phải nhà thật hay chỉ là mình hoang tưởng... bởi vì bây giờ là nửa đêm, mọi người đều ngủ, sao lại có nhà nào còn sáng đèn thế

kia được?... Nhưng có lẽ tốt nhất là ta cứ thử ngó vào xem đấy là nhà gì... Nếu thấy người thật thì ta hỏi thăm đường về nhà. Còn nếu đấy chỉ là ảo ảnh chứ không phải người thật thì cũng có sao? Ta sẽ biết đây chỉ là nơi hoang vu và mọi ảo ảnh sẽ tan biến, lo gì.

Chú thích:

1) *Một chút (tiếng Pháp) N.D.*

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 13

TÔI mạnh dạn bước lên bậc thềm, rồi làm dấu thánh và đọc câu cầu nguyện, nhưng tôi chẳng thấy gì lạ: đúng là nhà thật. Tôi nhìn thấy cánh cửa mở rộng, phía trước nhà là một hành lang rộng chạy dài, cuối hành lang treo một ngọn đèn lồng. Tôi quay sang bên trái thấy hai cái cửa nữa, đều che màn kín, trên cũng treo hai cái đèn lồng trong thấp nển như thế và hai ngôi sao bằng gương. Tôi nghĩ bụng đây là nhà gì nhỉ, quán rượu thì không phải nhưng rõ ràng là nơi để tiếp khách hàng. Chịu, tôi không sao hiểu nổi. Đột nhiên tôi lắng tai và nghe thấy từ phía sau màn vắng ra một tiếng hát trầm bổng... Bài hát tha thiết, náo nùng, giọng người hát trong và ấm áp, như xuyên thấu tận đáy lòng. Tôi đứng lặng đi mà nghe, chân không bước thêm nữa. Vừa lúc ấy cánh cửa phía xa bỗng mở ra. Một gã Di-gan cao lớn, mặc quần lụa và áo dài nhung đưa tiễn một người nào đó ở phla sau, cái cửa mà lúc trước tôi không để ý thấy. Thật ra tôi không nhìn thấy chính xác gã tiễn ai. Nhưng tôi có cảm tưởng như người ấy chính là thằng cha nhà thôi miên của tôi. Lúc ra đến cái cửa nhỏ phía sau, gã Di-gan tạm biệt người kia và nói:

-Ông đừng giận. Hãy cầm tạm năm mươi xu này rồi sáng mai lại đến. Nếu như chúng tôi được lời nhiều về ông kia thì chúng tôi sẽ trả thêm ông tiền công dẫn khách.

Sau khi đóng cửa ấy, gã Di-gan như thản nhiên đến mở cái cửa trên có ngôi sao bằng gương bên cạnh tôi rồi nói:

- Xin mời quý khách vào nghe chúng tôi hát. Sẽ còn có nhiều giọng hay nữa.

Nói xong, gã mở toang cửa ra... Thừa các ông, lúc ấy không hiểu do một tiếng nói gì rất thân thuộc khích lệ mà tôi đưa chân không hay biết gì nữa. Lát sau tôi đã thấy mình ở giữa nhà. Gian phòng rộng rãi nhưng thấp, trần vồng xuống. Mọi thứ ở đây đều xám xịt đen đui và bao phủ một làn khói

thuốc lá dày đặc, đến nỗi ngọn đèn trên trần cũng chỉ tỏa sáng mờ mờ. Bên dưới trong làn sương mờ đặc sệt ấy có rất nhiều người... và một đứa con gái Di-gan đang hát bằng cái giọng mà lúc này tôi đã nghe thấy. Lúc tôi bước vào, cô gái đang hát câu cuối cùng ngọt ngào, tha thiết và sau đấy giọng hát nhỏ dần rồi tan biến đi đâu mất... Cả gian phòng đều như chết lặng đi cùng với giọng hát của cô ta... Nhưng chỉ lát sau, tất cả mọi người như vùng dậy và tiếng vỗ tay vang lên như sấm. Đồng thời họ hét lên ầm ĩ. Bản thân tôi vẫn còn đang ngơ ngác: sao lắm người thế và sao khói cứ mỗi lúc tuôn ra dày đặc thêm? Phải chăng đây chỉ là một ảo ảnh? Nhưng rồi tôi lại bắt gặp một vài nét mặt quen thuộc, những sĩ quan, những chủ trại nuôi ngựa, những thương gia giàu có và những vị quý tộc say mê ngựa. Và một cô gái Di-gan đang bước chân giữa những khách khứa ấy... Thật khó tả cô ta, bởi vì cô không có vẻ một con người, mà giống như một con rắn có màu da sặc sỡ đang uốn lượn, đầu vươn lên cao, chỉ có cái đuôi chạm dưới đất, hai mắt đen láy đang bắn ra những tia lửa. Đúng là một con người kỳ dị. Cô ta bưng một chiếc khay để rất nhiều cốc sâm-banh bên rìa, còn ở giữa là một đồng tiền. Không phải tiền thường mà là tiền vàng và đủ loại tiền giấy: mười rúp màu xanh, năm rúp màu tro, hai mươi lăm rúp màu đỏ, chỉ còn thiếu có tờ một trăm rúp màu trắng vẽ con thiên nga nữa thôi. Cô gái Di-gan bưng đến trước mặt ai, thì người ấy đỡ lấy cốc rượu uống một hơi cạn, trả cốc rượu lại lên khay, rồi tùy mức độ cuồng nhiệt quăng lên đấy hoặc tiền vàng hoặc tiền giấy. Cô gái hôn lên môi khách rồi cúi đầu tỏ vẻ cảm ơn. Cô gái đã mời khắp lượt dây thứ nhất, bắt đầu sang dây thứ hai, bởi vì khách ngồi theo lối vòng cung. Rồi hết dây thứ hai cô ta định quay trở lại dây thứ nhất, không hề mời tôi bởi vì tôi đứng cuối cùng ở phía sau. Nhưng lão Di-gan già đi sau cô ta bỗng hét lên:

- Gru-sơ-ca! - rồi đưa mắt về phía tôi. Cô gái Di-gan rướn cặp lông mày về phía lão già... Chao ôi, hàng lông mi của cô gái mới dài làm sao và đen nhánh, như thể bản thân chúng cũng có cuộc sống riêng, giống như những con chim nào đó đang vẫy cánh. Tôi thấy rõ khi nghe lão già ra lệnh, cô gái bực tức. Có lẽ cô không bao giờ bị ai sai phái điều gì, nhưng rồi cô vẫn thi hành mệnh lệnh. Cô lách đến gần tôi ở dây cuối cùng và nói:

- Xin mời quý khách hãy cạn chén chúc sức khoẻ cho em!

Tôi không đáp được một đời nào. Cô ta đã khiến tôi biến thành pho tượng. Cô ta bưng cái khay, vừa mới đứng lại trước mặt tôi khẽ nghiêng người, và tôi nhìn thấy giữa hai mái tóc đen nhánh, một đường ngôi trắng như bạc chạy xuống dưới gáy. Tôi bỗng sững người lại và óc tôi như mụ đi, tôi không còn nghĩ được gì nữa. Tôi nhắc cốc rượu, và trong khi uống, tôi nhìn qua chiếc cốc vào khuôn mặt của cô gái Di-gan. Không còn biết da cô trắng hay đen nữa. Đồng thời tôi nhận thấy bên trong lớp da mỏng, giống như bên dưới lớp vỏ quả mận chín khi soi lên nàng, một màu đỏ ửng và mạch máu trên thái dương mịn màng của cô khẽ đập... “Chà! - Tôi thầm nghĩ. – Đây mới đích thực là sắc đẹp, là sự hoàn mỹ của Tạo hoá. Thằng cha thôi miên đã nói đúng. Không thể so thứ này với vẻ đẹp của loài ngựa và thứ súc vật dùng để mua bán”.

Tôi đã uống cạn và đặt cốc xuống khay, nhưng cô gái vẫn đứng nguyên đây, chờ xem tôi ban cho cô cái gì để cô có lý do hôn tôi. Tôi vội vã thọc tay vào túi nhưng trong túi tôi chỉ có những đồng hai hào, năm hào, nói chung là ít tiền lẻ để tiêu vật. Ít quá, tôi nghĩ. Những đồng tiền hào ấy không xứng đáng với một cô gái đẹp như thế kia . Và tôi cũng xấu hổ với những người có mặt nữa. Thế rồi các ông ạ, tôi nghe thấy tiếng ai nói với lão già Di-gan, giọng nói cũng khá to:

- Bác Va-xi-li, sao bác lại bắt cô Gru-sơ-ca tiếp rượu thằng cha quê mùa ấy. Bác khinh thường chúng tôi quá đấy.

Và lão già đáp:

- Thừa các ngài, chúng tôi trân trọng tất cả mọi vị khách vào đây và con gái tôi đã biết tục lệ của cha ông. Chuyện này không có gì đáng cho các ngài phải phiền lòng, bởi vì các ngài vẫn chưa biết được một người dân thường nhiều khi cũng biết đánh giá rất cao sắc đẹp và tài năng. Chúng tôi cũng như các ngài từng chứng kiến những trường hợp như thế.

Trong khi nghe những lời ấy, tôi thầm nghĩ.

“Quân khốn nạn! Các mi tưởng cứ giàu tiền là tâm hồn tinh tế đấy hử? Các mi tưởng các mi biết thưởng thức hơn ta ư? Món nợ ta sẽ trả ngài sĩ quan hoàng thân chủ của ta sau. Nhưng lúc này ta sẽ không chịu để các mi

khinh thường ta vì thấy ta bủn xỉn và đánh giá thấp một sắc đẹp kỳ diệu như vậy".

Thế là tôi thọc bàn tay vào dưới lần áo sơ mi, lôi ra một tờ trắng vẽ hình thiên nga một trăm rúp, ném lên khay. Cô gái Di-gan chuyển chiếc khay sang một tay rồi tay kia lau sạch cặp môi bằng một chiếc khăn trắng như tuyết, áp lên môi tôi một cái hôn có sức tác động khủng khiếp như một giọt thuốc độc. Sau đấy cô đi ra.

Tôi vẫn còn đứng ở chỗ ấy nếu như lão già cha cô gái và một gã Di-gan khác không xốc nách tôi, dẫn lên đặt tôi ngồi vào hàng ghế trên cùng, bên cạnh ngài quận trưởng cảnh sát và những ngài quý tộc oai vệ khác.

Phải thú thật rằng tôi không thích gì ngồi đấy. Lúc này tôi rất muốn ra khỏi đây, nhưng đám Di-gan níu tôi lại, chúng cuống quýt gọi cô gái:

- Gru-sơ-ca! Ra tiếp vị khách quý của chúng ta đi.

Nàng tiến lên và... Chao ời, nếu như các ông được nhìn thấy cặp mắt. Chỉ cần chúng nhìn ông nào là ông ấy phát điên ngay lập tức.

- Chàng hãy ngồi vào chỗ này, - nàng nói. – Nếu như chàng không muốn làm phật lòng chúng em.

- Làm cô phật lòng ư? Không đời nào tôi lại thế. Tôi xin ngồi xuống ngay.

Cô gái lại hôn lên môi tôi lần nữa, và lần này tôi cũng lại cảm giác thấy đúng như lần trước: một giọt thuốc độc đã ngấm vào tận trái tim tôi.

Sau đấy cuộc vui tiếp tục, lại hát lại nhảy, và một cô gái Di-gan khác bưng khay đến, lần lượt mời tất cả mọi người. Cô gái này cũng đẹp, nhưng không thể sánh được với Gru-sơ-ca. Thất vọng, tôi quăng một nắm tiền lẻ lên khay. Các vị khách cười khẩy, nhưng tôi bất chấp: mắt tôi chỉ chăm chú vào Gru-sơ-ca. Tôi đợi nghe nàng hát đơn ca nhưng không đạt mong ước! Nàng ngồi trong đám nghệ sĩ Di-gan và hát cùng với cả dàn đồng ca. Tôi chỉ nhìn thấy cái miệng xinh xắn với hai hàm răng trắng muốt mà không nghe thấy gì hết... thật không may! - Tôi tự nhủ. - Mình đến đây có một lúc, mất một trăm rúp mà lại chẳng được nghe nàng hát!". May thay không phải chỉ riêng tôi muốn nghe nàng hát đơn ca. Các vị khách khác, toàn tai to mắt lớn cả, cũng đồng thanh gào lên, lúc một bài ca vừa chấm dứt.

- Gru-sơ-ca! Gru-sơ-ca! "Con thuyền"! "Con thuyền"!

Đám Di-gan hăng giọng. Em trai của Gru-sơ-ca cầm lấy đàn ghi-ta và nàng bắt đầu hát. Các ông biết không... tiếng hát của nàng bao giờ cũng xúc động và làm chúng ta phải cúi lòng. Nhưng vì đã được nghe nàng hát lần nữa, tôi thấy tim mình như đứng lại. Không thể tả tôi sung sướng đến mức nào. Lời hát ở đoạn đầu hơi thô và hơi cứng, đại loại như thế này: “Biển gào thét! Biển rên rỉ”. Nghe mà thấy như trước mắt mặt biển chao đảo, xô đẩy con thuyền. Rồi giọng hát chuyển dần, nói về một vì sao: “lấp lánh, thanh thản và tinh khiết, người khiến lòng ta quên đi những khổ đau nơi trái đất”. Rồi bài hát vút lên một cách bất ngờ. Đây là kiểu hát của dân Di-gan: than khóc làm cúi lòng người nghe nhưng rồi đột nhiên chuyển tình cảm, như thế gây lại cho ta nỗi phấn chấn... Đến khi Gru-sơ-ca đã đẩy mặt biển và “con thuyền” lên cao, đám đồng ca bắt theo luôn:

Gia-la-la. Gia-la-la

Gia-la-la. Prin-ga-la

Gia-la-la. Prin-ga-la

Hai-đa sê-pu-rin-ga-li-a

Hây-hôp-hat, ta-ga-ra!

Hây-hôp-hat, ta-ga-ra!

Rồi Gru-sơ-ca lại bưng khay mời rượu, và tôi lại rút một tờ trắng vẽ thiên nga nữa... Mọi người ngoái cả lại nhìn, tức giận thấy tôi chơi trội hơn họ: nhất là khi phải cho tiền sau tôi họ rất hổ thẹn. Nhưng tôi thì không tiếc gì hết. Tôi có quyền biểu lộ tình cảm của tôi, tâm hồn của tôi và tôi đang làm công việc ấy. Mỗi bài hát của Gru-sơ-ca tôi lại thưởng một tờ trắng thiên nga. Tôi quăng tiền ra không tính toán gì hết. Mỗi khi người khác đề nghị Gru-sơ-ca, nàng từ chối: “Em mệt rồi”. Riêng tôi, tôi chỉ cần ra hiệu cho lão Di-gan già là nàng lại hát tiếp luôn. Những bài hát tiếp nối nhau, mỗi bài một tha thiết hơn, và những tờ trăm rúp in hình con thiên nga cứ bay tới tấp lên chiếc khay. Cuối cùng, lúc trời bên ngoài đã rạng, tôi không biết cụ thể là mấy giờ, cô gái có vẻ mệt thực sự và nàng hát: “Hãy đi đi, hãy quay lưng lại, đôi mắt em không muốn nhìn thấy chàng nữa”. Và nàng đưa mắt liếc nhìn tôi với hàm ý. Lời bài hát thì như muốn đuổi tôi, nhưng cái nhìn

thì lại nhu muốn hỏi: "Chàng có muốn tận hưởng trái tim thô thiển của em không và có muốn chịu toàn bộ mãnh lực của sắc đẹp em...". Tôi quăng thêm một tờ một trăm rúp nữa! Nàng lại hôn lên môi tôi, cái hôn như cắn và tôi thấy trong ánh mắt nàng một vẻ u buồn. Đúng vào cái giây phút đáng nguyên rủa ấy, dàn đồng ca gào lên:

Em thân yêu, thấy chẳng!

Anh yêu em chừng nào!

Khách cũng hát theo, mắt nhìn Gru-sơ-ca. Tôi cũng nhìn nàng và gào lên: "Em thân yêu, thấy chẳng!" Sau đấy đám Di-gan hô to: "Nhà hãy trôi đi, bếp hãy trôi đi, để chủ nhà không còn nơi nào ngả lưng" và thế là tất cả mọi người đứng dậy nhảy múa... Nam Di-gan cũng nhảy, nữ Di-gan cũng nhảy. cả các vị quý khách cũng nhảy. Mọi người đều quay cuồng, quẩn quýt với nhau như thể cái nhà không còn đứng yên một chỗ nữa thật. Đám con gái Di-gan chạy, các vị khách sang trọng đuổi theo chúng, rồi lại những thanh niên Di-gan vừa huýt sáo, những ông già Di-gan vừa reo hò cũng lại đuổi theo. Tôi để ý nhìn thấy không còn ai đứng nguyên chỗ cũ. Cả những vị khách to béo, nặng nề, tôi không thể ngờ có bao giờ họ lại chơi cái trò trẻ con ấy, cũng đứng dậy. Có ông do trịnh trọng quen, thấy cái trò này không được lịch sự, lúc đầu còn ngồi chắc vì vẫn ngượng, chỉ đưa mắt nhìn theo mọi người, hàng ria mép giật giật, dần dần vai cũng lắc lư, chân giậm theo nhịp, cuối cùng cũng đứng dậy đi theo, mặc dù không biết nhảy. Ngài quận trưởng cảnh sát béo tròn như cái bao tải có hai cô con gái đều lấy chồng cũng cùng với hai cậu con rể chạy đến đứt hơi, thở hổn hển như con hải cẩu. Rồi một ông đại úy kỵ binh giàu có, dáng người vạm vỡ nhảy như điên, vượt qua họ. Hai tay chống háng, ông ta dậm chân xuống sàn theo nhịp, vây vo với mọi người. Khi gặp Gru-sơ-ca ông ta khoát rộng cánh tay, ném chiếc mũ xuống dưới chân nàng và gào to: "Cô em xinh đẹp hãy dẫm lên cái mũ ấy đi!" và nàng... Nàng nhảy mới đẹp làm sao. Tôi đã được xem những vũ nữ nhảy múa ở rạp hát, nhưng họ giống như những con ngựa tầm thường của sĩ quan, chỉ đưa đẩy như điều hành trước khán đài trong cuộc duyệt binh, không hề có rung cảm gì hết. Trong khi cô gái Di-gan này lướt chân nhẹ nhàng, duyên dáng, sang trọng như bà hoàng, vậy mà ta vẫn cảm

thấy nghe được cả tiếng khớp xương chuyển động và tuỷ đang chảy trong cột sống của nàng. Đang nhảy bỗng nàng đứng dừng lại, cong người, uốn ngửa phía sau đến mức hàng lông mày chạm gót chân... Tuyệt diệu! Xem nàng nhảy múa, không ai không mê mẩn: tất cả đều lao đến gần nàng xúc động, mắt ai cũng đầm đìa. Một số người khác thì tươi lên trong nụ cười và hét lên:

"Nhảy nữa đi, chúng tôi sẽ không tiếc gì hết!"

Và thế là lại tiền vàng, tiền giấy bay xuống dưới chân cô gái như mưa. Khắp gian phòng quay cuồng, mỗi lúc một nhộn nhạo hơn, riêng tôi vẫn ngồi yên, nhưng tôi bồn chồn, và tôi không biết có chịu đựng được lâu nữa không, bởi vì tôi không thể nhìn nàng dẫm chân lên chiếc mũ của đại úy kỵ binh... Trong khi nàng đặt bàn chân lên, máu tôi như sôi lên. Cuối cùng tôi nghĩ bụng: "Tại sao mình lại tự hành hạ mình thế này nhỉ? Mình cũng cứ thoải mái như mọi người đã sao?" Thế là tôi đứng phắt dậy, gạt ông đại úy ra, đứng trước mặt Gru-sơ-ca rồi khụy chân xuống nhảy điệu dẫm chân... Và để nàng không đặt bàn chân lên chiếc mũ của viên đại úy nữa, tôi nghĩ ra một kế, các người bảo không tiếc gì . thì tôi cũng sẽ tỏ cho các người biết tôi không tiếc gì hết. Vừa nhảy tôi vừa thọc tay vào trong áo sơ-mi, rút ra một tờ thiên nga, quăng xuống dưới chân nàng, hét: "Cô hãy dẫm lên con thiên nga kia đi!". Nàng lại không để ý thấy con thiên nga đắt tiền hơn chiếc mũ của ngài đại úy, vẫn nhìn theo viên đại úy. May thay lão già Diggan nhìn thấy giậm chân ra hiệu cho con gái... Nàng hiểu và nhảy theo tôi... nàng tiến lên nhưng cặp mắt nhìn xuống như phóng lửa xuống đất. Còn tôi vẫn nhảy trước mặt nàng như điên, và mỗi lần chuyển động tác tôi lại quăng một tờ trăm rúp xuống chân nàng. Tôi mê nàng đến nỗi thầm nghĩ: "Phải chăng em là vị thánh đã sáng tạo nên cả thiên đường lẫn trần gian?". Nhưng tôi gào lên một cách trắng trợn; "Nhảy tiếp nữa đi!" rồi lại quăng những tờ một trăm rúp xuống sàn. Lúc thọc tay vào trong lần áo sơ-mi, tôi chợt nhận thấy chỉ còn chừng một chục tờ... "Chà! Cho chúng bay đi theo quỷ ma hết!". Thế là tôi lôi cả ra, vò thành một nắm, quăng xuống dưới chân cô gái đẹp, rồi cầm lấy chai sâm-banh trên bàn, đập vỡ cổ chai gào to:

- Cẩn thận cô em, khéo ướm đấy! - Rồi tôi tu một hơi hết cả chai rượu, bởi vì nhẩy từ nãy đến giờ khiến tôi khát ghê gớm.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 14

SAU đấy thế nào? - Chúng tôi hỏi bác I-van Phli-a-ghin.

- Sau đấy mọi thứ xảy ra đúng như hăn ta đã tiên đoán.

- Ai vậy?

- Thằng cha thôi miên đã dẫn tôi đến đấy. Đúng là hăn đã thành công trong việc giải thoát cho tôi khỏi con quỷ chè rượu. Từ ngày ấy không bao giờ tôi đụng đến rượu nữa.

- Thế bác sử dụng cách nào với ngài sỹ quan hoàng thân về cái khoản mấy ngàn rúp của ngài bác đem tiêu mất sạch?

- Thì chính tôi cũng không hiểu thế nào mà mọi chuyện lại diễn ra đơn giản đến thế. Tôi chẳng còn nhớ bọn Di-gan ấy đã làm cách nào chở tôi về nhà, rồi tôi nằm vào giường ra sao. Chỉ biết khi ngài hoàng thân gõ cửa và gọi, tôi gắng ngồi dậy nhưng không làm sao sờ được mép cái hòm dùng làm giường để mà vịn bước chân xuống. Lăn phía này không thấy mép đâu, lăn phía bên kia cũng không thấy. Tôi cứ loay hoay mãi bên trong chuồng ngựa. Trong khi ấy thì ngài hoàng thân hét: "I-van!" Tôi đáp lại: "Ngài chờ cho một lát!" Tôi lại lăn mãi vẫn không thấy mép giường đâu để leo xuống đất. Tôi bèn nghĩ, không lăn thấy mép thì ta cứ nhẩy bừa ra thật xa, chắc phải rơi xuống đất. Tôi bèn lấy sức nhẩy thật dài và cảm thấy như một vật gì đập vào giữa mặt tôi, một tiếng gì đổ vỡ kêu loảng xoảng, cả phía trước lẫn sau lưng. Rồi tôi nghe thấy tiếng ngài quý tộc bảo anh làm công: "Đem đèn lại đây xem nào!"

Trong khi ấy tôi đứng không nhúc nhích, vẫn chưa hiểu mình đang mơ hay tỉnh, bụng nghĩ còn đang trên cái hòm làm giường. Mãi lúc anh làm công đem đèn đến, tôi mới thấy mình đang đứng trên mặt đất, đầu húc vào đồng bát đĩa và làm vỡ mất cả...

- Anh làm sao thế?

- Thưa ông chủ, tôi vẫn cứ tưởng tôi nằm trên cái hòm, ai ngờ tôi nằm dưới

đất. Hẳn nào tôi cứ lần mãi không thấy mép hòm đâu, tôi đành cố sức nhảy thật xa để xuống được đất ai ngờ đập đầu vào chõng bát đĩa. Tôi ngớ ngẩn như vậy là chỉ tại cái thằng cha thôi miên. Hẳn chữa cho tôi khỏi bệnh rượu nhưng lại làm tôi thành dở người.

Nói đến đây tôi sức nhớ lại, thằng cha đã nói với tôi một câu: "Khi con người ta bỏ rượu tình hình sẽ còn xấu hơn" và tôi bèn đi tìm hẳn định nói với hẳn giải cho tôi cái chất nam châm mà hẳn đã đưa vào người tôi. Nhưng tôi đã không tìm được. Thằng cha kiếm được khá nhiều tiền, đã sang quán rượu nằm bên kia đường, uống liên miên và cuối cùng đã chết.

- Thế bây giờ chất nam châm còn nằm trong người của bác không?

- Còn chứ.

- Nam châm tác động vào cơ thể bác trong thời gian lâu chứ?

- Lâu! Thậm chí có lẽ đến tận bây giờ đấy.

- Thế còn ngài hoàng thân? Ngài không đòi bác phải thanh toán những tờ giấy bạc giao cho bác giữ à?

- Có chứ. Nhưng cũng không gay go gì mấy. Chẳng là mấy hôm sau, đánh bạc thua về, ngài bảo tôi đưa ngài tiền để ngài đi đánh gờ.

Nhưng tôi đáp: - "Tôi không còn một rúp nào hết".

Ngài tưởng tôi nói đùa, nhưng tôi tiếp lời:

"Tôi nói thật đấy. Trong lúc ngài đi vắng, tôi đã có một cuộc bỏ đi chơi".

Ngài hỏi: "Anh làm thế nào mà tiêu sạch cả năm ngàn rúp trong một chuyến đi chơi như vậy?"

"Tôi ném cho một cô gái Di-gan".

Lúc đầu ông chủ của tôi không tin.

Tôi nói:

"Nhưng chính đấy lại là sự thật".

Ngài bèn nổi cơn thịnh nộ:

"Khóa trái cửa lại. Ta sẽ cho anh một bài học về tội dám phung phí tiền bạc của nhà nước".

Nhưng rồi ngài nghĩ lại và bảo: "Vô ích, bởi vì ta cũng bừa bãi không kém gì anh".

Sau đó ngài lên nhà ngủ tiếp, còn tôi thì xuống kho chứa cỏ ngủ. Lúc tỉnh

dậy tôi thấy mình đang nằm trong bệnh viện quân sự. Người ta cho biết tôi lên cơn sốt cao, mê sảng và nếu họ không quấn tôi vào trong tấm áo choàng thì tôi đã treo cổ tự tử rồi. Khỏi bệnh, tôi tìm đến dinh cơ của ngài hoàng thân, lúc này ngài đã nghỉ hưu và trở về sống ở nhà riêng.

“Thưa ông chủ, tôi xin làm việc để trả dần món nợ ngày nợ”. Ngài đáp:

“Anh cút đi đâu cho khuất mắt ta”

Thấy ông chủ giận như vậy, tôi bèn bước đến gần và sụp xuống lạy.

- “Anh làm cái trò gì thế này?” - Ngài hỏi.

“Xin ngài hãy đánh cho tôi một trận”.

“Anh tưởng ta giận anh đấy à? Không đâu, ta không coi là anh có tội”.

“Tôi đã tiêu mất số tiền lớn như vậy mà lại không có tội sao được? Tôi thừa hiểu rằng tội của tôi treo cổ cũng vẫn còn nhẹ”.

Ngài hoàng thân đáp:

“Không thể kết tội anh được, vì anh là một nghệ sĩ”.

“Ngài nói thế nghĩa là sao? - Tôi hỏi”.

“Anh I-van Xê-vê-ri-a-nits đáng yêu và nửa-đáng-tôn-kính, Ngài đáp. - Anh là một nghệ sĩ”

“Tôi vẫn chưa hiểu, - tôi nói”.

“Anh đừng nghĩ tôi nói thế là có ý gì chê trách - ngài hoàng thân nói” - Bởi vì chính tôi cũng có máu nghệ sĩ”.

“Như thế là hiểu rồi” - tôi nghĩ bụng. - Nghĩa là không phải một mình tôi mắc cái chứng bệnh điên khùng kia”.

Ngài hoàng thân đứng dậy, đập cái tẩu xuống sàn rồi nói:

“Anh cúng cho nàng tất cả những gì có trong tay thì có gì lạ? Bản thân ta, ta còn hiến cho nàng cả những thứ mà ta không có sẵn ấy chứ”

Tôi nhìn ông chủ chưa hiểu.

“Ông chủ nói gì tôi thấy sợ quá”.

“Đừng sợ! Ta sẽ lo chuyện này được, bởi vì chúa sẽ giúp ta. Nhưng ta báo để anh biết, ta đã mua cô gái Gru-sa kia bằng cái giá năm chục ngàn rúp trả cho họ”.

Tôi kinh ngạc:

“Năm chục ngàn rúp để mua một cô gái Di-gan? Như thế có quá đắt không,

chưa kể con bé ấy là một thứ thuốc độc".

"Câu anh hỏi vừa rồi không xứng đáng với một tâm hồn nghệ sĩ, anh bạn gần-như-nửa- kính-mến của ta... Anh hỏi có đắt quá không? Phụ nữ là vô giá, bởi vì cô ta gây cho ta một thương tích mà có dùng hết tất cả các kho báu trên thế gian cũng không chữa chạy nổi" vậy mà cô ta lại chữa lành được ngay lập tức".

Trong bụng tôi rất tán thành với suy nghĩ ấy của ông chủ tôi nhưng bên ngoài tôi vẫn lắc đầu:

"Năm chục ngàn! Số tiền mới lớn làm sao!"

"Anh bạn ơi, đừng lăm bắm như thế nữa, bởi vì may mà họ chịu nhận với cái giá ấy chứ không đòi hơn. Nếu không ta đã trao cho họ toàn bộ gia sản rồi"

"Nếu họ vẫn chưa chịu với cái giá ấy thì ngài nhổ toẹt vào mà đi chứ".

"Không được, anh bạn ạ."

"Tại sao?"

"Nhan sắc và tài hoa của nàng đã làm ta lâm bệnh. Nếu như bệnh này ta không chữa khỏi, ta sẽ phát điên. Anh có công nhận cô nàng đẹp không? Một sắc đẹp dễ làm người ta phát điên phát cuồng, đúng không nào?"

Tôi cắn môi và gật gù như thế muốn đáp:

"Ngài nói đúng".

"Anh nên biết rằng, ta có chết vì một cô gái cũng không hề tiếc đời. Anh hiểu được như thế không nhỉ?"

"Chao ơi, đúng như vậy. Sắc đẹp của người phụ nữ là sự hoàn mỹ của Tạo hoá... Được chết vì người đẹp cũng là một hạnh phúc đấy!".

"Hoan hô, - ngài hoàng thân đáp, - Hoan hô anh bạn gần-như-đáng-kính-mến của ta đồng thời rất-ít-đáng-yêu-quý I-van! Chính anh cũng bảo, được chết vì nàng là một hạnh phúc. Ta rất sung sướng được đảo lộn cuộc sống của bản thân ta. Ta đã xin nghỉ hưu, đã cầm cố toàn bộ gia sản của ta. Từ nay ta sẽ sống ở đây, ta sẽ không gặp ai, để có thể dành toàn bộ thời gian vào việc ngắm nàng"

Tôi hạ giọng, gần như thì thầm:

"Nghĩa là hiện giờ cô ta đang ở đây?"

“Tất nhiên rồi!”

“Thật không?”

“Ta sẽ dẫn nàng đến đây cho anh thấy, bởi vì anh là một nghệ sĩ, ta không cần giấu anh” Ngài hoàng thân bước ra ngoài. Tôi ngồi lại một mình suy nghĩ:

“Nếu chỉ suốt ngày ngắm có mỗi cô ta thì chẳng bao lâu ngài sẽ chán mất thôi. Thật là một sự đại dột!”.

Nhưng tôi cũng không suy nghĩ lâu về điều ấy, bởi vì mới nghe nói Gru-sa đang ở trong cái nhà này, hai bên sườn tôi đã đau như đâm và đầu tôi mụ đi. Phải chăng tôi sắp được gặp nàng? Ôi, họ đã vào rồi kia, ngài hoàng thân đi trước cầm cây đàn ghi-ta buộc dải đỏ, còn tay kia nắm cả hai bàn tay chập lại của Gru-sa. Nàng cúi đầu để mặc cho ông chủ tôi lôi đi, mắt nhìn xuống đất, hai mi chớp chớp trên cặp má như đôi cánh chim đang vỗ. Ngoài hoàng thân dắt tay nàng, rồi đặt nàng như đặt đĩa tré lên đầu chiếc đi-văng êm ái, luồn một chiếc gối nhung ra sau lưng nàng, một chiếc gối khác kê dưới khuỷu tay cô gái. Sau đấy ngài choàng dây đeo đàn lên cổ nàng, đặt bàn tay nàng lên mấy sợi dây đàn. Rồi ngài ngồi bệt xuống sàn nhà, đầu ngả lên chiếc giầy xinh xắn bằng da cừu mềm mại và ra hiệu cho tôi cũng ngồi xuống như vậy.

Tôi từ từ ngồi xổm chỗ ngoài cửa và ngắm nàng. Sự lặng lẽ làm tôi thấy mệt mỏi. Rồi hai bắp chân giữ bất động tê cứng lại. Nhưng nàng vẫn không nhúc nhích. Còn ngài hoàng thân thì sốt ruột bậm môi nhấm ria mép, cũng không nói năng gì.

Tôi ra hiệu bảo ngài nói cô gái hát, nhưng ngài cũng ra hiệu trả lời, ý nói cô sẽ từ chối.

Hai chúng tôi vẫn cứ ngồi dưới sàn chờ đợi, trong khi Gru-sa không ngừng thở dài sườn sượt và khóc thầm tức. Một giọt nước mắt lăn dọc theo một sợi lông mi dài. Mấy ngón tay lần trên những sợi dây đàn như con nhện nước... Đột nhiên Gru-sa cất tiếng hát, rất khê, giọng đầy nước mắt: "Hỡi những ai nhân đức, hãy lắng nghe nỗi đau khổ của lòng em".

Ngài quý tộc thì thào: "Thấy chưa?"

Tôi cũng đáp lại thật khê bằng tiếng Pháp:

”Pơ-ti com pơ,” - rồi tôi không biết nói gì thêm nữa, trong khi ấy cô gái Di-gan hét lên "Người ta bán nhan sắc của em", cô quăng đàn ra tận cuối gian phòng, giật chiếc khăn choàng ra khỏi đầu, úp mặt vào hai bàn tay... Thấy nàng khóc tôi không ghìm được và ngài hoàng thân cũng thế. Ngài ra nhặt chiếc đàn lên rồi lẩm bầm đúng hơn là hát, "Giá như em biết tôi yêu em chừng nào. Trái tim tôi như bốc lửa". Rồi ngài khóc thốn thức. Vừa khóc ngài vừa nói: "Em hãy làm dịu nỗi đau đớn của tôi, hãy xóa đi nỗi bất hạnh cho tôi". Trước nỗi đau đớn của ngài, tôi thấy cô gái dịu lại, lắng nghe rồi buông một bàn tay ra ôm lấy đầu ngài hoàng thân dịu dàng như mẹ ôm đầu con.

Tôi hiểu ra ngay rằng nàng sắp làm dịu đi nỗi đau đớn của ngài, xóa đi nỗi bất hạnh cho ngài. Tôi lặng lẽ đứng dậy đi ra ngoài.

- Chắc sau đấy bác vào tu viện chứ? - Một người nào đó lên tiếng hỏi.

- Không phải lần đó mà là sau đấy kia, - Bác I-van Xê-vê-ri-a-nits đáp và nói thêm rằng, số kiếp bác còn phải chứng kiến nhiều chuyện cảm động xảy ra với người phụ nữ ấy, cho đến khi cô ta và cả bác đều được siêu thoát.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 15

CÁC ông biết không, - bác I-van Xê-vê-ri-a-nits kể tiếp – ngài hoàng thân chủ của tôi, tấm lòng thì tốt nhưng tính nết không kiên định. Ngài đã muốn thứ gì, thì tìm đủ cách để đạt cho bằng được, nếu không ngài phát điên lên mất. Lúc ấy ngài dám làm mọi thứ không tiếc gì hết, chỉ cốt đạt được điều khao khát. Nhưng khi đạt được rồi thì ngài lại chóng chán. Chuyện cô gái Di-gan kia cũng vậy. Chính vì cha nàng cũng như đám Dí-gan trong đoàn biết rõ như thế, cho nên họ đặt giá con gái của họ cao hơn nhiều so với trị giá gia sản của ngài hoàng thân, cốt để nếu ngài nhất định trả món tiền khủng khiếp ấy, chủ của tôi sẽ phải vay nợ và ngài không được phép ở lại trong quân ngũ nữa.

Vốn biết tính của ngài như vậy cho nên tôi cũng không mừng gì cho Gru-sa. Và sau này sự việc chứng tỏ tôi đã đoán đúng. Thời gian đầu ngài hoàng thân mê mẩn cô gái, không lúc nào rời mắt khỏi cô và không lúc nào rời xa cô một bước chân. Thế rồi đột nhiên ngài bắt đầu ngáp và cho gọi tôi lên.

- Anh ngồi xuống đây - Ngài bảo tôi, - và nghe một chút.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế đặt hơi xa, mãi tận chỗ gần cửa và nghe. Tôi luôn thấy tình trạng ngài dễ nghị cô ta hát và cô trả lời:

- Em hát cho ai? Tim anh đã giá lạnh, mà em thì lại cần làm sao cho bài hát của em thiêu đốt, day dứt trái tim ai đó.

Chủ tôi bèn sai người gọi tôi đến để cùng nghe nàng hát. Sau đấy chính nàng đam nhiễm thói quen cho người gọi tôi đến và nàng đối xử với tôi rất thân tình. Nghe hát xong, tôi thường cùng ngồi uống trà với họ, tất nhiên tôi ngồi ở một chiếc bàn khác hoặc trên thành cửa sổ. Nhưng khi Gru-sa có một mình, nàng bảo tôi đến ngồi cạnh nàng. Ít lâu sau, ngài hoàng thân trở nên rầu rĩ hơn. Ngài bảo tôi:

- I-van này, tôi xúi quẩy quá.

Tôi nói:

- Sao ngài lại nói vậy? Ngài còn thiếu thứ gì nữa đâu?

Nhưng ngài bỗng nổi cáu:

- Anh bạn gần-như-thân-mến của tôi ơi, anh thấy tôi có được cái gì mà anh bảo tôi không thiếu?

- Ngài có tất cả những gì một con người cần thiết.

- Không đúng, - chủ của tôi nói. - Ta nghèo túng rồi. Phải tính toán cả đến từng chai rượu trong mỗi bữa ăn. Như thế còn gọi là cuộc sống thế nào được nữa? Sống như thế còn sung sướng nổi gì.

"Chà, - tôi nghĩ bụng. - Thì ra ông buồn về chuyện đó". Và tôi nói:

- Rượu thiếu thì nhịn có sao đâu? Bởi vì ngài có thứ còn quý hơn rượu nhiều.

Ngài hiểu ngay tôi định nói đến thứ gì. Ngài hơi xấu hổ bèn vừa đi đi lại lại vừa vẫy tay, nói:

- Tất nhiên rồi... tất nhiên rồi. Duy có điều... Với lại người ta sống ở đây nửa năm mà không tiếp người khách nào...

- Ngài cần khách làm gì, trong khi ngài đã có người mà ngài yêu quý nhất?

Ngài hoảng thân nổi khùng:

- Anh chẳng hiểu gì hết Cuộc đời này phải có thứ này thứ nọ chứ!

"Ái chà! - Tôi nghĩ bụng. - Thì ra thế". Và tôi nói.

- Vậy ngài tính làm gì bây giờ?

- Ta định, - ngài bảo. - Ta với anh sẽ đi buôn ngựa. Ta muốn những sĩ quan kỵ binh, những chủ nhà máy đi lại cái nhà này.

Công việc buôn ngựa đâu xứng với một vị hoàng thân? Nhưng tôi nghĩ bụng làm gì cũng được, miễn đứa trẻ thôi không khóc nữa". Và tôi đáp: "Được thôi".

Hai thầy trò bắt tay vào việc nuôi ngựa. Ngài hoảng thân lập tức say sưa dâng hiến toàn bộ thể lực và tinh thần vào công việc này: bao nhiêu tiền kiếm được ngài đều dùng cho ngựa, nhiều khi chẳng hỏi ý kiến tôi nữa. Ngài tậu một lúc rất nhiều nhưng chẳng ai hỏi mua... Thất vọng, ngài bỏ luôn việc nuôi ngựa và lao vào đủ thứ kinh doanh đại dột khác: xây một xưởng xay bột to tướng, tổ chức việc làm đồ bằng da, rồi phá sản, nợ nần càng chồng chất thêm và mặt mũi càng rầu rĩ. Lúc nào ngài cũng vắng nhà.

Ngài đi đâu và tìm kiếm thứ gì, tôi không hề biết. Gru-sa bị bỏ rơi mà nàng lại đã có thai. Trông nàng thật tội nghiệp. "Tôi sẽ không bao giờ còn được thấy mặt anh ấy nữa" nàng nói vậy, nhưng vẫn cố tự chủ không để lộ nỗi hoang mang. Và mỗi khi thấy chồng ngồi nhà vẻ buồn bã, nàng lại là người đầu tiên bảo:

- Anh yêu quý, anh đi chơi đâu cho khuây khoả: chứ ngồi nhà với một con bé ngu dốt như em làm gì cho buồn.

Nghe nói thế ngài hoàng thân xấu hổ và thôi không đi đâu nữa. nhưng chỉ được hai hoặc ba ngày. Lúc ra đi ngài thường dặn tôi chăm sóc Gru-sa

- Anh hãy chăm sóc nàng. Anh là một nghệ sĩ, một nghệ sĩ thực thụ chứ không phải một thằng phất phơ như ta. Anh biết cách trò chuyện với nàng để cả nàng lẫn anh đều vui. Còn ta, những câu “anh yêu quý” ấy làm ta đau đầu.

- Tại sao vậy? Đây là những lời âu yếm thực sự -

Vẫn biết thế, nhưng ta ngán nghe lắm rồi.

Tôi không trả lời. Nhưng từ bữa ấy, cứ hễ lúc nào thấy thích là tôi vào thăm nàng. Trong thời gian ngài hoàng thân chủ tôi đi vắng, mỗi ngày tôi vào dùng trà hai lần với nàng và tìm mọi cách làm cho nàng khuây khoả. Nàng rất cần được khuây khoả bởi vì những lúc tâm sự với tôi, nàng than phiền:

- Anh I-van thân mến ạ, nỗi ghen tuông làm tôi vô cùng đau khổ .

Tôi cố phân trần:

- Đau khổ làm gì? Dù ngài chủ đi đâu thì cuối cùng vẫn phải về với cô.

Gru-sa khóc nức nở và lấy tay dấm ngực;

- Anh I-van, anh hãy nói cho tôi biết, anh ấy đi những đâu vậy?

- Đến các chủ đất quanh vùng hoặc ra thăm họ hàng ngoài thành phố chứ còn đi đâu nữa? - Anh tin chắc anh ấy không có con nhân tình nào chứ? Hay anh ấy lại quay về với cô gái anh ấy đã yêu hồi chưa quen tôi? Thậm chí anh ấy còn định cưới một cô nào đó? Ôi! Con người ấy mới nhẫn tâm làm sao!

- Nói đến đây mắt nàng quắc lên vẻ giận dữ. Miệng an ủi nàng nhưng trong bụng tôi nghĩ: “ai biết được ông ta đi đâu và làm những gì?” Bởi vì từ hôm ấy tôi cũng không gặp ông ta.

Một lần Gru-sa nảy ra ý nghĩ, hay là ngài hoàng thân của nàng sắp lấy vợ, nàng khẩn nài tôi:

- Anh I-van thân mến, hãy giúp tôi. Anh ra ngoài thành phố dò hỏi xem sao rồi về kể hết cho tôi nghe.

Nàng van nài mãi khiến tôi cũng động lòng thương. Tôi tự nhủ: "Thôi được, mình sẽ đi. Nếu như mình thấy ngài hoàng thân phản bội nàng thật, mình sẽ không nói gì hết và sẽ có cách riêng".

Lấy cớ mua thuốc cho ngựa, tôi ra ngoài thành phố, trong lòng đã có dự tính sẵn.

Gru-sa không hề biết ngài hoàng thân trước kia đã có một nhân tình ngoài thành phố. Gia nhân của ngài được lệnh giấu kín chuyện này. Nàng là một tiểu thư quý tộc, tên là Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na, bố làm chức quốc vụ khanh trong chính phủ. Tiểu thư nổi tiếng trong giới quý tộc về tài chơi đàn pi-a-nô, tính tình rất phúc hậu, rất đẹp, và đã có một đứa con gái với ngài. Nhưng tiểu thư bị ngài ruồng bỏ chỉ vì sau khi có con, thân hình nàng không còn thon thả nữa. Nhưng bấy giờ ngài còn rất giàu cho nên đã tậu cho tiểu thư một ngôi nhà để hai mẹ con ở và sống bằng số lợi tức ít ỏi của họ. Sau khi đã thu xếp tạm tạm cho họ như vậy rồi, ngài hoàng thân không ngó ngàng gì đến nữa. Nhưng chúng tôi, những gia nhân của ngài, vốn quý tiểu thư nên mỗi lần có việc ra thành phố vẫn thường ghé thăm hai mẹ con. Bao giờ nàng cũng đón tiếp chúng tôi niềm nở và dò hỏi về ngài.

Hôm ấy tôi cũng ghé vào thăm tiểu thư và nói:

- Tôi đến thăm sức khoẻ tiểu thư đây, thưa tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na yêu quý. Nàng đáp:

- Cảm ơn anh! Nhưng tại sao anh không đến thăm ông chủ?

- Ông chủ lúc này đang ở đây ạ?

- Đúng thế. Ông ấy ra thành phố đã hơn một tuần lễ rồi và đang toan tính một công việc gì đấy.

- Công việc gì ạ?

- Ông ấy định thuê một xưởng làm dạ.

- Lạy chúa, sao ông chủ vẫn cứ có những mưu đồ liêu lĩnh thế nhỉ?

- Anh cho rằng ông chủ không nên làm như thế à?

- Chuyện ấy làm tôi ngạc nhiên đấy.

Tiểu thư mỉm cười:

- Điều đáng ngạc nhiên là ông chủ của anh gửi cho tôi một lá thư, xin cho ông đến nhà để thăm con gái ông ấy.

- Tiểu thư đồng ý chứ, thưa tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê -mi-ô-nôp-na?

Tiểu thư nhún vai đáp:

- Ông ấy cứ việc đến thăm con gái, - nói xong nàng thở dài, cặp mắt trở nên đăm chiêu, đầu hơi cúi xuống. Tiểu thư vẫn trẻ, đẹp, trắng trẻo, khác hẳn Gru-sa... Cô gái Di-gan kia mộc mạc, đâu có tinh tế thế này... Chính tôi thấy ghen hờ cho Gru-sa.

"Chà, - tôi nghĩ bụng. - Không phải ông chủ muốn thăm con gái đâu mà ông muốn gặp tiểu thư đấy. Tội nghiệp cho cô bé Gru-sa". Tôi suy nghĩ như vậy lúc ngồi trong phòng dành riêng cho trẻ con. Tiểu thư sai vú em đem trà và tiếp tôi. Giữa lúc ấy tôi nghe thấy tiếng chuông ngoài cửa. Chị hầu phòng hớn hờ chạy vào khoe với vú em:

- Ngài hoàng thân đến!

Tôi làm bộ như định đứng dậy tránh xuống bếp, nhưng bà vú vốn tuổi già, thích nói chuyện, gặp được tôi rất thích nên ngăn tôi lại:

- I-van đừng đi đâu cả! Ta vào khoang mặc quần áo đằng sau cái tủ kia là đủ. Không sợ tiểu thư dẫn hoàng thân vào đây đâu. Tôi còn muốn nói chuyện với anh nhiều nữa.

Tôi bằng lòng, vì muốn biết thêm điều gì đó để có thể giúp ích cho Gru-sa. Nhân tiện tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na sai mang đến cho tôi một chai rượu rum nhỏ, mà tôi thì đã bỏ rượu, tôi bèn rót mời bà vú để khai thác ở bà một vài điều bí mật, bởi vì không có rượu, bà khó nói ra với tôi. Bà vú với tôi tránh sang chỗ mặc quần áo, giống như một hành lang rất hẹp, có cửa nhỏ thông sang gian phòng mà tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na tiếp ngài hoàng thân, đồng thời lại sát gần với góc phòng nơi hai người ngồi. Vì thế tôi nghe rất rõ câu chuyện giữa họ.

Vừa bước vào ngài hoàng thân vừa nói:

- Chào cô bạn gái lâu năm và tin cậy của tôi!

Tiểu thư đáp:

- Chào hoàng thân! Nguyên do nào khiến em được hân hạnh đón tiếp chàng thế này?

- Ta sẽ nói đến chuyện đó sau, còn bây giờ cho phép ta hôn nàng, - tôi nghe thấy tiếng chủ tôi hôn má tiểu thư, rồi hỏi thăm con gái của họ. Tiểu thư cho biết đứa con gái họ đang có ở nhà.

- Con khoẻ mạnh chứ?

- Vâng.

- Chắc nó đã lớn lắm?

Tiểu thư cười đáp:

- Tất nhiên.

Ngài hoàng thân hỏi:

- Tiểu thư sẽ dẫn con ra cho ta gặp chứ?

- Rất vui lòng, - tiểu thư đáp. Nàng sang phòng trẻ gọi bà vú lúc này đang ngồi với tôi.

- Vú dẫn em Li-u-đa ra gặp hoàng thân, - tiểu thư nói.

Bà vú giận dữ, đặt mạnh đĩa đựng trà xuống rồi rời càu nhàu:

- Đến khổ. May mắn có dịp được chuyện trò với ai đó, thế mà cũng lại bị phá rối. Không sao được lúc nào thành thói. - Bà vú đẩy tôi vào góc nhà, lấy quần áo trên mắc phủ lên người tôi, dặn tôi ngồi yên rồi dắt đứa trẻ ra ngoài. Ngồi một mình sau chiếc tủ, tôi nghe rõ ngài hoàng thân hôn đứa trẻ hai lần, đặt nó lên đầu gối rồi hỏi:

- Con có muốn ngồi trên xe ngựa của ba dạo chơi một lát không? Đứa trẻ không đáp.

Hoàng thân bèn quay sang mẹ nó:

- Tiểu thư cho phép con cùng với bà vú lên xe của ta chứ?

Tiểu thư trả lời bằng tiếng Pháp, ý đại khái như sau: "Để làm gì kia chứ?". Nhưng hoàng thân vẫn khấn khoản: "Cần phải làm thế". Họ trao đổi với nhau thêm vài câu nữa. Cuối cùng tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na bảo bà vú về miễn cưỡng:

- Vú mặc quần áo cho em rồi đi với nó.

Bà vú và đứa trẻ ra rồi còn lại ngài hoàng thân và tiểu thư ngồi với nhau, và

tôi nấp trong mớ quần áo, đằng sau cái tủ. Tôi nghĩ bụng: "nhân tiện ta nghe thử xem có chuyện gì không hay sẽ xảy ra cho Gru-sa không?"

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 16

THẤY nghe qua cánh cửa khép kín, tôi chưa vừa lòng. Tôi bèn bắc một chiếc ghế đẩu, đứng lên đó, ghé mắt qua khe hở bên trên cánh cửa. Tôi thấy ngài hoàng thân ngồi trên đi-văng, còn tiểu thư đứng bên cửa sổ nhìn ra ngoài, chắc theo dõi đứa con gái đang lên xe ngựa. Khi xe đã chạy nàng quay mặt vào:

- Thừa hoàng thân, em đã làm đúng theo ý muốn của ngài. Vậy bây giờ ngài còn việc gì nữa?

Hoàng thân đáp:

- Chuyện công việc thì ta còn nhiều thời giờ nói đến. Bây giờ em hãy ngồi xuống bên cạnh, và ta lại trò chuyện như ngày trước, khi hai ta thân thiết.

Tiểu thư vẫn đứng tựa thành cửa sổ, hai tay chấp sang lưng, lông mày nhíu lại. Hoàng thân khẩn khoản:

- Ta có một việc cần nói với tiểu thư.

Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na ngoan ngoãn bước lại gần. Lúc này ngài hoàng thân lại giở giọng đùa bỡn:

- Em hãy ngồi xuống đây, như ngày xưa chúng ta đã thân thiết với nhau. - Ngài định quàng tay ôm ngang lưng tiểu thư, nhưng nàng đẩy nhẹ ra.

- Hoàng thân hãy nói vào công việc đi đã. Em giúp được gì cho ngài nào?

- Nghĩa là em muốn ta nói thẳng vào việc, không cần quanh co chứ gì?

- Đúng thế. Hoàng thân và em đã hiểu nhau quá rõ, không việc gì phải đắn đo nữa.

- Ta đang cần tiền, - ngài nói.

Tiểu thư nhìn ngài, im lặng.

- Một khoản không lớn lắm, - Hoàng thân nói thêm.

- Bao nhiêu?

- Lần này chỉ cần hai chục ngàn thôi.

Thấy nàng không trả lời, hoàng thân bắt đầu huênh hoang:

"Ta tính tậu một xưởng làm dạ, nhưng trong túi không có một xu nào. Nếu có xưởng dạ ấy trong tay, ta sẽ thành triệu phú. Ta sẽ cải tạo nó, loại bỏ những gì cũ kỹ và sẽ dệt những tấm dạ óng ánh và bán cho bọn dân châu Á ở tỉnh Ni-giơ-ni Nôp-gô-rốt. Tất nhiên nguyên liệu thì tồi nhưng ta có cách nhuộm cho nó lên màu thật đẹp. Và ta sẽ lãi to. Lúc này ta cần ngay hai chục ngàn rúp để đặt cược".

Tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na hỏi:

- Kiểm đâu ra được ngần ấy?

- Ta chưa biết nhưng ta rất cần. Ta đã tính toán rất chu đáo. Ta có một tên đầy tớ I-van, biệt danh là I-van to đầu, anh ta rất thạo về ngựa, không khôn ngoan lắm nhưng rất tốt, thật thà, tận tụy. Thế rồi anh ta lại đã từng bị bắt làm tù binh cho bọn dân châu Á một thời gian khá dài. Anh ta rất am hiểu thị hiếu của chúng. Ta sẽ phái anh ta đến chợ phiên ở Ma-ca-ri-a để thăm dò cánh tiêu thụ hàng và lấy về một ít mẫu. Hễ bắt đầu có lãi, ta sẽ hoàn lại tiểu thư ngay số tiền hai chục ngàn rúp ấy...

Ngài hoàng thân ngừng nói. Tiểu thư im lặng một lúc rồi thở dài:

- Hoàng thân tính toán đúng đấy.

- Tiểu thư cũng nhận là như thế chứ gì?

- Đúng, - nàng nói. - Nghĩ là Hoàng thân đặt một khoản tiền cược. Ngài sẽ trở thành chủ xưởng. Mọi người sẽ kháo nhau rằng ngài đã khôi phục lại được gia sản...

- Đúng thế.

- Và khi ấy...

- Anh I-van sẽ nhận tiền đặt mua hàng, tiền ứng trước ở chợ phiên Ma-ca-ri-a, ta sẽ có tiền trả hết nợ nần và sẽ giàu có

- Khoan, ngài hãy nghe em nói đã. Đừng ngắt lời em! Ngài nhầm cái khác kia. Trước tiên ngài gây lại uy tín với các quan to lo việc của giới quý tộc, rồi nhờ vào cái sự giàu có tưởng tượng kia, ngài cầu hôn với ái nữ của quan lớn. Khoản hồi môn của cô ta mới làm cho ngài trở nên giàu có thực sự.

- Tiểu thư nghĩ như thế à? - Ngài hoàng phân thốt lên.

Tiểu thư đáp:

- Em đoán không đúng chẳng?

- Nếu như tiểu thư đã hiểu hết cả rồi, - Ngài hoàng thân nói. - Thì hai ta sẽ cùng chung sức lo chuyện này.

- Tại sao lại hai ta?

- Bởi vì xong việc cả tiểu thư và ta đều được lợi. Vậy bây giờ tiểu thư hãy đem cầm cái nhà này lấy một khoản tiền cho ta vay. Sau này ta sẽ hoàn lại hai chục ngàn rúp ấy và thêm một chục ngàn tiền lãi nữa.

Tiểu thư đáp:

- Ngôi nhà này là của hoàng thân. Ngài đã cho con gái của ngài. Bây giờ ngài có quyền đòi lại lắm chứ.

Ngài hoàng thân tỏ vẻ định phản đối:

"Ồ không, ngôi nhà này không phải của ta. Ta đề nghị với tiểu thư bởi vì nàng là mẹ của nó... tất nhiên nếu nàng tin cậy ta hoàn toàn...".

- Hoàng thân đừng nói thế. Nếu có ai tin hoàn toàn vào ngài thì trước tiên phải kể đến em! Em đã hiến dâng ngài cả cuộc đời và danh tiết.

- Thế ư? - Ngài Hoàng thân nói. - Nếu vậy thì rất hay! Nghĩa là sáng mai ta có thể sai người đem bản văn tự cầm nhà đến để tiểu thư ký chữ gì?

- Hoàng thân cứ cho mang đến, - tiểu thư đáp. Em sẽ ký.

- Tiểu thư không sợ gì ư?

- Không. - tiểu thư đáp. - Em đã mất quá nhiều khiến bây giờ em không còn sợ gì nữa.

- Tiểu thư cũng không tiếc? Thật chứ gì? Bởi vì tiểu thư cũng vẫn còn yêu tôi ít nhiều chứ gì? Hay đây chỉ là do tiểu thư thương hại tôi?

Tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na chỉ cười vang rồi nói:

- Hoàng thân đừng nói những điều ngu ngốc nữa. Tốt nhất là mời ngài nếm món mứt dâu em làm rất ngon.

Ngài hoàng thân xem chừng không hài lòng. Ngài không ngờ câu chuyện lại diễn biến như thế. Ngài mỉm cười đứng dậy.

- Xin lỗi, lúc này ta không muốn ăn của ngọt. Cảm ơn tiểu thư và tạm biệt.

- Đúng lúc ngài hôn tay tiểu thư thì xe ngựa cũng vừa quay về đến cổng.

Trong lúc để ngài hoàng thân nắm tay, tiểu thư hỏi thêm:

- Thế còn cô gái Di-gan mắt đen ngài định để đâu?

Ông chủ tôi vỗ tay lên trán rồi kêu to:

- Mà phải rồi! Tiểu thư vẫn chu đáo như ngày xưa. Tiểu thư có tin hay không thì tùy, nhưng quả thật tôi luôn luôn nhớ đến tính chu đáo của tiểu thư. Vừa rồi tiểu thư đã nhắc đến một trò tiêu khiển thú vị của tôi mà tôi quên bẵng đi mất.

- Ngài quên sao được cô gái xinh đẹp ấy?

- Xin thề với tiểu thư là tôi hoàn toàn không nghĩ gì đến cô ta nữa. Nhưng đúng là cần thu xếp một nơi nào cho cô ta. Cái cô gái đàn độn ấy.

- Hoàng thân hãy thu xếp cho cô ta. - tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na đáp. - Nhưng ngài nên nhớ: cô ta không lành hiền như phụ nữ Nga đâu. Rất có thể cô ta sẽ không chịu và sẽ không tha thứ cho ngài về những chuyện đã xảy ra trong quá khứ đâu.

- Không sao đâu! - Ngài hoàng thân trả lời. - Cô ta sẽ phải chịu.

- Cô ta yêu ngài phải không? - Tiểu thư hỏi. - Nghe bảo cô ta yêu hoàng thân lắm kia?

- Càng say mê lắm càng chóng làm người ta ngán. Nhưng cũng may, cô ta rất thân với anh I-van.

Nghĩa là sao? - Tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na hỏi.

- Nghĩa là mọi sự sẽ yên ổn. Ta sẽ tậu một cái nhà cho anh chàng I-van, sẽ đăng ký anh ta thành thương gia, sẽ tổ chức cho anh ta lấy cô gái ấy và họ sẽ sống yên ổn.

Nhưng tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na lắc đầu rồi nàng cười nói thêm:

- Ôi ngài hoàng thân! Thế lương tâm ngài để ở đâu?

Hoàng thân đáp:

- Tiểu thư đừng nhắc đến lương tâm của ta. Lúc này ta không quan tâm gì đến cái thứ ấy. Ta đang rất cần gặp anh chàng I-van. Làm cách nào gọi anh ta ra ngoài này gặp ta được nhỉ?

Tiểu thư bèn nói rằng cái anh I-van ấy hình như hiện giờ đang có mặt ngoài thành phố và không chừng đang ở trong nhà này ấy chứ. Ngài hoàng thân rất mừng rỡ và đề nghị tiểu thư có gặp thì nhắn I-van đến gặp ngài ngay. Sau đấy ngài chào tiểu thư rồi ra về.

Tiếp đó sự việc diễn biến nhanh vùn vụt như trong một câu chuyện thần

thoại. Ngài hoàng thân cấp cho tôi đủ giấy ủy nhiệm và giấy chứng thực ngài có một xưởng dệt len dạ thật, và ngài dạy tôi cách nói với khách hàng về các loại dạ của xưởng. Sau đấy ngài cử tôi đi ngay Ma-ca-ri-a đến chỗ chợ phiên cho nên tôi không có cách nào gặp lại Gru-sa mà chỉ đành một mình oán trách tại sao ngài lại nói đến chuyện tôi sẽ lấy nàng? Ở chợ phiên Ma-ca-ri-a tôi gặp may vô cùng: tôi thu được của bọn châu Á nào giấy đặt mua dạ, nào tiền, nào các mẫu vải. Tôi gửi tất cả những thứ đó cho ngài hoàng thân, còn bản thân tôi thì vội vã quay về nhà. Tôi không còn nhận ra nơi cũ nữa... Mọi thứ như có một chiếc gậy thần nào làm biến đổi hoàn toàn. Tất cả đều đối khác, sang trọng hẳn lên, giống như ngôi nhà được trang hoàng để đón ngày Tết. Chái nhà nơi Gru-sa ở ngày trước biến đâu mất. Thay vào đấy là một tòa nhà mới mẻ. Tôi kinh ngạc, vội lao đi tìm Gru-sa. Nhưng không một ai trả lời được cho tôi hiện giờ nàng đang ở đâu. Mà kẻ ăn người làm ở đây bây giờ đều mới mẻ. Trước kia là những nông nô thì bây giờ là những người làm công nhật. Cho nên tôi cũng không thể đến gặp ngài hoàng thân một cách dễ dàng như ngày xưa. Trước kia quan hệ giữa chủ với tớ mang tính chất quân sự đơn giản, nhưng bây giờ là quan hệ "chính trị". Tôi muốn đề đạt điều gì với ngài đều phải qua người hầu phòng hoặc thư ký của ngài.

Tôi không muốn chịu đựng cái cảnh này chút nào. Nếu như tôi không thương xót Gru-sa, không tha thiết tìm hiểu xem nàng lúc này ở đâu và cuộc sống ra sao thì tôi đã bỏ nơi này mà đi rồi. Tôi hỏi một vài người vốn làm ở đây từ trước, họ đều không trả lời. Gặng hỏi mãi thì một bà cụ quét sân nói lộ ra rằng, gần đây Gru-sa vẫn còn ở nơi này, nhưng cách đây chừng mười ngày, ngài hoàng thân đem nàng đi đâu bằng xe ngựa, đến nay vẫn chưa thấy nàng trở về. Tôi tìm mấy bác xà ích chở nàng đi gặng hỏi, nhưng họ cũng không chịu nói. Họ chỉ bảo rằng, ngài hoàng thân đổi ngựa ở trạm, rồi cho xe quay về, đi tiếp bằng xe thuê của Trạm. Tôi sục sạo đủ chỗ vẫn không thấy Gru-sa đâu, cũng không biết được thêm gì về nàng. Mà hỏi làm gì nữa vô ích, bởi vì rõ ràng là tên chủ độc ác kia đã thủ tiêu nàng rồi. Có thể lão đã dùng dao đâm, hoặc dùng súng bắn chết nàng trong một cánh rừng hẻo lánh nào đó, quăng xác nàng xuống khe suối hoặc một cái hồ

nào rồi phủ lá cây lên trên. Hoặc lão đã chìm chết nàg dưới sông... Một kẻ liều lĩnh như tên hoàng thân kia dám làm mọi chuyện. Với lại Gru-sa trở ngại cho lão trong việc lấy vợ. Tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na đã nói chí lý: Gru-sa yêu lão hoàng thân. Tình yêu của nàng là tình yêu của dân Di-gan: sôi nổi, điên cuồng khác với tiểu thư Ep-ghê-ni-a Xê-mi-ô-nôp-na là người Nga lại theo đạo Thiên Chúa, quen nhẵn nhụi. Khi biết tin ngài hoàng thân sắp lấy vợ, chắc Gru-sa đã ùng ùng nổi giận, thốt lên những lời đe dọa dữ tợn, đẩy lão ta đến chỗ tính chuyện thủ tiêu nàng.

Tôi càng suy nghĩ, càng thấy những dự đoán của mình có cơ sở. Và càng nhìn thấy công việc chuẩn bị cho đám cưới của ngài hoàng thân được tiến hành, tôi càng ghê tởm. Hôm diễn ra đám cưới các gia nhân đều được phát mỗi người một chiếc khăn quàng sắc sỡ và một bộ quần áo mới, tùy theo vị trí từng người trong nhà. Tôi quẳng những thứ quà cáp ấy vào chuồng ngựa rồi bỏ nhà đi vào rừng từ mờ sáng. Tôi lang thang trong suốt cả ngày, hy vọng tìm thấy xác Gru-sa.. Mặt trời lặn, tôi ngồi ở bờ sông, nhìn về phía nhà đèn nấn sáng choang. Tiếng đàn sáo vắng đến tai tôi. Tôi ngồi lặng lẽ nhìn xuống mặt nước phản chiếu những vệt sáng ngoằn ngoèo giống như cổng bên ngoài của một tòa nhà chìm dưới nước. Lòng tôi quặn đau, tôi thấy xót xa đến nỗi tôi cất lên tiếng nói với thần linh, điều mà chưa bao giờ tôi làm từ xưa đến giờ, ngay cả trong thời gian bị cầm tù. Giống như trong truyện cổ tích về em bé A-li-ô-nu-sca, tôi gọi tên nàng Gru-sa và khấn với hương hồn nàng:

- Gru-sa thân yêu, người em gái ruột thịt của anh! Hãy nói lên với anh một lời! - Và các ông có ngờ được không, khi tôi khấn đến lần thứ ba thì bỗng tôi rùng mình, hình như tôi nghe có tiếng chân người chạy đến, vòng quanh tôi, thì thầm gì đó vào tai tôi, cúi xuống vai tôi. Thế là một sinh vật nào đó ôm ghì lấy tôi run rẩy...

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 17

HOẢNG hốt, tôi suýt ngã ngựa nhưng tôi vẫn tỉnh táo. Tôi thấy một thân thể mềm mại và nhẹ bồng, đang run rẩy như cánh chim bị thương và thở hổn hển không nói một lời.

Tôi thầm đọc một câu cầu nguyện và lạ chưa! Tôi thấy khuôn mặt của Gru-sa ngay bên cạnh mặt tôi...

- Em yêu quý! - Tôi nói. - Em thân yêu! Em còn sống hay chỉ là hồn ma từ thế giới bên kia hiện về? Đừng khóc nữa, hãy nín đi và thổ lộ anh nghe, anh không sợ đâu, dù em là người hay là ma.

Gru-sa thở một hơi rất dài rồi nói:

- Em đây! Em là người chứ không phải ma.

- Ôi, ơn chúa!

- Nhưng em chạy đến đây cốt để chết, để biến thành ma.

- Sao lại thế? Tại sao em lại muốn chết? Anh sẽ kiếm việc làm nuôi em, sẽ kiếm một căn nhà và sẽ yêu thương em như yêu thương em gái của anh.

Nàng đáp:

- Anh I-van Xê-vê-ri-a-nits, em vô cùng biết ơn anh, nhưng em không nên sống nữa. Bởi vì nếu em sống, em sẽ giết chết một con người vô tội mất.

Tôi hỏi :

- Ai vậy? Cái con người vô tội ấy là ai thế?

- Người vợ trẻ của kẻ mà em thù oán. Dù cô gái ấy có trong trắng, vô tư đến mấy thì trái tim ghen tuông của em sẽ không để cho cô ta, cũng như bản thân em được sống.

- Đừng nghĩ thế! Bởi vì hiện giờ em đã là tín đồ của Chúa. Nếu em làm thế, linh hồn em sẽ ra sao, em hiểu không?

- Mặc kệ linh hồn em. Em sẵn sàng xuống địa ngục. Những nỗi đau khổ trên thế gian này còn khủng khiếp hơn những đau đớn dưới đó.

Thấy nàng điên cuồng, tuyệt vọng, đau đớn, tôi cầm tay nàng và không còn

nhận ra nàng nữa. Gru-sa như biến thành một con người khác. Đâu rồi nhan sắc ngày trước của nàng? Trông nàng như không còn hình người nữa. Có chăng chỉ là đôi mắt mở to rực sáng trên khuôn mặt đen sạm, giống như cặp mắt của con sói trong bóng đêm. Bụng nàng to tướng, bởi vì nàng sắp đến ngày sinh nở. Khuôn mặt nàng choắt lại, những mảng tóc rủ xuống trán lò xoà. Chiếc áo dài bằng vải màu thẫm rách tả tơi cũng như đôi giày dưới chân nàng.

- Hãy kể anh nghe, - tôi nói. - Em từ đâu đến đây mà thảm hại thế này?

Bỗng nhiên nàng mỉm cười:

- Thảm hại ư? Em không còn đẹp nữa chứ gì..... Mà đúng thế. Chính là ngài tình nhân quý hoá của em đã biến dạng em ra thế này để đền ơn em yêu quý hẳn, đền ơn em ruồng bỏ người mà xưa kia em đã yêu để yêu hẳn một cách cuồng nhiệt. Đáp lại cái ơn ấy hẳn đã nhốt em lại, giao cho mấy tên cai ngục canh giữ để bảo vệ nhan sắc của em...

Nói xong nàng phá lên cười và giận dữ nói tiếp:

- Ngài hoàng thân kia mới ngu xuẩn làm sao! Đứa con gái Di-gan đâu phải thứ chịu nhốt trong buồng tối? Nếu ta muốn, ta có thể cắt đứt cổ họng cô vợ trẻ của mi ấy chứ.

Thấy nàng điên cuồng trong cơn ghen, tôi loay hoay tìm cách làm dịu nàng lại, không phải bằng cách đem địa ngục ra dọa mà bằng cách gợi lại những kỷ niệm êm đẹp.

- Nhưng ông ta đã từng yêu em biết bao! Ông ta đã từng yêu em tha thiết chừng nào! Đã từng hôn lên bàn chân em... Mỗi khi em hát, ông ta chẳng đã quỳ xuống trước chiếc đi-văng nơi em ngồi rồi hôn tới tấp lên đôi dép của em là gì.

Nàng nghe tôi nói, hàng lông mi dài đập đập lên má gầy gò. Rồi nàng cất tiếng, giọng trầm và vang, mắt nhìn xuống làn nước.

- Đúng, hẳn đã từng yêu em. Trong khi em chưa yêu hẳn, thì hẳn không tiếc gì hết để chiều em. Nhưng đến khi em bắt đầu yêu hẳn thì hẳn lại ruồng bỏ em. Tại sao nhỉ?... Hay là cô gái kinh địch kia đẹp hơn em và yêu hẳn hơn em?... Đồ ngu xuẩn! Mặt trời mùa đông sao nóng bằng mặt trời mùa hạ? Sẽ không có ai yêu hẳn như em yêu. Anh hãy nói cho hẳn biết rằng, Gru-sa

trước khi chết đã nguyên rửa hã và đã phù phép để hã phải chịu mọi nỗi bất hạnh trên đời.

Thấy nàng bình tĩnh trở lại, tôi rất mừng, bèn khấn khoản:

- Chuyện gì đã xảy ra giữa hai người? Tại sao lại có sự thay đổi quá lạ đến mức này?

Gru-sa chấp hai bàn tay lại.

- Chẳng có chuyện gì khác ngoài sự phản bội. Mỗi chuyện ấy thôi... Nguyên nhân duy nhất là hã ta không yêu em nữa. - Trong khi nói Gru-sa nước nỡ. - Hã đặt may cho em những chiếc áo dài bó chặt lấy thân, mặc vào rất khó chịu, thế nhưng khi em mặc và trình diện trước mặt hã, hã nổi giận: "Cởi cái thứ ấy ra, trông cô kệch cỡm lắm", ấy nhưng nếu em mặc loại áo rộng thì hã lại còn nổi khùng hơn: "Trông cô đến là khó chịu!" Em hiểu rằng em là thứ bỏ đi rồi. Sẽ không bao giờ em chiếm được tình cảm của hã nữa.

Gru-sa òa khóc thốn thức, mắt như nhìn tận đâu, miệng thì thào:

- Tình trạng này em đã nhận thấy từ lâu rồi, nhưng em vẫn cố tin vào lương tâm của ông ta. Em vẫn hy vọng rằng thấy em ngoan ngoãn, nhu mì ông ấy sẽ thương hại. Nhưng đến giờ thì cách ông ta thương hại là như thế đấy.

Về cuộc gặp mặt cuối cùng giữa Gru-sa và ngài hoàng thân, nàng đã kể cho tôi nghe những điều khiến tôi sửng sốt và tôi không sao hiểu nổi, có kẻ tồi tệ nào nỡ gạt một người phụ nữ đi theo cách tàn nhẫn đến như thế.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 18

SAU đây là lời kể của Gru-sa:

Trong thời gian anh đi vắng, - ấy là nàng nói về thời gian tôi đến chợ phiên Ma-ca-ri-a, - Hoàng thân cũng rất lâu không về. Có tin đồn ông ta sắp lấy vợ... Em khóc suốt ngày và gầy tọp đi. Tim em nhức nhối. Cái thai trong bụng em đã tưởng không thể sống nổi. Thế rồi đột nhiên người ta báo tin cho em biết ông ta trở về. Em mừng đến phát điên lên được. Em vội chạy vào phòng riêng để trang điểm cho thật đẹp. Em đeo đôi hoa tai bằng ngọc lam, lấy ra chiếc áo em thích nhất bằng vải màu xanh nhạt với những đangg-ten và một cái áo lót hở cổ rộng... Em vội vã và mặc vào nhưng không làm sao cài được móc ở sau lưng... Em định khoác lên một chiếc khăn san mỏng để ông hoàng thân khỏi nhìn thấy áo không cài đằng sau. Em chạy ra đón ông ngoài thêm... Xúc động quá, người em run bắn lên. Em hét to:

“Anh yêu quý, kho vàng của em!”

Rồi chạy đến ôm chặt lấy cổ ông ta...

Nàng như lịm đi. - Đến khi tỉnh lại, em thấy mình đang nằm trên đi-văng trong phòng riêng của em. Em chưa kịp hiểu lúc này em đã ôm chàng thật hay chỉ ôm hôn trong giấc chiêm bao. Nhưng em cảm thấy trong người rất mệt và thật là sai lầm, em đã sai người mời ông ta vào gặp em.

Cuối cùng ông cũng vào và em hỏi ông ta:

“Chàng đã quên hẳn em rồi chăng?”

“Tôi bận công việc” - ông ta đáp.

“Công việc gì? Trước kia chàng có làm công việc gì đâu, kho vàng quý báu của em?” Em đưa hai tay ra cho ông ta, nhưng ông ta nhăn mặt, rồi cầm sợi dây đeo thánh giá của em kéo thật mạnh.

May sợi dây bằng lụa em đeo ở cổ đã sờn bị đứt. Nếu không ông ta đã làm em ngạt thở và chết rồi. Em nghĩ, chắc ông ta muốn em chết, bởi vì em thấy ông ta tái mặt đi và rút lên với em:

“Sao cô lại đeo cái dây nhợ nhúa làm vậy?”

Em đáp:

“Thì đã sao? Sợi dây ấy trước kia sạch sẽ, chỉ do nỗi lo buồn của em làm cho nó nhem nhuốc đấy thôi”.

“Phù! Phù! Phù!” ông ta vừa đi vừa nhổ nước bọt. Và tối hôm ấy ông ta lại vào, vẽ mặt cau có:

“Cô lên xe ngựa đi dạo với tôi nào!” Ông ta cố làm ra vẻ như vẫn yêu em, hôn lên trán em. Thế là em đi với ông ta, trong bụng không hề nghi ngại. Xe chạy một lúc. Hai lần ông ta đổi ngựa. Em gắng hỏi đi đâu, ông ta không trả lời. Nhưng em thấy quang cảnh hai bên đường cứ rậm rạp, hoang vắng dần. Đường xấu đi, lầy lội, cuối cùng xe chạy đến một thung nuôi ong đặt giữa rừng. Đằng sau thung nuôi ong là một ngôi nhà nhỏ có sẵn ba cô gái đã đợi sẵn, cô nào cũng trẻ, lực lưỡng và mặc váy bằng vải thô. Họ gọi em là phu nhân. Em vừa bước xuống đất thì họ túm ngay lấy cánh tay em lôi vào một căn phòng đã dọn dẹp ngăn nắp.

Trông thấy tất cả những thứ đó cùng với ba cô gái, em thấy tim nhói đau. Em hỏi ông hoàng thân:

"Sao lại phải dừng chân ở chỗ này để làm gì?"

Ông ta đáp:

“Ngôi nhà này là nơi cô sẽ ở từ ngày hôm nay”.

Em òa khóc, em hôn bàn tay ông ấy để ông ấy đừng bỏ em, nhưng ông ta tàn nhẫn đẩy em ra rồi lên xe đi mất.

Gru-sa ngừng nói đầu cúi xuống. Rồi nàng thở dài nói tiếp:

“Em tính chạy trốn. Em đã thử đến một trăm lần nhưng không kết quả. Mấy mụ con gái kia không lúc nào rời mắt khỏi em... Sau một thời gian buồn bã, em thay đổi thái độ, làm ra bộ vui vẻ, vô tư rồi đề nghị với chúng cho dạo chơi. Mấy đứa con gái ấy dẫn em ra rừng, canh phòng em rất cẩn thận, còn em thì chăm chú nhìn cây cối, quan sát mặt trên của các cành, xem xét lớp vỏ cây để xác định hướng Bắc. Em quyết định trốn khỏi đây và thế là ngay tối hôm ấy em thực hiện ngay. Hôm qua, lúc dạo chơi ra ngoài rừng buổi chiều, em bảo mấy đứa con gái canh phòng em cùng chơi trò bịt mắt bắt dê. Chúng đồng ý.

“Nhưng ta không bịt mắt, mà buộc hai cổ tay vào với nhau đằng sau lưng. rồi ta đi giật lùi tìm nhau.”

Mấy đứa con gái ấy cũng đồng ý. Nói xong em thực hiện ngay. Em buộc chặt hai cổ tay của một đứa rồi kéo con thứ hai ra sau một bụi cây trói nó lại. Đứa thứ ba nghe tiếng bạn kêu chạy đến cũng lại bị em trói ngay trước mắt hai đứa kia. Trong khi chúng còn đang gào lên ầm ĩ thì em chạy như điên, bất chấp bụng đang to. Em chạy suốt cả đêm trong rừng, sáng sớm nay mệt quá, kiệt sức ngã gục xuống trong một cánh rừng rậm rạp. Một ông cụ già người bé nhỏ nhìn thấy em bèn bước đến. Người ông cụ sức nức mùi mật ong còn áo quần thì dính đầy sáp ong. Những con ong nhỏ bám trên hàng lông mày màu vàng của cụ. Cụ nhe hàm răng đã rụng gần hết phều phào những gì không rõ. Em bảo với ông cụ là em muốn tìm anh I-van Xê-vê-ri-a-nits. Cụ đáp:

“Cô bé xinh đẹp ời, nếu vậy cô hãy gọi tên anh ta lên hai lần. Một lần hướng theo chiều gió thổi. Một lần ngược với chiều gió. Anh ấy sẽ bồng chồn trong bụng và sẽ phải đi tìm cô cho bằng được”.

Cụ cho em ít nước uống và một chút mật ong quét lên quả dưa chuột để em ăn cho lại sức. Ăn uống xong, em bước đi và gọi anh hai lần theo cách ông cụ khuyên. Và thế là bây giờ em đã gặp được anh. Cảm ơn anh! - Nàng ôm lấy đầu tôi rồi hôn lên trán tôi và bảo:

- Anh thực sự là người anh của em!

Tôi nói:

- Còn em, em là em gái yêu quý của tôi, - và nước mắt tôi trào ra vì xúc động.

Còn nàng cũng khóc thốn thức và bảo:

- Em biết, anh I-van ạ. Em biết hết và hiểu hết. Chỉ mỗi mình anh yêu em, chiều em. Bây giờ anh hãy tỏ ra anh thực sự quý em nhé. Hãy làm đúng như điều em sắp yêu cầu anh trong cái giờ phút hãi hùng này.

- Em muốn gì? - Tôi đáp. - Em muốn gì hãy nói đi.

- Không, - nàng nói. - Trước tiên anh hãy thề đã, thề nếu không làm đúng điều em yêu cầu thì sẽ phải chịu hình phạt gì thật khủng khiếp.

Tôi thề nếu không làm, linh hồn tôi sẽ đời đời không được cứu rỗi, nhưng

nàng chưa chịu.

- Chưa đủ, bởi vì như thế vẫn là anh vì em mà chịu tội lỗi. Không, - nàng nói. - Anh phải thề điều gì khủng khiếp hơn nữa kia.

- Tôi không thể nghĩ ra điều gì khủng khiếp hơn thế.

- Nếu vậy thì để em nghĩ. Anh cứ việc nhắc lại đúng những lời em sắp nói là được. Nhắc lại và không cần suy nghĩ gì hết.

Tôi ngu ngốc lại đi nhận lời, thế là nàng lên tiếng:

- Nếu tôi không làm đúng như em Gru-sa tôi yêu cầu, linh hồn của em tôi sẽ đời đời không được cứu rỗi.

- Được thôi, - và tôi nhắc lại đúng cái câu ấy.

- Bây giờ thì anh hãy nghe em nói đây, - nàng nói. - Anh hãy coi như anh là kẻ cứu vớt em. Em không còn đủ sức chịu đựng nổi cuộc sống nữa rồi, không chịu đựng nổi sự phản bội của ông ta và sự khinh khi của hắn. Nếu như em phải sống trên thế gian này thêm một ngày nữa, em sẽ phải giết lão ta và con đĩ kia, nếu không em cũng sẽ tự giết em và như thế linh hồn em sẽ phải xuống địa ngục đời đời... Anh hãy thương hại em, anh yêu quý của em, người mà em coi như anh ruột của em. Anh hãy đâm một nhát dao vào giữa tim em.

Tôi vội lùi lại, vừa làm dấu cho nàng vừa tìm cách trốn đi, nhưng Gru-sa đã đuổi theo, ôm chặt lấy đầu gối tôi. Nàng khóc nức nở, cúi đầu xuống tận chân tôi rồi nói:

- Anh ở lại trên thế gian, hãy cầu chúa cho linh hồn em và cả linh hồn anh nữa. Còn bây giờ hãy giúp em, đừng bắt em phải tự đâm vào ngực mình.

Bác I-van Xê-vê-ri-a-nits cau mày lại trông thật đáng sợ, rồi cắn vào sợi ria mép, bác thở một hơi dài đến nỗi tưởng chừng như bác đẩy hết không khí trong lồng ngực ra.

- Nàng lấy con dao díp trong túi tôi, kéo lưỡi dao ra khỏi chuôi cho thẳng rồi đặt vào tay tôi và nói bằng cái giọng mà tôi không sao chịu đựng nổi:

“Nếu anh không giết em, em sẽ trở thành một đứa con gái hư hỏng để trả thù tất cả các người”.

Tôi run bắn người lên. Tôi bảo nàng cầu nguyện, rồi không đâm dao vào nàng, nhưng tôi đẩy nàng xuống dòng nước sông đang xoáy.

Nghe xong lời thú tội vừa rồi của bác I-van Xê-vê-ri-a-nits tất cả chúng tôi đều hồ nghi tính chân thật của của câu chuyện bác kể. Mọi người im lặng khá lâu. Cuối cùng một người nào đó đăng hăng rồi lên tiếng:

- Cô gái ấy chết rồi chứ?
- Vâng, đúng thế, - bác I-van đáp.
- Thế bác thì sau đấy thế nào?
- Thế nào nghĩa là sao?
- Bác có bị trừng phạt cách nào không?
- Tất nhiên là có rồi.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 19

TÔI chạy như bay khỏi nơi ấy, cảm đầu chạy không còn biết trời đất gì nữa. Bây giờ tôi chỉ còn nhớ lúc ấy tôi cảm thấy như có ai đang đuổi đằng sau, một kẻ nào rất cao, to, xấu xí, lông lá, thân hình đen đui, đầu nhỏ và tròn xoe không khác gì mặt trăng. Tôi ngờ đó nếu không phải Ca-in thì cũng là một quái vật ăn thịt người. Thế là tôi càng chạy nhanh hơn, miệng thầm khẩn thần linh đến cứu giúp. Mãi đến khi chạy ra tới giữa con đường cái, đứng lại dưới gốc một cây liễu tôi mới hoàn hồn. Mà thời tiết hôm ấy mới đẹp làm sao; khí trời khô ráo, mặt trời mùa thu chiếu sáng. Tuy nhiên trời rất lạnh, gió thổi ào ào, lá vàng bay lả tả. Tôi không làm sao hiểu được lúc này là mấy giờ, nơi này là đâu và con đường này dẫn đi nơi nào. Trong lòng tôi trống không, tôi không có một cảm giác nào và cũng không biết mình nên làm gì bây giờ. Tôi chỉ biết rõ một điều, linh hồn Gru-sa đã trở nên sa đọa và bốn phận của tôi là phải chuộc tội cho nàng, phải cứu nàng ra khỏi địa ngục. Nhưng tôi lại chưa biết phải làm cách nào. Tôi đang buồn bã, bần khoản thì ai đó đụng vào vai tôi. Tôi quay lại thì ra chỉ là một cành cây khô rơi xuống. Thế rồi đột nhiên Gru-sa xuất hiện. Nàng bé xíu, như đứa trẻ sáu bảy tuổi và sau lưng nàng có đôi cánh nhỏ. Tôi vừa thoát nhìn thấy nàng thì nàng đã bay vụt đi mất, và bụi do cánh cây khô rơi xuống làm bốc lên cũng đang bay, cuốn theo bóng nàng.

Tôi thầm nghĩ: đây đúng là hương hồn nàng theo đuổi tôi. Chắc vừa rồi nàng bảo tôi đi theo và chỉ đường cho tôi đi. Tôi bèn bước chân theo hướng ấy. Tôi đi suốt cả ngày cho đến lúc mệt quá không bước thêm được nữa. Bỗng nhiên một chiếc xe ngựa chở hai ông bà già đuổi kịp tôi, và họ bảo: “Bác ngồi lên đây chúng tôi chở cho, tội nghiệp”.

Tôi leo lên xe. Xe chạy và hai ông bà già than thở:

“Vợ chồng chúng tôi cũng khổ lắm. Có đứa con trai thì đang bị bắt lính. Gia sản thì chẳng có. Lấy tiền đâu mà mướn người thế vào chân nó?

Tôi thương tình hai ông bà già bèn bảo:

“Cháu sẵn sàng giúp ông bà không lấy tiền, khổn nỗi cháu không có giấy tờ gì hết.”

Nhưng họ bảo:

“Không cần giấy tờ, việc ấy chúng tôi lo. Chỉ cần bác nhận thế chân con trai chúng tôi, tên nó là Pi-ốt Xéc-du-cốp”.

"Được thôi, - tôi đáp. - Cháu thì thế nào cũng được. Cháu vẫn cứ thờ đức thánh I-van mà cháu mang tên, còn người đời gọi cháu tên gì cũng được”.

Trao đổi xong, hai ông bà già chở tôi đến một thị trấn khác, trao tôi cho sĩ quan tuyến quân thay vào chỗ của con trai họ, rồi đưa tôi hai mươi năm rúp tiêu pha dọc đường. Lúc chia tay, hai ông bà hứa sẽ giúp đỡ tôi suốt đời. Tôi nhận của họ món tiền hai mươi năm rúp ấy xong liền đem cúng vào tu viện để các giáo sĩ cầu Chúa phù hộ cho linh hồn của Gru-sa. Sau đấy tôi xin với cấp chỉ huy cho tôi đến Cáp-ca-dơ để được chiến đấu và chết vì đức tin, càng sớm càng hay. Ý nguyện của tôi được chấp nhận, tôi đóng ở cửa rừng núi Cáp-ca-dơ mười lăm năm trời, không hề để hở cho ai biết tên tuổi thật cũng như lai lịch thật của tôi. Mọi người đều gọi tôi là Pi-ốt Xéc-du-cốp. Chỉ đến ngày lễ thánh I-van, tôi bí mật cầu nguyện một mình. Tôi đã gần quên hẳn tên tuổi và lai lịch của tôi, thì vừa đến năm phục vụ cuối cùng trong quân ngũ. Đúng vào ngày Thánh I-van, tôi tham dự một cuộc truy kích bọn Tác-ta. Bọn chúng thua chạy sang bên kia sông Côi-xa. Vùng ấy rất nhiều con sông nhỏ mang tên Côi-xa. Con sông chạy qua vùng An-di-a được gọi là Côi-xa An-di-a, một con sông khác tên là Côi-xa A-va-ri-a. Còn những con sông Côi-xa vùng Cô-ri-cô-mui và sông Côi-xa vùng Cu-di-cu-mui nữa. Những con sông nhỏ ấy đều đổ vào một con sông lớn tên là sông Xu-lắc. Tất cả chúng đều chảy xiết và nước rất lạnh, đặc biệt là con sông Côi-xa An-di-a, chính là con sông mà bọn Tác-ta vừa rút chạy qua. Khi còn ở bên này sông, chúng bị chúng tôi tiêu diệt rất nhiều. Khi chạy sang bên kia sông, chúng nấp sau dãy đồi bằng đá. Một số binh lính chúng tôi vượt qua được sông, nhưng sắp lên được bờ bên kia thì bọn Tác-ta nã súng vào. Chúng bắn theo lối bắn tia, rất dè sẻn đạn, bởi vì chúng tôi biết chúng tôi cùng xuất hiện một lúc thì chúng không bắn nữa. Ngài đại tá

chỉ huy chúng tôi là người gan dạ vô cùng, muốn sánh với tướng Xu-vô-rôp cho nên thường có lối miệng hô "xin chúa", xong là lao ngay vào chỗ nào nguy hiểm nhất để làm gương cho binh lính. Lần này, ngài ngồi bên bờ sông cười ửng ra, thả chân xuống nước buốt nói giọng huênh hoang:

“Ồn chúa, nước sao mà ấm thế? Cứ như sữa vừa mới vắt ở vú bò ra ấy thôi. Nào chúng bay! Cậu nào gan dạ bơi sang bờ kia trước kéo theo dây thừng để ta chẳng làm cầu qua sông.”

Trong lúc ngài đại tá nói giọng huênh hoang như thế với chúng tôi thì bọn Tác-ta chĩa hai nòng súng qua khe hở giữa hai tảng đá, nhưng chưa bắn. Chúng đợi đến khi hai người lính của chúng tôi hưởng ứng lời động viên của đại tá nhảy xuống nước bắt đầu bơi thì hai tia chớp loé lên và hai người lính này chìm ngấm xuống dòng nước sông Cô-i-xa. Chúng tôi kéo sợi dây thừng trở lại, cử hai người lính khác, và bắn xối xả vào dãy tảng đá bọn Tác-ta nấp, nhưng bọn khốn kiếp! Thì ra chúng vẫn sống nguyên, và khi cặp binh sĩ thứ hai này vừa xuống nước, nước lại đỏ ngầu lên và quân ta mất toi thêm hai người nữa. Đến cặp thứ ba, chưa bơi ra đến giữa dòng cũng lại bị bọn Tác-ta bắn cho chìm ngấm. Lúc này chúng tôi còn khá ít người. Vả lại rõ ràng đây không phải trận giao chiến mà chỉ đơn giản là một cuộc giết người. Phải trừng trị bọn khốn kiếp sát nhân kia. Ngài đại tá bèn nói:

"Các binh lính thân mến, hay nghe ta nói đây. Trong các người chẳng lẽ không có một kẻ nào đó đã phạm một tội ác nào đấy mà vẫn giữ kín trong lòng. Nếu có, kẻ ấy nên nhận công việc cảm tử này và dùng máu mình để rửa cái tội ác kia?"

Tôi nghĩ thầm:

"Mình còn đợi gì mà không nhân dịp này kết thúc cuộc đời? Cầu chúa hãy chứng dám lòng thành của con!" - Tôi bước ra, cởi áo quần, đọc kinh xám hối rồi cúi rạp xuống đất chào cấp trên cùng đồng đội, thầm khấn:

"Gru-sa em kết nghĩa của anh, hãy nhận giọt máu của anh chuộc tội cho em!" Sau đấy tôi cắn đầu sợi dây buộc vào dây thừng rồi lao đầu xuống dòng nước.

Nước sông lạnh buốt đến tận xương tủy. Ngực tôi tức thở, hai chân cứng

đờ, nhưng tôi cố bơi. Trên đầu tôi đạn quân ta bắn yểm hộ bay rào rào. Xung quanh tôi, những viên đạn bắn tủa của bọn Tác-ta rơi xuống nước lộp bộp nhưng không viên nào trúng vào người tôi. Tôi không biết rồi có viên nào làm tôi bị thương hay không nhưng cuối cùng tôi đã sang được tới bờ bên kia... Bây giờ thì bọn Tác-ta không thể giết được tôi nữa vì tôi đã đứng nép ngay vào một khe đá. Muốn bắn trúng tôi, chúng buộc phải ra khỏi chỗ nấp và như thế sẽ bị quân bên kia sông bắn sang tới tấp. Tôi đứng trong khe đá, kéo sợi dây, lôi dây thừng sang và tạo được chiếc cầu qua sông. Trong lúc quân ta kéo qua sông, tôi vẫn đứng đấy, đầu óc hoang mang, không hiểu gì hết, bởi vì tôi đang bị một ý nghĩ ám ảnh: không biết đồng đội có ai nhìn thấy thứ mà lúc này tôi nhìn thấy không? Trong lúc đang bơi tôi thấy Gru-sa bay bên trên, lúc này nàng đã lớn, chừng mười sáu tuổi, đeo đôi cánh rất to, trắng toát. Chính nàng đã dùng đôi cánh che cho tôi. Thấy đồng đội không ai trông thấy, tôi nghĩ phải kể chuyện này ra cho mọi người cùng biết. Lúc ngài đại tá ôm tôi hôn, khen ngợi:

"Chà, Pi-ốt Xéc-du-cốp! Người thật dũng cảm!"

Tôi bèn nói ngay:

"Thưa ngài đại tá, tôi không dũng cảm đâu. Tôi chỉ là một kẻ có tội, cho nên đất cũng như nước đều không thêm nhận tôi".

Ngài đại tá hỏi:

"Người có tội gì?"

"Tôi đã huỷ hoại nhiều con người vô tội".

Và đêm hôm đó, trong căn lều dã chiến, tôi đã kể ngài đại tá nghe toàn bộ những gì mà các ngài đã nghe. Ngài chăm chú nghe rồi, vẻ trầm ngâm ngài nói:

"Chúa chứng giám, người đúng là kẻ chịu quá nhiều đau khổ. Và cái chính là dù người muốn hay không ta cũng phải phong người chức sĩ quan. Ta sẽ làm giấy đề đạt."

Tôi nói:

"Thưa ngài, việc đó tùy ngài nhưng tôi đề nghị ngài hãy cử người đi điều tra xem có thật cô gái Di-gan kia đã chết hay không?".

"Được thôi, - Ngài nói. - Ta sẽ cử người đi làm cả việc đó nữa".

Thế là ngài gửi giấy đi. Nhưng tờ giấy đi mãi, đến khi hồi âm thì lại không đúng. Người ta giải thích rằng không hề có cái chuyện kia với cô gái Di-gan nào hết. Còn cái người mang tên I-van Xê-vê-ri-a-nits thì có, anh ta đã làm cho ngài hoảng thân thật, nhưng về sau được phóng thích và đã chết trong gia đình ông già Xéc-du-côp.

Tôi chẳng còn biết cách nào chứng minh tội lỗi của mình nữa.

Ngài đại tá bảo:

“Anh bạn đừng cảm ối, anh đừng hòng bịa đặt chuyện gì nữa ra với ta! Chắc là người bơi qua dòng sông Côi-xa, nước lạnh buốt quá ảnh hưởng đến thần kinh khiến người hoang tưởng như vậy thôi. Riêng ta rất mừng là tất cả những chuyện kia không có thật. Bây giờ người hãy nhận cấp bậc sĩ quan và hãy cảm ơn Thượng đế”

Bản thân tôi rất đổi hoang mang: như vậy có thật tôi đã đẩy Gru-sa xuống dòng nước chảy xiết hay không, hay chỉ do tôi nhớ nàng quá mà tưởng tượng ra như vậy thôi?

Tôi được phong cấp bậc sĩ quan. Nhưng khốn nỗi tôi vẫn cứ khẳng khẳng bám lấy câu chuyện thật kia, nên để nhẹ nợ, cấp trên thưởng cho tôi một tấm huy chương Thánh Gioóc rồi cho tôi nghỉ, ra khỏi quân ngũ. Ngài đại tá bảo tôi:

“Ta chúc mừng người. Bây giờ người là người danh giá và có thể xin vào ngạch quan lại được rồi - Ngài đã cho tôi một lá thư giới thiệu đến một vị đại thần ở kinh đô Pê-téc-bua. - Bây giờ người hãy đi, hãy thực hiện công vụ ở nơi mới và hưởng phúc lộc.

Tôi cầm lá thư ấy đến kinh thành Pê-téc-bua nhưng con đường làm quan của tôi không gặp may.

- Nghĩa là sao?

- Mãi tôi chẳng được giao công việc gì. Đến lúc được phân thì lại rơi vào vùn i dài và thế là lại cảnh tồi tệ.

- Rơi vào vùn i dài nghĩa là sao, bác?

- Chẳng là viên quan lớn mà ngài đại tá giới thiệu tôi đến giao cho tôi làm viên chức ở Sở tra cứu địa chỉ. Ở sở này, mỗi viên chức nhận một vùn. Có những vùn rất bở, thí dụ như vùn Tê vùn Hát. Rất nhiều tên người bắt đầu

bằng chữ ấy, cho nên ai đứng vắn ấy thu được rất nhiều tiền thưởng. Nhưng tôi lại đứng vắn i dài. Rất ít ai có tên bắt đầu bằng chữ ấy. Mà nếu có lại toàn dân nghèo hoặc dân du đăng. Chưa kể nhiều người tên mở đầu bằng i dài cũng lại đổi tên đi hoặc thêm chữ gì lên đăng trước chữ i đó. Đến lúc mình tìm tên của họ ở vắn i dài mãi chẳng thấy, cuối cùng thành ở vắn khác. Tôi ngồi ở phòng giấy có khi vài ngày chẳng được ai hỏi, chẳng kiếm được gì. Nghĩ mãi, tôi đành quay trở về nghề cũ: nghề xà ích. Nhưng lại không ai chịu thuê.

- Bác dòng dõi quý phái, bác là sĩ quan có huy chương, mỗi lúc đánh chửi bác sao được.

- Tôi đã chán nản, muốn treo cổ mà chết, nhưng may có chúa thương tình chưa để tôi sa vào tâm trạng tuyệt vọng ấy, đồng thời cũng không để cho tôi hết đói. Nghĩ mãi cuối cùng tôi quyết định đi làm nghệ sĩ.

- Bác làm nghệ sĩ gì? Tôi diễn vai. –

- Ở đoàn nào?

- Tôi diễn trò vui trong cái gánh vắn biểu diễn ở quảng trường bộ tư lệnh Hải quân ấy. Gánh này người ta không nề hà gì hết, nhận đủ loại người vào làm: có cả sĩ quan, cả chánh văn phòng, cả sinh viên và rất nhiều viên chức ở Viện Nguyên lão.

- Công việc ấy bác có thích không?

- Không.

- Tại sao?

- Trước hết là vì việc dàn tập vai vế và học lời thoại thường rơi đúng vào tuần lễ thiêng, nghĩa là vào tuần lễ trước ngày Hội thánh, khi trong nhà thờ các giáo sĩ và tín đồ đọc bài kinh Sám hối, thứ hai là vì vai của tôi rất khó đóng.

- Bác sắm vai nào?

- Tôi đóng vai ác quỷ.

- Vai ấy khó lắm ạ?

- Rất khó. Bởi vì tôi phải nhảy múa và nhào lộn suốt hai đoạn. Mà nhào lộn cực kỳ vất vả. Tôi phải khoác một bộ lông cừu màu trắng lờm chờm rất nặng, bó chặt lấy người, rồi lại mang một cái đuôi làm bằng dây thép, cái

đuôi dài cứ vướng vào giữa hai chân rất khó cử động, chưa chưa nói nhây múa với nhao lộn. Cái sừng trên đầu thì hết đụng vào làm đổ vật này, lại đụng vào làm rơi thứ khác. Trong khi ấy tuổi tác tôi cũng đã khá nhiều. Tôi không còn trẻ trung nhanh nhẹn gì nữa, lại còn thêm chuyện này nữa chứ. Vai của tôi có một đoạn bị đánh. Cái gậy kẻ khác đánh lên người tôi thực ra cũng chỉ bằng vải dày trong nhồi bông, nhưng cứ nghe tiếng đánh bồm bộp trên lưng tôi đã khó chịu. Nhiều thằng cha say rượu hay do muốn nóng người lên cho khỏi cóng, quất lên người tôi rất mạnh và cũng khá đau. Đặc biệt là những thằng cha xuất thân là viên chức ở Viện Nguyên lão, chúng thù bọn sĩ quan cho nên thấy tôi vốn đã từng là sĩ quan, hễ gặp dịp là chúng quất cho thật đau. Tôi bị đánh suốt từ giữa trưa, khi lá cờ được kéo lên ở Sở cảnh sát cho đến tận nửa đêm, cốt để làm người xem cười rộ lên. Chúng mà đánh thì không còn chút nương nhẹ nào hết. Đón cái vai khốn khổ ấy đã đủ thứ khổ sở rồi, nhưng về sau lại có thêm một chuyện nữa khiến tôi quyết định bỏ nghề này.

- Chuyện gì thưa bác I-van?

- Tôi giật tóc một vị hoàng thân.

- Hoàng thân nào ạ?

- Không phải hoàng thân thật mà là thằng cha diễn viên đóng vai hoàng thân thôi. Hắn chỉ là viên chức nhưng đóng vai hoàng thân.

- Nhưng tại sao bác lại đánh, lại giật tóc anh ta?

- Tôi đánh thế là còn nhẹ đấy. Nó có cái thói rất xấu, chuyên tìm cách xô xiên với lại hăm hại người khác.

- Hắn xô cả bác?

- Đúng thế. Hắn làm méo mó bộ cánh biểu diễn của tôi. Có lần chúng tôi đang ngồi sưởi và uống trà trong lúc giải lao, hắn lén buộc cái đuôi quỷ của tôi vào với cái sừng, hoặc làm cái trò gì đại loại như thế để cười. Tôi không để ý, đến lúc phải ra sân khấu cứ thế chạy ra, khiến ông chủ gánh rất cáu. Tính tôi lành, tôi bỏ qua cho hắn những cái trò ngu xuẩn ấy. Nhưng một lần thằng cha dám trêu một nàng tiên. Đây là một cô gái trẻ xuất thân trong gia đình quý tộc nghèo. Cô đóng vai Nàng tiên Đại phúc đến cứu vị hoàng thân kia thoát khỏi bàn tay của ác quỷ do tôi đóng. Vai tiên buộc cô phải mặc có

mỗi chiếc áo bằng vải tuyền mỏng dính, trong lúc trời bên ngoài lạnh cóng. Chiếc áo khiến cô rất đẹp, thêm vào đấy là đôi cánh. Hai cánh tay xinh xắn của cô tím bầm vì lạnh. Vậy mà thằng cha không thương, vẫn cứ trêu chọc cô không ngừng. Hôm ấy sau lớp kịch, cả ba chúng tôi rời khỏi sân khấu theo lối tắt xuống dưới gầm, thì thằng cha véo vào đùi cô ấy một cái rất đau. Tức quá, không nhịn nổi, tôi cho thằng cha một trận.

- Kết quả ra sao?

- Tôi không bị sao cả, bởi vì không có ai làm chứng. Lúc đó dưới gầm sân khấu chỉ có tôi, nó với cô gái kia. Nhưng bọn viên chức vẫn kêu ầm lên, đòi đuổi tôi ra khỏi gánh. Vì chúng sắm toàn vai quan trọng nên ông chủ đành phải cho tôi ra để vừa lòng chúng.

- Sau đấy thì bác làm gì?

- Tôi đã chết đói rồi nếu cô gái đóng vai nàng tiên kia không giúp đỡ, nuôi tôi. Nhưng tôi thấy không nỡ ăn bám vào cô gái, cô ấy kiếm cũng chỉ vừa đủ nuôi bản thân cô ấy. Thế là tôi vắt óc nghĩ cách giải quyết. Tôi không muốn quay lại Sở cũ để hứng lấy vắn i dài, vả lại cũng đã có một thằng cha khốn khổ nào đó chiếm cái chỗ ấy rồi. Thế là tôi quyết định vào tu ở Tu viện.

- Bác đi tu chỉ vì mỗi một nguyên do ấy?

- Tôi còn con đường nào khác nữa đâu? Với lại tôi cũng thích được tu hành.

- Bác thích cuộc sống trong Tu viện?

- Tôi rất thích. Cuộc sống ấy yên tĩnh và rất giống với cuộc sống ở Trung đoàn. Tôi được cấp quần áo, được nuôi ăn, được có chỗ nghỉ và được các bậc bề trên kiểm soát chặt chẽ. Đây là nơi có kỷ cương.

- Cái kỷ cương ấy không làm bác thấy bị gò bó sao?

- Không. Bởi vì tôi rất thèm được sống yên tĩnh Vả lại tôi đã quen chịu khổ rồi. Khi nào thích thì tôi vào dự lễ cầu nguyện. Hơn nữa công việc của tôi cũng quen thuộc. Khi người ta bảo:

"Đóng ngựa vào xe đi, thầy dòng I-xma-in!" (tên tôi bây giờ là I-xma-in) thế là tôi đóng ngựa vào xe. Hay ai bảo: "Thầy dòng I-xma-in, tháo ngựa ra khỏi xe đi!" Thế là tôi tháo ngựa ra.

- Khoan đã, - chúng tôi nói. - Thế nghĩa là sao? Nghĩa là vào Tu viện bác

vẫn chăm sóc ngựa?

- Đúng thế, tôi là xà-ích. Ở tu viện người ta không ngại cái cấp bậc sĩ quan của tôi, bởi vì mặc dù mới tập sự, tôi cũng được coi là thầy dòng như những thầy dòng khác.

- Nhưng sau đây bác cũng sẽ được phong chính thức chứ?

- Tôi sẽ không nhận.

- Tại sao?

- Tôi tự thấy không xứng đáng.

- Do những tội lỗi ngày xưa của bác hay do gì?

- Cũng một phần. Với lại phong cho tôi để làm gì kia chứ? Tôi bằng lòng với vị trí thấp vì tôi chỉ mong được sống yên tĩnh.

- Câu chuyện bác kể chúng tôi nghe vừa rồi bác đã kể cho ai chưa?

- Kể nhiều rồi chứ. Nhưng vì không có bằng chứng gì nên chẳng ai tin. Vì vậy, khi vào Tu viện tôi đã bịa ra một lai lịch đơn giản và chừng chạc. Cũng được thôi. Tôi cũng già rồi, chẳng còn sống trên đời được bao lâu nữa.

Câu chuyện của con người hành hương mê đắm có vẻ đã sắp kết thúc. Chúng tôi chỉ còn tò mò muốn biết thêm chi tiết về cuộc sống hiện giờ của bác ở Tu viện nữa thôi.

Nikolai Leskov

Người hành hương mê đắm

Dịch giả: Vũ Đình Phòng

Chương 20

BỞI vì bác thầy dòng hành hương của chúng tôi đã kể đến đoạn chót của câu chuyện, đến chặng cuối cùng là Tu viện, nơi mà bác I-van Xê-vê ri-a-nits tin chắc rằng ngay từ khi mới ra đời số kiếp bác sẽ phải đến đây, nơi mà theo lời bác kể thì mọi sự đều như ý bác, cho nên chúng tôi bỗng nghĩ chắc hẳn nơi đây bác không còn vấp vấp khó khăn gì nữa, ai ngờ sự đời lại hoàn toàn không đơn giản như vậy. Một trong những hành khách sức nhớ ra rằng trong các sự tích về các vị thánh, rất nhiều vị đã từng bị quỷ Xa-tăng cám dỗ. Anh ta bèn hỏi bác I-van:

- Bác làm ơn nói chúng tôi nghe, sống trong Tu viện bác có bị quỷ Xa-tăng đến cám dỗ hay không? Bởi vì tôi nghe nói các nhà tu hành thường xuyên bị quỷ Xa-tăng đến cám dỗ.

Bác I-van Xê-vê-ri-a-nits hướng cặp mắt bên dưới hàng lông mày bình thản nhìn người vừa hỏi rồi đáp:

- Bị chứ! Đây là điều tất nhiên, bởi vì ngay đến thánh Tông đồ Pôn cũng từng viết trong một bức thư nhắn nhủ rằng "quỷ Xa-tăng mai phục ngay trong thân thể Người, làm sao một kẻ tầm thường như tôi không bị nó cám dỗ cho được?"

- Bác đã chịu nhiều nỗi khổ do nó gây ra phải không?

- Đúng. Rất nhiều.

- Khổ như thế nào?

- Quý Xa-tăng cám dỗ tôi bằng những điều dơ bẩn, cả những nỗi thèm khát nữa, may mà tôi cưỡng lại được.

- Thế bác thắng được nó, được quỷ Xa-tăng ọ?

- Chứ sao nữa. Bởi vì đã vào sống trong Tu viện, tức là có điều kiện thắng được quỷ Xa-tăng rồi. Nhưng thú thật, riêng tôi lại không có được cái khả năng ấy. May có một vị giáo sĩ già và đáng kính đã giúp đỡ tôi. Cha giáo sĩ ấy rất có kinh nghiệm chống lại mọi sự cám dỗ của quỷ. Lúc tôi tâm sự với

Cha rằng linh hồn Gru-sa luôn luôn hiện ra ám ảnh tôi, khiến cho tôi không còn nghĩ được gì, cảm thấy được gì ngoài nàng, thì ngài suy nghĩ một lúc rồi bảo tôi:

Thánh Giắc đã dạy: "hãy chống cự lại quỷ dữ thì nó sẽ bỏ chạy". Con cũng vậy, con hãy làm như thế. Khi con cảm thấy lòng con bắt đầu mềm yếu và con lại nghĩ đến cô gái ấy, thì con phải hiểu rằng đấy là quỷ Xa-tăng đang cám dỗ con và chống lại nó ngay bằng những hành động thương khó. Đầu tiên con hãy quỳ xuống. Hai đầu gối là vũ khí sắc bén nhất của con người: khi con quỳ xuống, linh hồn con cất cánh bay lên khiến con mê đắm. Sau đấy, con hãy đập trán xuống mặt đất đến khi mặt lử. Rồi con hành hạ thân xác con thêm bằng cách nhịn ăn. Nhìn thấy lòng thương khó của con, quỷ Xa-tăng sẽ rút lui ngay, bởi vì nó sợ, nếu nó cứ cám dỗ con mãi, con càng chóng được lên Thiên đường. Quý sẽ nghĩ "chính ta thôi không cám dỗ y nữa, y lại dễ bị sa ngã hơn".

Tôi theo đúng lời khuyên của Cha giáo sĩ già và tôi đã thắng quỷ Xa-tăng.

- Bác có phải tự hành hạ bác như thế lâu không?

- Lâu chứ, bởi vì tôi chỉ có thể thắng được quỷ Xa-tăng bằng cách tự hành hạ như thế. Hẳn cũng chỉ sợ có thể. Đầu tiên tôi quỳ xuống và đập đầu khéo đến một ngàn lần, sau đấy tôi nhịn ăn liền bốn ngày, cuối cùng hẳn thấy rằng tôi là kẻ mạnh và mới chịu thua cuộc. Hôm ấy, khi thấy tôi hất cà-mèn đựng xuất ăn ra ngoài cửa sổ, cầm lấy chuỗi hạt để bắt đầu đếm những lần đập đầu thì hẳn hiểu rằng tôi kiên quyết đến cùng và hẳn bỏ chạy. Hẳn rất sợ rằng chính hẳn lại đẩy con người này đến chỗ thành kính.

- Thế nhưng giả sử như hẳn... thôi được rồi, bác đã chiến thắng được hẳn, nhưng bác cũng phải chịu bao nhiêu nỗi khổ cực?

- Khổ cực gì đâu? Tôi chiến đấu với quỷ thì phải làm thế thôi, chứ có phải tôi tự làm khổ mình đâu.

- Thế bây giờ thì quỷ Xa-tăng không còn ám ảnh cám dỗ bác nữa chứ?

- Không.

- Nó không hiện ra lần nào nữa?

- Dưới hình dạng đàn bà thì hẳn không hiện ra thêm một lần nào nữa. Thỉnh thoảng hẳn có hiện ra thì dưới dạng một kẻ nhỏ bé thảm hại, đứng ở góc

phòng, rên rít và thở phì phò như lợn con ấy. Trông hăn tội nghiệp đến nỗi tôi cũng không nỡ hành hạ gì hăn mà chỉ làm dấu và quỳ lạy một cái là hăn thôi không rên rít nữa.

- Ổn chúa mà bác đã thoát được tất cả những thứ ấy?

- Đúng. Tôi đã chiến thắng được những cám dỗ của quỷ lớn Xa-tăng. Nhưng các ông biết không, điều này trái với lệ thường, bọn quỷ nhỏ lại hành hạ tôi còn đáng mặt hơn quỷ lớn kia.

- Bác nói sao? Bọn quỷ nhỏ cũng ám ảnh bác ạ?

- Bọn chúng về mặt cấp bậc thì chẳng có giá trị gì, vậy mà chúng lại làm tôi khổ hơn cả.

- Chúng làm gì bác ạ?

- Bởi vì chúng ta đều biết dưới địa ngục có rất nhiều linh hồn trẻ con. Chúng ngồi một chỗ thấy buồn, thế là chúng mò lên thế gian tập hành hạ người sống. Và càng ai ở giáo bậc cao càng bị chúng hành hạ khỏe.

- Chúng hành hạ cách nào ạ?

- Thí dụ như ta đang làm cái gì, thế là chúng thọc vào khiến ta hết làm đồ cái này lại vấp cái khác, khiến một bậc bề trên nào đó phải nổi giận. Làm được cái trò ấy chúng sướng lắm. Chúng vỗ tay đôm đốp rồi chạy về gặp bề trên của chúng khoe ngay: chúng con đã khiến được thằng này, thằng khác làm đồ thứ này thứ kia, hãy thưởng cho chúng con vài xu. Bọn quỷ nhỏ chỉ nghịch ngợm tai quái như thế thôi nhưng rất mệt.

- Chúng đã trêu chọc bác lần nào chưa?

- Rồi chứ! Tôi kể các ông nghe một trường hợp. Bữa ấy một thằng cha Do-thái treo cổ tự tử trong rừng, ngay gần Tu viện. Đám tập sự trong Tu viện kháo nhau rằng đấy chính là tên phán bội Giu-đa, hăn đêm đêm vẫn hiện ra đi đi lại lại trong tu viện, nhiều người đã gặp rồi. Bản thân tôi thì không sợ, vì tôi nghĩ, xung quanh mình vẫn còn ối tên Do-thái đấy thôi. Nhưng một đêm, đang ngủ trong chuồng ngựa, tôi bỗng nghe thấy tiếng chân ai đến rồi thò mõm vào chấn song cánh cửa, thở phì phò. Tôi vội đọc một câu trong kinh thánh nhưng kẻ kia vẫn đứng nguyên như thế. Tôi làm dấu, hăn vẫn đứng đó, vẫn thở phì phò. Tôi nghĩ bụng: “Làm nào được đây? Ta không thể cầu nguyện cho mi bởi vì mi là một tên Do-thái. Giá như mi không phải

Do-thái thì ta cũng chẳng làm gì được bởi vì ta không được phép cầu nguyện cho những kẻ tự tử. Vậy mi hãy đi khỏi đây và trở vào rừng!". Tôi khấn thế xong, hấn bỏ đi. Tôi ngủ thiếp trở lại. Nhưng đêm hôm sau cái thằng khốn kiếp kia lại mò đến, lại thở phì phò... Làm tôi không sao ngủ được. Tôi cố chịu đựng nhưng sức chịu đựng cũng chỉ có hạn: "Đồ khốn kiếp, - tôi nghĩ bụng. - Ngoài rừng thiếu gì chỗ mà mày cứ phải mò đến cái chuồng ngựa này quấy rầy tao. Tao đành phải kiếm một cách gì để mày đừng quần quanh đến đây nữa". Hôm sau tôi lấy than vẽ một cây thập ác to tướng trên cánh cửa. Tối hôm ấy tôi nằm xuống giường, yên trí sẽ được ngủ yên, đêm nay thì chắc chắn nó sẽ không đến. Ai ngờ nửa đêm thức giấc, nhìn ra đã thấy thằng cha khốn kiếp kia đứng giúi mõm vào chấn song cánh cửa và thở phì phò! "Quân đồn mạt! Tao không còn biết làm cách nào với mi nữa." Đêm hôm ấy hấn hù dọa tôi suốt cả đêm. Sớm hôm sau mới hồi chuông đọc kinh buổi sáng vang lên, tôi đã vội chạy ra nhà thờ, kêu với ngài Cha cả đứng đầu Tu viện. Giữa đường tôi gặp thầy dòng chuyên kéo chuông tên là Đi-ô-mít. Thầy bảo tôi:

"Sao trông thầy hoảng hốt thế kia?"

Tôi đáp:

"Suốt đêm qua tôi không ngủ được. Tôi đang đi tìm gặp đức Cha cả đây".

Và tôi kể lại câu chuyện cho thầy Đi-ô-mít nghe. Thầy bảo:

"Đạo hữu đừng đi nữa. Cha cả chiều hôm qua đắp một con đĩa lên mũi cho nên lúc này trong lòng bức bối, cái kính cũng chẳng giúp đỡ gì được cho đạo hữu đâu. Nếu đạo hữu muốn, thì chính tôi là người giúp được đạo hữu tốt nhất".

Tôi bảo:

"Thế nào cũng được. Nếu thầy giúp được tôi, tôi sẽ biếu thầy đôi găng tay cũ nhưng rất ấm để mùa đông thầy lên gác chuông đeo vào cho đỡ buốt".

"Được thôi" - Đi-ô-mít đáp.

Tôi đem cho thầy đôi găng tay, còn thầy thì lên gác chuông vác xuống cho tôi một cánh cửa đã cũ của nhà thờ, có vẽ hình thánh Tông đồ Pi-ô-tô đang cầm chùm chìa khóa của thiên đường. Thầy Đi-ô-mít nói:

"Quan trọng nhất ở đây là chùm chìa khóa. Đạo hữu đặt cái cánh cửa này

vào chỗ nào thì ma quỷ không có cách nào chui lọt".

Mừng rờ quá suýt nữa tôi cúi rạp đầu xuống chạm đất để cảm ơn thầy. Tôi nghĩ, sao lại phải khuôn đi khuôn lại cánh cửa này cho mệt. Ta tính cách nào để nguyên cánh cửa ở đó thì không còn ma quỷ nào dám trêu ghẹo ta nữa. Tôi bèn kiểm hai cái néo thật chắc, treo cánh cửa ấy lên ngay trước chuồng ngựa. Rồi cẩn thận hơn, tôi lại vác về một tảng đá rất to để làm đối trọng, cũng buộc lên đó. Loay hoay làm suốt ngày hôm ấy, đến tối mới xong. Thì cũng vừa đến giờ đi ngủ. Tôi bèn nằm xuống giường và ngủ thiếp đi luôn. Nhưng bỗng nhiên đang mơ màng tôi nghe thấy một tiếng gì đó. Chưa biết nình mơ hay tỉnh. Nhưng rõ ràng là có tiếng thở phì phò. Mà không phải chỉ tiếng thở. Cả tiếng đẩy cửa nữa... Cái cánh cửa cũ còn có then cài Cánh cửa mới treo này chưa có, phần vì vội quá tôi chưa kịp lắp, phần vì tôi tin có hình đức thánh Tông đồ, kẻ nào còn dám đụng vào. Tiếng cạy cửa mỗi lúc một táo tợn hơn, thế rồi tôi nhìn thấy cái mõm thò vào. Nhưng vừa lúc ấy do cánh cửa có treo đối trọng, nên nó đung đưa và đập một đòn rất mạnh vào cái mõm ấy. Tên khốn kiếp xem chừng vẫn chưa chịu chỉ lùi lại loạng choạng một chút rồi lại tiếp tục đẩy. Lại một đòn thứ hai, tảng đá làm đối trọng đập vào trúng mõm nó mạnh hơn lần trước. Bây giờ thì cái thằng khốn kiếp kia chịu thua, bởi vì tôi thấy bên ngoài đã im ắng. Tôi nhắm mắt ngủ tiếp, nhưng chỉ được một lúc. Tôi nhìn ra lại thấy thằng cha. Nhưng lần này hẳn rút được kinh nghiệm, không đẩy thẳng cánh cửa mà lách cái sừng đẩy cánh cửa sang ngang để vào. Tôi kéo chiếc áo bông lên che kín đầu. Thì hẳn bước đến, lấy sừng hất áo ra, liếm mặt tôi, liếm sang đến tai tôi... Tôi không chịu đựng nổi sự táo tợn đến mức ấy, bèn thò tay xuống dưới gầm giường lôi lên cây rìu và lấy đà bổ cho một nhát. Tôi nghe thấy tiếng rên ò ò rồi tiếng thân thể nó ngã vật xuống đất. Tôi nghĩ bụng "đáng đời". Sáng hôm sau tôi nhìn thấy không có thằng Do-thái nào hết. Thì ra cái bọn tiểu quỷ khốn kiếp đã bê thằng Do-thái đi và thay vào chỗ của nó là một con bò của Tu viện chúng tôi.

- Nghĩa là người ta tưởng bác bổ rìu vào trúng con bò ấy?
- Đúng thế. Chuyện này làm xôn xao cả Tu viện
- Thế bác có phải chịu hậu quả nào đáng buồn về vụ này không?

- Có chứ. Cha Cả bảo rằng tôi đã bị mê sảng bởi vì tôi ít vào nhà thờ đọc kinh quá. Thế là ngài đòi tôi, hàng ngày tắm rửa cho ngựa xong vào nhà thờ, đứng bên trong hàng rào ở ban thờ lo chuyện nhang nến... nhưng rồi cuộc đám tiểu quỷ kia chưa tha tôi, vẫn theo đuổi, ngăn trở mọi công việc của tôi. Dịp lễ vào hè, buổi cầu kinh nửa đêm, trong lúc mọi người đứng theo thứ bậc, đức Cha cả và đức Tế giảng đứng ở giữa, một bà nữ tu sĩ già bước đến, trao cho tôi ngọn nến và bảo:

"Thầy hãy đặt ngọn nến này lên bàn thờ Chúa".

Tôi bước đến chỗ cần thiết, chưa kịp đặt cây nến vào thì vướng tay làm đổ một cây nến khác, rơi xuống đất. Tôi cúi xuống để nhặt lên thì lại làm rơi hai cây nến nữa. Vừa mới đặt lại cho ngay ngắn thì làm đổ luôn bốn cây. Tôi biết ngay là bọn tiểu quỷ kia phá quấy, làm hại tôi. Nhưng đến lúc cúi xuống để nhặt bốn cây nến kia thì đầu tôi đụng luôn vào cái khay và thế là hàng loạt ngọn nến đổ xuống. Cáu quá tôi hất đổ tất, bởi tôi nghĩ: "Đã đến thế này thì tốt nhất là hất đổ hết đi cho nó xong".

- Vụ ấy bác bị trừng phạt ra sao?

- Lúc đầu Tu viện đã định truy tố tôi ra tòa, may có đức cha cao tuổi nhất tên là Xu-xôi, tu trong một túp lều đắp bằng đất. Cha đã xin cho tôi. Cha nói:

"Các cha bắt tội người ta làm gì? Bởi vì đây chính là bàn tay của quỷ Xa-tăng đã làm cho anh ta rối trí.

Đức cha Cả nghe theo cha Xu-xôi, thôi không truy tố tôi ra tòa nữa, mà chỉ bắt tôi xuống ở dưới hầm trong một ngăn còn bỏ trống.

- Bác bị giam dưới hầm ấy bao lâu?

- Cha Cả không nói trong bao lâu. Tôi ngồi trong đó suốt cả mùa hè cho mãi đến khi tuyết đầu mùa bắt đầu rơi.

- Nằm dưới căn hầm ấy chắc buồn tẻ và khổ cực không kém gì thời gian bác bị giam hãm tại thảo nguyên hồi trước?

- Không đâu. So sánh làm sao được? Ở đây tôi vẫn được nghe thấy tiếng chuông nhà thờ, được đạo hữu thăm viếng. Họ thường đến, đứng trên nóc hầm trò chuyện với tôi. Còn đức cha quản lý thì sai người thả cối xay xuống để tôi xay muối cho nhà bếp. So sánh với thảo nguyên hay với bất cứ

nơi nào khác thế nào được?

- Bao giờ bác mới được ra khỏi hầm giam? Chắc là đến khi tuyết rơi bởi vì dưới đó quá lạnh phải không?

- Không phải. Người ta thả tôi hoàn toàn không phải do lạnh mà do một nguyên do khác: tôi bắt đầu tiên tri.

- Tiên tri?

- Đúng thế. Chẳng là nằm dưới căn hầm, tôi ngẫm nghĩ miên man, thấy linh hồn của tôi sao nó tồi tệ đến thế. Chính vì cái linh hồn kém cỏi ấy mà tôi phải chịu bao nhiêu nỗi gian truân. Tôi bèn nhờ một thầy dòng tập sự đến tìm một nhà giáo già thông thái để hỏi xem, liệu tôi có thể cầu nguyện để chúa thay một linh hồn khác, khá hơn thế này cho tôi không? Nhà giáo già kia nhảu anh ta truyền lại cho tôi rằng "Cứ cầu nguyện đi, khi đó cái điều ta không ngờ tới sẽ đến".

Tôi bèn làm theo lời khuyên: ba đêm liền tôi quỳ bằng cái vũ khí kỳ diệu, tức là hai đầu gối, trong căn hầm giam, cầu nguyện để Chúa thay cho tôi linh hồn khác khá hơn cái linh hồn tôi đang mang trong người. Trong tu viện lại có một thầy dòng tên là Ghê-rôn-chi. Anh ta ham đọc sách và giữ rất nhiều sách báo đủ loại. Một lần anh ta đưa tôi đọc cuốn sự tích Thánh Ti-khôn. Ngoài ra, mỗi lần đi ngang qua bên trên căn hầm, anh ta đều quăng cho tôi một tờ báo nào đó mà anh ta giấu trong vạt áo chùng. Anh ta bảo:

"Đạo hữu đọc đi, có ích đấy. Với lại, trong cái hố này thì đọc báo cũng đỡ buồn chán".

Chờ đợi cái sự không thể xảy ra kia, tôi tạm thời lo đọc sách báo. Cứ xay xong số muối quy định, tôi lại xay lần nữa cho kỹ, rồi bắt đầu đem sách báo ra đọc. Đầu tiên tôi đọc cuốn sự tích Thánh Ti-khôn, đọc cái đoạn kể Đức mẹ đồng trinh cùng với hai thánh tông đồ Pi-ô-t và Pa-ven đến phòng ở của thánh Ti-khôn, thăm ngài. Trong sách viết rằng, đức thánh Ti-khôn đã cầu xin đức mẹ Đồng trinh kéo dài hòa bình trên thế gian, và đức thánh tông đồ Pa-ven đã thốt lên lời tiên đoán như sau; "Chính cái lúc tất cả mọi người tin vào hòa bình vĩnh viễn, thì cũng là lúc tai họa lớn bắt đầu đe dọa họ!" Câu nói của thánh Tông đồ làm tôi suy nghĩ triền miên, lúc đầu tôi chẳng hiểu

gì cả: tại sao vị thánh kia lại băn khoăn đến chuyện này? Nhưng rồi đọc tiếp các báo chí, tôi thấy ở ta cũng như ở khắp các nơi khác, mọi người bàn tán không ngớt đến chuyện hòa bình trên khắp trái đất. Rồi tôi sức nhớ đến lời cầu nguyện của mình, và đột nhiên hiểu ra rằng, những lời của vị thánh Tông đồ "chính cái lúc tất cả mọi người tin vào hòa bình vĩnh viễn thì cũng là lúc tai họa lớn bắt đầu đe dọa họ" đang trở thành sự thật. Tôi bỗng thấy lo cho nhân dân Nga của tôi và tôi bắt đầu cầu nguyện, đồng thời thúc giục những ai đến thăm tôi cùng cầu nguyện. Nước mắt lưng tròng, tôi van nài mọi người hãy cùng tôi cầu nguyện cho đức Vua của chúng ta thắng được mọi kẻ thù, bởi vì chúng ta đang sắp gặp tai họa lớn lao. Sao nước mắt của tôi chảy ra nhiều thế! Tôi rất lo lắng cho số phận của nước Nga. Mọi người thuật lại cho đức Cha đứng đầu Tu viện về chuyện thầy dòng I-xma-in nằm dưới hầm ngục suốt ngày khóc lóc và tiên đoán chiến tranh sắp xảy ra. Đức Cha đứng đầu Tu viện bèn chuyển tôi lên một túp lều bỏ hoang ở giữa vườn rau, đặt vào đấy một bức tượng thánh "Sự im lặng hạnh phúc" có hình đức Chúa Giê-su mang đôi cánh giản dị, hai tay chắp thành kính trên ngực, nhưng đầu không đội mũ miện mà mang những trang trí của Sa-bao. Đức cha còn ra lệnh cho tôi hàng ngày quỳ lạy bức tượng thánh kia cho đến khi nào trí não tiên tri của tôi không hoạt động nữa. Thế là tôi bị giam trong túp lều giữa vườn suốt cả mùa đông. Tuy hàng ngày quỳ lạy bức tượng thánh "Sự im lặng hạnh phúc" nhưng hễ gặp ai, tôi không nhìn được và lại bắt đầu nói. Thời gian ấy đức Cha đứng đầu Tu viện phái thầy thuốc đến thăm bệnh, xem tôi có mất trí hay không? Ông thầy thuốc ngồi trong lều với tôi rất lâu. Sau khi nghe toàn bộ câu chuyện như tôi vừa kể các ông nghe, thì ông ta nhổ bãi nước bọt rồi bảo:

"Thầy dòng này giống như mặt trống ấy. Tha hồ đánh cũng không thế" (chỗ này chắc sắp chữ thiếu)

Tôi nói:

"Biết làm sao được? Chắc đó là điều cần thiết phải như thế chẳng?"

Ông thầy thuốc nghe xong tất cả những gì tôi kể, trở về thưa với Cha Cả:

"Tôi không sao hiểu được ông ta. Không hiểu ông ta quá khờ khạo, hay ông ta mất trí hoặc ông ta đúng là có tài tiên tri thật. Chuyện ấy thuộc phạm vi

của ngài chứ không phải của tôi. Riêng ý tôi thì nên cho ông ta đi đâu xa một chút. Ông ta ngồi lì một chỗ lâu quá rồi chẳng?".

Thế là tôi được Tu viện cho đi. Bây giờ tôi trên đường tìm đến đức Cha Dô-xim để dự lễ giảng kinh và đến đức Cha Xa-ba-tê ở tỉnh Xô-lôp-ki. Tôi đã đi nhiều nơi, nhưng hai vị ấy tôi chưa hề được yết kiến, bây giờ tôi muốn được quỳ lạy hai vị ấy trước khi từ giã cõi đời.

- Sao bác đã nói đến chuyện chết? Hay bác mắc phải bệnh gì chẳng?
- Không phải chuyện bệnh tật, mà vì chẳng bao lâu nữa tôi sẽ phải ra chiến đấu ngoài mặt trận.
- Thì ra bác vẫn thích nói đến chiến tranh à?
- Đúng thế.
- Nghĩa là bức tượng thánh "Sự im lặng hạnh phúc" vẫn không hiệu nghiệm?
- Tôi không biết. Thực ra tôi cũng cố gắng ngậm miệng đấy chứ. Nhưng khốn nỗi không nhịn được. Linh hồn tôi cứ thúc.
- Linh hồn bác làm sao?
- Lúc nào cũng một mực: chuẩn bị vũ khí
- Có thật bác sẽ tham gia chiến trận hay không?
- Còn thật gì nữa? Dứt khoát là tôi sẽ chết cho nhân dân đất nước tôi.
- Nhưng bác sẽ chiến đấu trong bộ trang phục thầy dòng này ư?
- Không, lúc đó tôi sẽ cởi bộ áo chùng này và khoác bộ quân phục.

Nói đến câu ấy, người hành hương mê đắm nhìn như cảm thấy tiếng nói tiên tri từ trong đáy lòng và bác đắm chìm trong suy nghĩ khiến chúng tôi không ai dám cắt đứt luồng suy nghĩ của bác và đưa ra thêm câu hỏi nào. Với lại còn hỏi bác điều gì được nữa? Bác đã thuật lại quá khứ cuộc đời của bác một cách chân thật hoàn toàn của một con người có trái tim giản dị. Còn những lời "tiên tri" của bác thì lúc này vẫn còn nằm trong bàn tay của Đấng vốn quen giấu kín ý định của ngài trước con mắt các nhà thông thái, nhưng lại đôi khi để lộ ra cho trẻ thơ nhìn thấy.

HẾT

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.

Nguồn: <http://vnthuquan.net>

Phát hành: **Nguyễn Kim Vy**.

Đánh máy: Huy Tran

Nguồn: Nhà xuất bản

Được bạn: Ct.ly đưa lên

vào ngày: 7 tháng 4 năm 2009